



# CÔNG BÁO

*Tỉnh Thái Nguyên*

Số 52+53

Ngày 15 tháng 9 năm 2021

## MỤC LỤC

Trang

### VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

12-8-2021	Nghị quyết số 138/NQ-HĐND thông qua kết quả giám sát việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thứ 12 và các ý kiến, kiến nghị tại Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khóa XIII.	3
12-8-2021	Nghị quyết số 139/NQ-HĐND về việc kéo dài thời gian bố trí vốn đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương.	31
12-8-2021	Nghị quyết số 140/NQ-HĐND thông qua Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2.	98
12-8-2021	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND về việc bãi bỏ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2016 và Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.	101
12-8-2021	Nghị quyết số 142/NQ-HĐND quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	103
12-8-2021	Nghị quyết số 143/NQ-HĐND thông qua Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Thái	108

Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

12-8-2021	Nghị quyết số 144/NQ-HĐND phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án xây dựng Trụ sở nhà làm việc và các công trình phụ trợ của Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Hỷ.	115
12-8-2021	Nghị quyết số 145/NQ-HĐND phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	117

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 138/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 8 năm 2021

### **NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua kết quả giám sát việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thứ 12 và các ý kiến, kiến nghị tại Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIII**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỶ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2020 về Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên năm 2021;*

*Sau khi nghe Báo cáo số 119/BC-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả giám sát việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thứ 12 và các ý kiến, kiến nghị tại Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIII;*

*Xét Tờ trình số 118/TTr-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua kết quả giám sát việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thứ 12 và các ý kiến, kiến nghị tại Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIII; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Tán thành Báo cáo kết quả giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thứ 12 và các ý kiến, kiến nghị tại Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIII.

### **1. Kết quả đạt được**

Kỳ họp thứ 12 và Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIII có tổng số 161 ý kiến, kiến nghị của cử tri. Ủy ban nhân dân tỉnh đã tiếp thu, giải quyết và trả lời 100% các ý kiến, kiến nghị của cử tri. Thống nhất chuyên 15 ý kiến, kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của Trung ương; 22 ý kiến, kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện; số ý kiến, kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền cấp tỉnh cần xem xét, giải quyết là 124 ý kiến, kiến nghị. Trong số 124 ý kiến thuộc thẩm quyền cấp tỉnh có 82/124 ý kiến, kiến nghị của cử tri đã giải quyết xong hoặc giải trình, thông tin tới cử tri, đạt tỷ lệ 66,2%; 42/124 ý kiến, kiến nghị đang giải quyết, chiếm tỷ lệ 33,8% (*có Phụ biểu kèm theo*). Nhìn chung, việc tiếp nhận, giải quyết, trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri đã được thực hiện đúng quy định, nội dung trả lời cơ bản đầy đủ, nhiều kiến nghị được xem xét, giải quyết kịp thời, đáp ứng nguyện vọng của cử tri.

### **2. Tồn tại, hạn chế**

- Việc tổng hợp, phân loại một số ý kiến, kiến nghị của cử tri chưa cụ thể và chưa đúng thẩm quyền giải quyết. Mặc dù, Ủy ban nhân dân tỉnh đã rất nỗ lực trong công tác chỉ đạo, triển khai giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri nhưng số ý kiến chưa giải quyết xong vẫn còn 33,8%.

- Một số ý kiến, kiến nghị của cử tri chưa được giải quyết dứt điểm hoặc chưa xác định rõ lộ trình, tiến độ thời gian giải quyết.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến và thông tin về kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri mặc dù đã được quan tâm, thực hiện thường xuyên nhưng vẫn còn tình trạng kiến nghị đã được giải quyết, trả lời hoặc chính sách có liên quan đã được ban hành nhưng cử tri vẫn tiếp tục kiến nghị.

### **3. Nguyên nhân**

- Sự phối hợp giữa một số Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện chưa chặt chẽ; việc tổng hợp, phân loại ý kiến, kiến nghị còn có nội dung chưa rõ ý và chưa đúng thẩm quyền.

- Nhiều ý kiến, kiến nghị của cử tri có liên quan đến việc bố trí nguồn lực để đầu tư nên cần có lộ trình, thời gian để giải quyết. Một số ý kiến, kiến nghị liên quan đến việc thực hiện các dự án đầu tư, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường đòi hỏi phải thực hiện thanh tra, kiểm tra nên cần thời gian để xử lý, giải quyết dứt điểm.

- Một số kiến nghị liên quan đến cơ chế chính sách thuộc thẩm quyền giải quyết của Chính phủ, các cơ quan Trung ương, do vậy Ủy ban nhân dân tỉnh giải trình, tiếp thu và kiến nghị với cấp có thẩm quyền để giải quyết.

- Một số kiến nghị của cử tri liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều lĩnh vực trong khi việc xem xét, giải quyết, trả lời trong thời gian ngắn, giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, nên vẫn còn ý kiến, kiến nghị đang trong quá trình giải quyết.

**Điều 2.** Để tiếp tục nâng cao chất lượng giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri, Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu:

### **1. Đối với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh**

- Tăng cường giám sát đối với ý kiến, kiến nghị của cử tri đang trong quá trình giải quyết và các ý kiến, kiến nghị gửi đến các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh; báo cáo kết quả giám sát với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

- Thực hiện phiên giải trình về việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh, nhất là các nội dung có nhiều cử tri quan tâm, kiến nghị nhiều lần nhưng chưa được giải quyết dứt điểm.

- Chỉ đạo các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp chặt chẽ với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện trong việc tổng hợp, phân loại ý kiến, kiến nghị gửi đến các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo đầy đủ, chính xác, đúng thẩm quyền giải quyết.

- Chỉ đạo các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện giám sát thường xuyên việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri; chỉ đạo thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý để tổng hợp, theo dõi, giám sát kết quả giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri.

## **2. Đối với các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh**

- Thường xuyên theo dõi, giám sát đối với việc giải quyết, trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri tại địa phương. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri.

- Tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri đảm bảo rõ ràng, chính xác, đúng thẩm quyền để tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan chức năng trong việc xem xét, giải quyết, trả lời cử tri.

## **3. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh**

- Tiếp tục chỉ đạo, tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri theo đúng quy định, không để tồn đọng, kéo dài.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực đang phát sinh nhiều ý kiến, kiến nghị của cử tri như đất đai, tài nguyên và môi trường, bồi thường giải phóng mặt bằng, quản lý dự án đầu tư, xây dựng cơ bản...

- Tập trung chỉ đạo, xây dựng kế hoạch cụ thể, xác định rõ thời gian, lộ trình và phương án giải quyết dứt điểm đối với từng kiến nghị của cử tri đang trong quá trình giải quyết; ưu tiên giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri liên quan đến chế độ, chính sách, đặc biệt là chính sách đối với cán bộ cơ sở.

- Đối với những công trình, dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định đầu tư, triển khai tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công và dự kiến thời gian hoàn thành trong năm 2021, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh sớm triển khai thực hiện đúng tiến độ đã đề ra, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân. Cụ thể như: Việc xây hệ thống thoát nước đoạn đường ĐT.264 từ nhà thờ Quảng Nạp đến chợ Nạp xã Bình Thành; việc bố trí kinh phí cải tạo, nâng cấp tuyến đường WB3 từ

xã Phúc Thuận đến xã Tân Cương; việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng, xây dựng hệ thống mương thoát nước tuyến đường ĐT.262; việc tu bổ, sửa chữa, nạo vét hồ Bạch Thạch; việc bố trí kinh phí, nâng cấp, sửa chữa tuyến đường trước cửa Trạm kiểm lâm vào khu di tích Thủ tướng Phạm Văn Đồng...

- Tiếp tục chỉ đạo giải quyết dứt điểm các ý kiến, kiến nghị của cử tri kéo dài qua nhiều kỳ họp như: Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án đường Cù Vân - An Khánh - Phúc Hà - Quyết Thắng; giải quyết các vấn đề vướng mắc trong xây dựng, quản lý chợ Dộc Hanh; giải quyết việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hơn 100 hộ gia đình đã mua nhà thanh lý tại khu C, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp từ năm 1991; việc xử lý các vấn đề có liên quan đến đất nông lâm trường tại các huyện Võ Nhai, Đông Hỷ, Phú Bình, thị xã Phổ Yên ...

- Đối với nội dung cử tri kiến nghị về việc quy hoạch đất rừng đặc dụng chồng lấn vào diện tích rừng sản xuất đã được cấp trước đó cho nhân dân, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát tổng thể trên địa bàn tỉnh để có phương án giải quyết, hỗ trợ cho người dân.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục kiến nghị bằng văn bản đối với các cơ quan Trung ương để xem xét, giải quyết đối với các ý kiến, kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của Trung ương và báo cáo kết quả thực hiện với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Những nội dung chưa giải quyết xong có liên quan đến trách nhiệm của tỉnh, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm, phối hợp giải quyết. Cụ thể như: Việc bàn giao đất và mặt bằng cho Lữ đoàn 210; việc xây dựng hệ thống mương thoát nước trên Quốc lộ 3 đoạn chân dốc Hà Mã về phía Đền Đuôm và đoạn qua thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương; mương thoát nước trên tuyến Quốc lộ 1B qua địa phận xã Lâu Thượng và xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai...

- Đôn đốc, chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã xem xét, sớm giải quyết các ý kiến, kiến nghị đang trong quá trình giải quyết thuộc thẩm quyền của cấp huyện như: Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Trường Đại học Việt Bắc; việc giải quyết kiến nghị của nhân dân Khu chung cư 5 tầng trên

địa bàn phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên; đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Cụm công nghiệp Sơn Cẩm 1...

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp tục phối hợp chặt chẽ trong việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Giao các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2021./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Hoàng Sơn**

**TỔNG HỢP Ý KIẾN, KIẾN NGHỊ THUỘC THẨM QUYỀN CẤP TỈNH ĐANG GIẢI QUYẾT**  
(Kèm theo Nghị quyết số: 138/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

**Tổng số: 42 ý kiến**

TT	Nội dung ý kiến, kiến nghị của cử tri	Kết quả giải quyết
1	<b>Cử tri xã Văn Lăng, huyện Đồng Hỷ</b> phản ánh hiện nay, tại xóm Liên Phương, xóm Bản Tèn đã có điện nhưng chất lượng điện yếu chưa đảm bảo phục vụ đời sống sinh hoạt và sản xuất của nhân dân. Đề nghị tỉnh chỉ đạo ngành điện tiếp tục quan tâm đầu tư, nâng cấp lưới điện, xây dựng thêm 01 trạm biến áp tại khu vực Khau Bí, xóm Liên Phương, hỗ trợ kéo đường điện đến khu vực Đèo Danh, Ao Cước, xóm Bản Tèn.	Trên địa bàn xã Văn Lăng, huyện Đồng Hỷ hiện có 01 Trạm biến áp 100 kVA-35/0,4 kV, xây dựng 3,349 Km đường dây trung thế và 2,855 Km đường dây hạ thế cấp điện cho khu vực Bản Tèn, xã Văn Lăng. UBND tỉnh đã chỉ đạo Công ty Điện lực Thái Nguyên tổ chức kiểm tra thực tế, báo cáo kết quả và đưa ra hướng giải quyết. Qua kiểm tra các khu vực nêu trên ở thời điểm hiện tại do phụ tải phát triển, bán kính cấp điện dài, dẫn đến chất lượng điện áp giảm. Tuy nhiên do nguồn lực còn nhiều khó khăn, Công ty Điện lực Thái Nguyên sẽ báo cáo Tổng Công ty Điện lực miền Bắc để bố trí nguồn vốn thực hiện đầu tư và cải tạo lưới điện vào giai đoạn sau năm 2021.
2	<b>Cử tri xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên</b> kiến nghị Dự án xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Sơn Cẩm 2 (phê duyệt từ năm 2018) đến nay vẫn chưa được thực hiện. Đề nghị tỉnh sớm có phương án giải quyết.	Dự án xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp Sơn Cẩm 2, xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên có diện tích 29,74 ha, tổng mức đầu tư là 227 tỷ đồng, chủ đầu tư là Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp - Sở Công Thương tỉnh Thái Nguyên, thời gian thực hiện dự án 2018 - 2023. Trong giai đoạn lập báo cáo đề xuất chủ trương dự án, chủ đầu tư đã mời gọi được 03 nhà đầu tư thứ cấp. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nên các nhà đầu tư thứ cấp chưa có khả năng ứng vốn cho chủ đầu tư thực hiện dự án theo thỏa thuận đã cam kết. UBND tỉnh giao Sở Công Thương báo cáo phương án chuyển giao chủ đầu tư Dự án Xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Sơn Cẩm 2 trong tháng 7/2021.
3	<b>Cử tri xã Vạn Thọ, huyện Đại Từ</b> đề nghị tỉnh xem xét việc kiểm đếm và bồi thường cho các hộ dân bị thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu du lịch tâm linh Hồ Núi Cốc (khởi công từ năm 2016), vì hiện nay có những hộ dân đã kiểm đếm và được bồi thường, có những hộ đã kiểm đếm nhưng chưa được bồi thường	Dự án Khu du lịch tâm linh hồ Núi Cốc được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 tại Quyết định số 2896/QĐ-UBND ngày 25/9/2017 với tổng diện tích đất là: 19,9 ha (địa phận huyện Đại từ 18,09ha, địa phận thị xã Phổ Yên là: 1,81 ha). Đến nay, đã thực hiện thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường là 16,5ha trong đó có diện tích 8,55 ha đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Quản lý rừng phòng hộ đặc dụng, giá trị phê duyệt trên 17 tỷ đồng; đã chi trả tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng 25/26 hộ sử dụng đất (01 hộ đang có tranh chấp tài sản); đã bàn giao đất cho chủ đầu tư 7,95 ha; diện tích đất rừng phòng hộ trong phạm vi dự án, đã kiểm đếm nhưng chưa thu hồi đất và chưa phê duyệt phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng là: 2,25 ha. Phần bồi thường,

TT	Nội dung ý kiến, kiến nghị của cử tri	Kết quả giải quyết
		<p>giải phóng mặt bằng đường trục nối ĐT 261 với Hồ Núi Cốc và đường ven hồ đoạn từ đường trục nối ĐT 261 với Hồ Núi Cốc đến khu vực Đền Gàn với tổng chiều dài toàn tuyến là 1,9 Km, diện tích đất thu hồi 23,16 ha, số tiền bồi thường đã phê duyệt là 76,13 tỷ đồng. Trong đó, 300/302 hộ đã nhận tiền bồi thường (tương ứng với số tiền là 69,34/ 76,13 tỷ đồng; còn lại 1,17/76,13 tỷ đồng chưa chi trả). Tiểu dự án Xây dựng Khu tái định cư xóm 5, xã Vạn Thọ: Tổng diện tích ảnh hưởng 2,52 ha, đã thu hồi và phê duyệt phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng 50/50 hộ, giá trị tiền bồi thường đã phê duyệt là: 6,06 tỷ, đã chi trả tiền bồi thường 40 hộ, giá trị 2,94 tỷ, diện tích đã bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư là 1,14 ha. Hiện còn 19 hộ đã thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng từ năm 2017 do chưa có kinh phí để chi trả.</p> <p>UBND tỉnh giao UBND huyện Đại Từ có phương án giải quyết dứt điểm đối với 01 hộ tranh chấp để bàn giao đất cho Nhà đầu tư. Đồng thời tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh cân đối, bổ sung kế hoạch đầu tư công. Trong đó, ưu tiên vốn để chi trả bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng.</p>
4	<p><b>Cử tri xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên</b> phản ánh: Hiện nay, tại xóm Soi Vàng có 02 trang trại chăn nuôi lợn quy mô lớn, xây dựng gần khu dân cư, đang gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe của nhân dân. Đề nghị tỉnh quan tâm, chỉ đạo các ngành chức năng có phương án giải quyết.</p>	<p>Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra thực tế. Theo kết quả kiểm tra, hiện trên địa bàn xóm Soi Vàng có 04 trang trại chăn nuôi lợn đó là: Trang trại bà Nguyễn Thị Mai, trang trại ông Trần Xuân Phong, trang trại ông Nguyễn Văn Tài (do bà Nguyễn Thị Nhạn đứng tên) và trang trại ông Đàm Văn Mươi.</p> <p>- Đối với trang trại bà Nguyễn Thị Nhạn với quy mô 1.200 con lợn thịt/lúa: Qua kết quả kiểm tra, trang trại này hoạt động nhưng không có báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt theo quy định, xả nước thải ra môi trường vượt quá giới hạn cho phép. Ngày 27/5/2021, UBND tỉnh ra Quyết định số 1683/QĐ-UBND xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị Nhạn với tổng mức tiền là 339.000.000 đồng, buộc bà Nhạn phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường. Đồng thời, đình chỉ hoạt động của trang trại chăn nuôi lợn trong thời hạn 9 tháng. Do tính chất đặc thù của cơ sở đang chăn nuôi lợn, cho phép chủ trang trại chăn nuôi đến khi xuất hết lứa lợn hiện tại (yêu cầu phải có biện pháp bảo vệ môi trường), sau đó dừng việc chăn nuôi lợn.</p> <p>- Đối với trang trại ông Trần Xuân Phong hoạt động nhưng không có Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành theo quy định, không thực hiện đúng các nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê</p>

TT	Nội dung ý kiến, kiến nghị của cử tri	Kết quả giải quyết
		<p>duyet, không báo cáo kết quả giám sát chất thải định kỳ. Ngày 27/5/2021, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1684/QĐ-UBND xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trần Xuân Phong với tổng mức tiền là 220.000.000 đồng, buộc ông Phong trước ngày 30/8/2021 phải hoàn thành việc xây lắp, vận hành công trình bảo vệ môi trường và lập hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nếu quá thời hạn ông Phong không nghiêm chỉnh chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.</p> <p>Sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định xử lý vi phạm hành chính đối với 02 trang trại bà Nhận và ông Phong, để kiểm tra việc chấp hành quyết định xử lý vi phạm của 02 trang trại trên, ngày 16/7/2021, Sở Tài Nguyên và Môi trường đã có Quyết định số 741/QĐ-STNMT về việc kiểm tra việc thực hiện kết luận kiểm tra, chấp hành quyết định xử lý vi phạm đối với 02 trang trại này. Ngày 22/7/2021, Đoàn kiểm tra của đã phối hợp với UBND thành phố Thái Nguyên, UBND xã Tân Cương khảo sát thực tế tình hình hoạt động và xây dựng công trình môi trường tại 02 trang trại trên. Qua kiểm tra cho thấy, cả 02 trang trại trên đều chưa thực hiện quyết định xử lý vi phạm và khắc phục ô nhiễm theo yêu cầu của UBND tỉnh. UBND tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục kiến nghị xử lý nếu 02 hộ trên còn tiếp tục vi phạm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với trang trại bà Nguyễn Thị Mai: UBND tỉnh đã 3 lần ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền là 221,1 triệu đồng và yêu cầu phải hoàn thành xây dựng cải tạo hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn kỹ thuật về môi trường.</li> <li>- Đối với trang trại ông Đàm Văn Mười: Trang trại chưa lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, chưa thực hiện xong việc xin chuyển đổi đất lúa sang đất làm trang trại, vi phạm quy định về môi trường và đất đai, không đủ điều kiện pháp lý về môi trường, đất đai để hoạt động. Ngày 07/4/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Văn bản số 997/STNMT-BVMT đề nghị UBND thành phố Thái Nguyên kiểm tra, xử lý đối với trang trại này. Ngày 15/7/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành quyết định số 732/QĐ-STNMT về việc thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường và tài nguyên nước đối với trang trại chăn nuôi lợn của ông Đàm Văn Mười. Ngày 20/7/2021, đoàn thanh tra đã làm việc tại trang trại, khảo sát thực tế và thu thập các hồ sơ liên quan. UBND tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ, có kết luận thanh tra, tham mưu UBND tỉnh phương án xử lý trong tháng 8 năm 2021.</li> </ul>

TT	Nội dung ý kiến, kiến nghị của cử tri	Kết quả giải quyết
5	<b>Cử tri xã Cúc Đường, huyện Võ Nhai và các xã có đất của Lâm trường Võ Nhai (cũ)</b> đề nghị tỉnh giải quyết dứt điểm thủ tục cấp đất Lâm trường để Nhân dân được quản lý, sử dụng theo quy định.	Ngày 06/11/2017, UBND tỉnh ban hành QĐ 3453/QĐ-UBND thu hồi 3.043.421,8m <sup>2</sup> đất của Công ty TNHH Nhà nước MTV Lâm nghiệp Võ Nhai giao cho UBND huyện Võ Nhai quản lý theo quy hoạch. Phần diện tích 1.340,2 ha trên địa bàn xã Dân Tiến và xã Tràng Xá được UBND tỉnh phê duyệt phương án sử dụng đất tại Quyết định số 3864/QĐ-UBND ngày 13/12/2017. Hiện nay, UBND huyện Võ Nhai đang tiến hành lập phương án sử dụng đất đối với phần diện tích còn lại trên địa bàn các xã. UBND tỉnh yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường sớm trình duyệt phương án sử dụng đất trong tháng 7/2021 và hướng dẫn UBND huyện Võ Nhai thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất cho Nhân dân.
6	<b>Cử tri phường Châu Sơn, thành phố Sông Công</b> đề nghị sửa chữa hệ thống mương thoát nước, xử lý tình trạng ngập úng 2 bên đường ĐT.262 (đoạn từ Cầu Khoang tới UBND phường Châu Sơn)	Hạng mục xây rãnh thoát nước dọc đường ĐT.262 đoạn từ cầu Khoang tới UBND phường Châu Sơn, thành phố Sông Công đã được UBND tỉnh phê duyệt Danh mục công trình sử dụng nguồn kinh phí bảo trì các tuyến đường tỉnh năm 2021 tại Quyết định số 605/QĐ-UBND ngày 09/3/2021 nguồn vốn từ nguồn kinh phí quản lý bảo trì đường bộ được cấp từ Ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2021 cho tỉnh Thái Nguyên và nguồn sự nghiệp không thường xuyên đã giao cho Sở Giao thông vận tải tại Quyết định số 4199/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Hiện nay, Sở Giao thông vận tải đang lựa chọn nhà thầu xây lắp theo quy định, dự kiến sẽ được triển khai thi công trong tháng 7/2021 và hoàn thành cuối năm 2021.
7	<b>Cử tri phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên</b> đề nghị tỉnh quan tâm, chỉ đạo xử lý tình trạng xả thải gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân của một số đơn vị trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, cụ thể như: Công ty Cổ phần giấy Hoàng Văn Thụ.	UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Thái Nguyên kiểm tra. Tháng 3/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức kiểm tra tình trạng sản xuất, xả thải của Công ty Cổ phần giấy Hoàng Văn Thụ. Kết quả: Tại thời điểm kiểm tra không phát hiện dấu hiệu xả thải trái quy định, kết quả quan trắc, các thông số môi trường đều nằm trong giới hạn cho phép. Hiện nay, Công ty đang tiến hành triển khai thực hiện Dự án mở rộng sản xuất nâng công suất sản xuất giấy công nghiệp từ 61.000 tấn/năm lên 161.000 tấn/năm đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo tác động môi trường (ĐTM) tại Quyết định số 1827/QĐ-BTNMT ngày 19/8/2020. UBND tỉnh giao các cơ quan chuyên môn tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn Công ty thực hiện đầy đủ các yêu cầu bảo vệ môi trường đã được phê duyệt. Đồng thời, đôn đốc Công ty khẩn trương lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động lò hơi ( <i>công ty đã lắp đặt quan trắc tự động đối với nước thải</i> ) và truyền dữ liệu quan trắc tự động nước thải, khí thải về Sở Tài nguyên và Môi trường để giám sát việc xả thải; xong trước ngày 30/10/2021.

TT	Nội dung ý kiến, kiến nghị của cử tri	Kết quả giải quyết
8	<p><b>Cử tri xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên</b> đề nghị tỉnh quan tâm đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu quần thể di tích Lý Nam Đế, chùa Mãn Tăng và chùa Hương Ấp xã Tiên Phong.</p>	<p>Ngày 09/5/2019, UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích Lý Nam Đế (<i>Khu di tích</i>), xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên tại Quyết định số 1228/QĐ-UBND với quy mô là 54,06 ha (<i>trong đó: Khu trung tâm đền Mục: Quy mô 44,06 ha, Điểm di tích chùa Hương Ấp: Quy mô 5 ha, Điểm di tích chùa Mãn Tăng: Quy mô 5 ha</i>), thời gian thực hiện năm 2019-2030, vốn đầu tư: cân đối từ ngân sách địa phương và nguồn xã hội hóa. Công trình đã được khởi công xây dựng vào tháng 5/2020; Nhiệm vụ, Phương án, Dự toán cấm mốc giới Quy hoạch tổng thể được phê duyệt vào tháng 9/2020. Để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành, tạo điều kiện thuận lợi kêu gọi các nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách, ngày 10/5/2021, UBND tỉnh trình và được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng tuyến đường Vành đai V vùng Thủ đô Hà Nội đi Khu di tích lịch sử Lý Nam Đế tại Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 19/5/2021. Tuyến đường hoàn thành sẽ tạo điều kiện thuận lợi thu hút nhiều nhà đầu tư góp phần đẩy nhanh tiến độ dự án xây dựng quần thể Khu di tích. Thời gian tới, UBND tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan tập trung nguồn lực, kêu gọi các nhà đầu tư, tổ chức đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện. UBND tỉnh mong nhận được sự đồng thuận, ủng hộ của cử tri và người dân trên địa bàn để công trình sớm hoàn thành đưa vào sử dụng.</p>
9	<p><b>Cử tri phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên:</b> Đề nghị xem xét dự án Khu dân cư Quang Trung - Quang Vinh xây dựng vào hành lang suối Mỏ Bạch làm thay đổi dòng chảy và sát vào đất thổ cư của Nhân dân.</p>	<p>Hiện nay, UBND tỉnh đã thành lập Đoàn kiểm tra một số dự án đầu tư thực hiện bằng nguồn vốn ngoài ngân sách, các dự án khu dân cư, khu đô thị trên địa bàn tỉnh (tại Quyết định số 1549/QĐ-UBND ngày 18/5/2021). Ngày 18/6/2021, Đoàn kiểm tra đã ban hành Kế hoạch số 93/KH-ĐKT trong đó có kiểm tra Dự án Khu dân cư Quang Trung - Quang Vinh. Tiến độ kiểm tra xong trong năm 2021; sau khi có kết luận kiểm tra, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo giải quyết đầy đủ ý kiến, kiến nghị của cử tri.</p>

TT	Nội dung ý kiến, kiến nghị của cử tri	Kết quả giải quyết
10	<p><b>Cử tri xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên</b> phản ánh Công ty Cổ phần Xây dựng và Khai thác than Thái Nguyên, Công ty than Khánh Hòa trong quá trình khai thác, vận chuyển làm mất nguồn nước, ô nhiễm môi trường và gây mất an toàn giao thông, việc đổ thải cao hơn so với quy định, gây nên hiện tượng rạn nứt, sụt lún đất của một số hộ dân, ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của nhân dân. Đề nghị UBND tỉnh kiểm tra, có giải pháp để ổn định lâu dài đời sống nhân dân trong vùng bị ảnh hưởng</p>	<p>1. Đối với Công ty than Khánh Hòa Về việc chi trả tiền, giải quyết bồi thường, giải phóng cho các hộ dân xóm 12, xã Phúc Hà, thành phố Thái Nguyên kiến nghị di dời do có nguy cơ sạt lở, sụt lún, đe dọa tính mạng con người: Đến thời điểm hiện nay, Công ty than Khánh Hòa đã chi trả tiền, giải quyết bồi thường, giải phóng cho 11/12 hộ dân xóm 12, xã Phúc Hà. Ngày 20/7/2020, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan kiểm tra, xác định việc chấp hành quy định của pháp luật trong hoạt động khai thác, chế biến, kinh doanh than của Công ty than Khánh Hòa. Công ty tổ chức khai thác tuân thủ theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt; việc đổ thải đảm bảo chiều cao theo quy định; khu vực khai thác nằm trong ranh giới cấp phép khai thác.</p> <p>2. Đối với Công ty cổ phần Xây dựng và Khai thác than Thái Nguyên. Hiện nay, Giấy phép khai thác khoáng sản mỏ than Bá Sơn đã hết hiệu lực. Công ty đã lập xong Đề án đóng cửa mỏ than Bá Sơn; ngày 25/5/2021, UBND tỉnh có văn bản số 2342/UBND-CNN&amp;XD giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan thẩm định và trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt Đề án. Quá trình thực hiện Đề án đóng cửa mỏ, nếu xảy ra nguy cơ gây mất an toàn cho các hộ dân; Công ty CP xây dựng và khai thác than Thái Nguyên chủ động phối hợp với các cấp, các ngành kiểm tra, rà soát, thống nhất phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định.</p> <p>3. Về việc cấp nước sinh hoạt tại xã Sơn Cẩm Công trình cấp nước sinh hoạt xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên được khởi công tháng 5/2020 đến tháng 12/2020 đã thực hiện hoàn thành khoảng 90% khối lượng và vận hành chạy thử lần 1 để kiểm tra kỹ thuật. Đến thời điểm hiện tại, các hạng mục công trình đã cơ bản hoàn thành 8/9 xóm, còn lại một phần khối lượng thuộc xóm Bên Giềng do địa phương đang triển khai nâng cấp mở rộng đường giao thông nên vướng mặt bằng. Dự kiến bàn giao công trình đưa vào sử dụng trong quý IV năm 2021.</p>

TT	Nội dung ý kiến, kiến nghị của cử tri	Kết quả giải quyết
11	<p><b>Cử tri thành phố Thái Nguyên</b> đề nghị UBND tỉnh thu hồi hoặc yêu cầu đẩy nhanh tiến độ các khu quy hoạch không triển khai, chậm triển khai hoặc có triển khai nhưng không đúng cam kết theo quy định làm ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của nhân dân, cụ thể: Dự án chung cư Đại Nam (phường Phan Đình Phùng)</p>	<p>UBND tỉnh đã thành lập Đoàn thanh tra Dự án chung cư Đại Nam; hiện đã có Báo cáo kết quả thanh tra. UBND tỉnh đang xem xét các nội dung liên quan đến dự án và có kết luận trong năm 2021.</p>
12	<p><b>Cử tri tổ dân phố 6, 7, 28, 29, 30, 31, phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên</b> đề nghị tỉnh giải quyết dứt điểm tình trạng ô nhiễm tiếng ồn, khói bụi do nhà máy Cốc hóa thuộc Công ty Gang thép gây ra (<i>ý kiến cử tri trùng ý kiến cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 12</i>)</p>	<p>Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, ngày 04/4/2021 và ngày 19/4/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường đã kiểm tra tại Nhà máy Cốc hóa. Qua kiểm tra cho thấy: Nhà máy tiếp tục duy trì các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm như vận hành hệ thống xử lý khí đập cốc; tiếp tục thu hồi khí cốc và dầu cốc để tận dụng làm nhiên liệu hoạt động của các nhà máy trong Công ty CP Gang thép Thái Nguyên; đốt hủy khí cốc khi phải xả điều áp; đã hoàn thành việc sửa chữa mặt gạch lò cốc làm kín thể lò, giảm thiểu khí cốc rò rỉ từ thể lò ra môi trường; đã lắp đặt xong và đưa vào vận hành thử nghiệm mô hình nghiên cứu sử dụng chế phẩm sinh học công nghệ nano khử mùi nước thải có chứa phenol phát sinh trong quá trình đập cốc, (hiện đang trong quá trình vận hành thử nghiệm mô hình, đồng thời tiếp tục hiệu chỉnh mô hình để có thể áp dụng kết quả thử nghiệm vào thực tế); lắp đặt xong 30% khối lượng đường ống dẫn đưa nước làm mát về xí nghiệp năng lượng để hạ nhiệt và tái sử dụng (chưa thi công thêm do phải ưu tiên thi công hạng mục mái che bãi than để sử dụng trong mùa mưa 2021); hoàn thành 90% khối lượng công việc mở rộng mái che bãi than hạn chế nước mưa chảy tràn bề mặt cuốn theo chất bẩn ra môi trường.</p> <p>Nhà máy thuộc danh mục quy định lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động liên tục kết nối dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường, thời hạn hoàn thành trước 31/12/2021. UBND tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Thái Nguyên tiếp tục theo dõi, đôn đốc nhà máy thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường nêu trên và lắp đặt quan trắc tự động.</p>

TT	Nội dung ý kiến, kiến nghị của cử tri	Kết quả giải quyết
13	<p><b>Cử tri thị trấn Sông Cầu, huyện Đồng Hỷ:</b>                      Đề nghị tỉnh kiến nghị với Trung ương và các Bộ, ngành liên quan thu hồi diện tích 300ha của Công ty Cổ phần Chè Thái Nguyên giao về cho địa phương quản lý theo đúng quy định của pháp luật</p>	<p>Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, ngày 01/3/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Văn bản số 589/STNMT-QLĐĐ yêu cầu Công ty CP Chè Thái Nguyên (Vinatea Thái Nguyên) đẩy nhanh tiến độ rà soát đất đai để thực hiện các nội dung theo Kết luận số 1452/KL-TTCTP ngày 21/8/2020 của Thanh tra Chính phủ.</p> <p>Ngày 31/3/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức hội nghị đề đơn đốc, hướng dẫn Vinatea Thái Nguyên khẩn trương triển khai thực hiện các kết luận của Kiểm toán và của Thanh tra Chính phủ. Ngày 05/4/2021, Vinatea Thái Nguyên có Văn bản số 08/CV/VNT-TN báo cáo kết quả thực hiện. Trong đó Công ty cam kết: Hoàn thành việc rà soát đất đai trước ngày 30/4/2021; hoàn thành xây dựng phương án sử dụng đất trước ngày 15/6/2021; hoàn thành việc lập hồ sơ bàn giao đất cho địa phương đối với diện tích không có nhu cầu sử dụng trước ngày 15/6/2021.</p> <p>Đến nay Vinatea Thái Nguyên đã phối hợp với địa phương thực hiện xong việc rà soát đất đai và đang tổ chức lập phương án sử dụng đất, xác định diện tích đất không có nhu cầu sử dụng để lập hồ sơ bàn giao đất cho địa phương.</p> <p>Công ty Vinatea Thái Nguyên đã hoàn thiện phương án sử dụng đất gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định. Trên cơ sở báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh sẽ phê duyệt phương án sử dụng đất, quyết định thu hồi đất giao địa phương quản lý. Trên cơ sở phương án sử dụng đất được duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn các hộ dân thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.</p>
14	<p><b>Cử tri phường Cải Đan, thành phố Sông Công</b> đề nghị tỉnh đơn đốc Nhà đầu tư sớm triển khai thực hiện Dự án Bệnh viện Phúc Thái (được phê duyệt chủ trương đầu tư từ năm 2010).</p>	<p>Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có Văn bản yêu cầu nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ dự án (<i>yêu cầu bổ sung hồ sơ đối với việc lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường</i>). Ngày 17/3/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục phối hợp các sở ngành, đơn vị gồm: Thanh tra tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, UBND thành phố Sông Công tổ chức cuộc họp liên ngành để xem xét về thời hạn bổ sung hồ sơ điều chỉnh dự án.</p> <p>Ngày 03/6/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản số 1435/SKHĐT-ĐKKD trả hồ sơ điều chỉnh dự án Bệnh viện đa khoa Phúc Thái, theo đó đề nghị Công ty bổ sung hoàn thiện hồ sơ thiết kế dự án theo yêu cầu của Phòng Cảnh sát PCCC&amp;CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên). Hiện nhà đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ dự án. UBND tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn nhà đầu tư nộp ký quỹ đầu tư và tham mưu báo cáo UBND tỉnh theo quy định.</p>

TT	Nội dung ý kiến, kiến nghị của cử tri	Kết quả giải quyết
15	<p><b>Cử tri xã Thuận Thành, thị xã Phổ Yên</b> đề nghị tỉnh chỉ đạo việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân đã mua đất tại Khu dân cư Phú Đại Cát</p>	<p>Khu dân cư Phú Đại Cát thuộc phường Bãi Bông - thị xã Phổ Yên có quy mô diện tích là 5,15 ha do Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tấn Đức làm chủ đầu tư (trong đó có 2,61 ha là đất ở chia lô và biệt thự, tương ứng với 155 lô đất ở). Ngày 16/4/2021, UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty tại Khu dân cư Phú Đại Cát lần 4. Tính đến nay, UBND tỉnh đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty với 124 lô đất, Công ty đã làm thủ tục chuyển nhượng 111 lô và 13 lô đã được UBND tỉnh cho phép chuyển nhượng đất nền cho người dân tự xây dựng nhà ở (Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 30/6/2016 của UBND tỉnh).</p> <p>Hiện tại, còn lại 31 lô chưa đủ cơ sở cấp GCN quyền sử dụng đất do nhà đầu tư chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính. Sau khi Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tấn Đức thực hiện nghĩa vụ tài chính theo thông báo của cơ quan thuế, UBND tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các ô đất còn lại cho Công ty, để Công ty thực hiện chuyển nhượng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người mua theo quy định của pháp luật. Thời gian xong trong tháng 7/2021.</p>

TT	Nội dung ý kiến, kiến nghị của cử tri	Kết quả giải quyết
16	<p><b>Cử tri phường Bắc Sơn, xã Minh Đức, xã Phúc Tân, thị xã Phổ Yên (gộp ý kiến cử tri Kỳ họp thứ 12, Nghị quyết số 60):</b></p> <p>1. Đề nghị UBND tỉnh có chủ trương giải quyết các vấn đề tồn đọng do làm nhà trái phép trong diện tích trước đây của Xí nghiệp Chè Bắc Sơn quản lý, sớm bố trí kinh phí đo vẽ bản đồ để bàn giao đất về cho địa phương quản lý;</p> <p>2. Đề nghị tỉnh quan tâm, chỉ đạo các ngành liên quan rà soát cắm mốc địa giới giữa rừng phòng hộ và rừng đặc dụng trên địa bàn xã; xem xét giải quyết việc Nhân dân đã được bàn giao đất của Nông trường Quốc doanh Bắc Sơn nhưng chưa được cấp quyền sử dụng đất.</p>	<p>Ngày 22/01/2018, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 180/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Công ty TNHH May Bắc Sơn (trước đây là Nông trường Bắc Sơn) giao cho UBND thị xã Phổ Yên quản lý theo quy hoạch. Sở Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện xong việc đo đạc bản đồ địa chính đối với diện tích đất các công ty trả ra trên địa bàn thị xã Phổ Yên để lập hồ sơ bàn giao cho địa phương.</p> <p>Ngày 23/4/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức hướng dẫn UBND thị xã Phổ Yên lập phương án sử dụng đất đối với diện tích 1.744,4 ha đã thực hiện xong việc đo đạc bản đồ địa chính (trong đó có 276,8ha của Công ty TNHH May Bắc Sơn nêu trên), làm cơ sở để giao đất, cho thuê đất và cấp GCNQSD đất cho người dân.</p> <p>UBND tỉnh yêu cầu UBND thị xã Phổ Yên khẩn trương hoàn chỉnh phương án sử dụng đất, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với phần diện tích đất đã thu hồi của Xí nghiệp May Bắc Sơn trong tháng 6/2021; trên cơ sở phương án được duyệt, hướng dẫn các hộ dân thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.</p>
17	<p><b>Cử tri thị xã Phổ Yên</b> đề nghị UBND tỉnh thu hồi hoặc yêu cầu đẩy nhanh tiến độ các khu quy hoạch không triển khai, chậm triển khai hoặc có triển khai nhưng không đúng cam kết theo quy định, cụ thể: Dự án khu dịch vụ thể thao Golf Yên Bình trên địa bàn phường Đồng Tiến</p>	<p>UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 2385/UBND-TH ngày 28/5/2021 giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan căn cứ các quy định của pháp luật hướng dẫn Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Yên Bình hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định. Hiện Sở Kế hoạch và Đầu tư đang phối hợp với các Sở, ngành liên quan rà soát, nghiên cứu nội dung hồ sơ của Công ty Yên Bình; báo cáo UBND tỉnh xem xét theo quy định.</p>

TT	Nội dung ý kiến, kiến nghị của cử tri	Kết quả giải quyết
18	<p><b>Cử tri phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên</b> đề nghị tỉnh kiểm tra, đánh giá công tác quy hoạch, thiết kế xây dựng chợ Ba Hàng, công trình mới được đầu tư xây dựng nhưng đến nay đã xuống cấp nghiêm trọng (hệ thống thoát nước thải, xử lý nước thải... gây ô nhiễm môi trường)</p>	<p>Sau Kỳ họp thứ 12, HĐND tỉnh khóa XIII, UBND tỉnh tiếp tục giao UBND thị xã Phổ Yên đơn đốc Công ty Cổ phần Trung Tín hoàn thiện các hạng mục. Ngày 18/12/2020, UBND thị xã Phổ Yên đã phối hợp với các Sở, ngành của tỉnh để giải quyết một số nội dung liên quan đến chợ Ba Hàng, trong đó yêu cầu Công ty Trung Tín có trách nhiệm hoàn thiện hệ thống phòng cháy chữa cháy; thường xuyên nạo vét hệ thống thoát nước, thu gom rác thải, chất thải; đầu tư xây dựng, sửa chữa hệ thống mái đình chợ, ki ốt; bố trí nguồn vốn đầu tư xây dựng hoàn thiện các hạng mục theo đúng quy hoạch...</p> <p>Do chợ Ba Hàng là chợ hạng 1, UBND tỉnh đã giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, UBND thị xã Phổ Yên và các đơn vị liên quan kiểm tra, đánh giá, phân loại chợ Ba Hàng, thị xã Phổ Yên đảm bảo đúng quy định của pháp luật, tham mưu UBND tỉnh giao đơn vị quản lý theo quy định của pháp luật. Thời gian hoàn thành trước ngày 15/7/2021.</p>
19	<p><b>Cử tri xã Tân Kim, xã Tân Hòa, huyện Phú Bình</b> đề nghị UBND tỉnh xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình đã nhận khoán đất rừng</p>	<p>Trên cơ sở các Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Phú Bình đã tổ chức các Hội nghị kiểm điểm, hướng dẫn, đơn đốc đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện tại các xã. Đến nay, UBND xã Tân Kim đang rà soát đề xuất định mức bình quân đất lâm nghiệp trên 01 hộ gia đình, cá nhân. UBND huyện Phú Bình đang tiếp tục chỉ đạo UBND xã Tân Kim, các phòng, ban liên quan đẩy nhanh tiến độ lập phương án sử dụng đất lâm nghiệp trả ra trên địa bàn, tham mưu cho UBND huyện trình UBND tỉnh phê duyệt đề giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân theo quy định.</p> <p>UBND tỉnh yêu cầu UBND huyện Phú Bình khẩn trương hoàn chỉnh phương án sử dụng đất đã thu hồi của Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt xong trước ngày 15/7/2021; trên cơ sở phương án được duyệt, hướng dẫn các hộ dân thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.</p>
20	<p><b>Cử tri các xã Thần Sa, Phú Thượng, Nghinh Tường, huyện Võ Nhai</b> đề nghị tỉnh có phương án giải quyết việc quy hoạch đất rừng đặc dụng trồng lần vào diện tích rừng sản xuất đã được cấp trước đó cho nhân dân, dẫn đến việc nhân dân không được khai thác trên diện</p>	<p>Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, UBND huyện Võ Nhai đã tiến hành kiểm tra, rà soát, xác định diện tích đất được quy hoạch sử dụng đất là đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ tại 3 xã trên. Qua báo cáo, xã Nghinh Tường có 07 hộ đã trồng cây lâm nghiệp trên đất quy hoạch rừng đặc dụng, xã Thần Sa có 02 hộ chưa trồng cây (hiện là rừng tự nhiên), xã Phú Thượng không có hộ nào. 09 hộ tại 2 xã trên đều có đất nằm trong quy hoạch rừng đặc dụng.</p> <p>UBND tỉnh yêu cầu UBND huyện Võ Nhai trong tháng 6/2021, cung cấp thông tin các</p>

TT	Nội dung ý kiến, kiến nghị của cử tri	Kết quả giải quyết
	tích đất rừng trồng đã đến tuổi khai thác	thừa đất của 09 hộ tại xã Nghinh Tường và xã Thần Sa để Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối chiếu, kiểm tra; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan báo cáo phương án giải quyết kiến nghị của cử tri. UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp sớm có phương án hỗ trợ theo chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và chỉ đạo các địa phương rà soát số liệu tổng thể trên địa bàn
21	<p><b>Cử tri xã Hà Thượng, huyện Đại Từ</b> phản ánh mực nước tại Khu đập chứa nước thải của Công ty Núi Pháo quá cao đe dọa tính mạng trực tiếp của người dân khu vực hang Hùm. Hiện tại nguồn nước sinh hoạt đang bị ô nhiễm, nhân dân muốn có nước sinh hoạt phải đi mua nước về dùng. Đề nghị UBND tỉnh đẩy nhanh tiến độ bồi thường giải phóng mặt bằng, xem xét di chuyển các hộ dân ra khỏi vùng ảnh hưởng. Trong thời gian chưa di chuyển đề nghị tỉnh có biện pháp hỗ trợ nhân dân có nước dùng trong sinh hoạt</p>	<p><i>* Về nội dung nước sinh hoạt của người dân khu vực Hang Hùm đang bị ô nhiễm:</i></p> <p>Theo nội dung Thông báo số 377/TB-STNMT ngày 28/10/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường đã xác định 05 giếng nước sinh hoạt của 05 hộ gia đình tại xóm 6 xã Hà Thượng (gồm nhà ông Hoàng Văn Khanh, bà Hoàng Thị Thành, ông Hoàng Văn Khanh, ông Đỗ Văn Đạt, ông Hoàng Văn Lâm) bị ảnh hưởng từ nguồn thải của Công ty Núi Pháo, ngày 23/10/2020, UBND tỉnh đã có văn bản số 4125/UBND-CNN, trong đó có nội dung yêu cầu Công ty Núi Pháo khẩn trương thực hiện phương án bồi thường thiệt hại, di dời 05 hộ dân đã bị ảnh hưởng nêu trên.</p> <p>Theo đó, để di dời 05 hộ dân nêu trên ra khỏi vùng ảnh hưởng, Công ty Núi Pháo đã phối hợp với xã Hà Thượng, UBND huyện Đại Từ kiểm đếm bồi thường xong đối với 04 hộ; còn 01 hộ (hộ ông Hoàng Văn Khanh) chưa thống nhất với phương án bồi thường, hiện đang tiếp tục thỏa thuận. Để ngăn ngừa nước thải từ đập chứa thẩm thấu ra môi trường bên ngoài, Công ty Núi Pháo đã tổ chức thi công hạ thấp đáy mương thu nước ngầm khu vực hồ STC (đến nay đã hoàn thành khoảng 90% khối lượng thi công), đồng thời tiếp tục xây dựng đề cương nghiên cứu khả năng thẩm của hồ quặng đuôi, hiện đang xin ý kiến của các chuyên gia trong và ngoài nước và sẽ tổng hợp báo cáo kết quả trong tháng 6/2021. Trong khi thực hiện các nội dung nêu trên, Công ty Núi Pháo vẫn duy trì và tăng cường việc hỗ trợ nước sinh hoạt cho 34 hộ dân trong khu vực với định mức 60l/người/ngày (năm 2020 hỗ trợ mức 40l/người/ngày).</p> <p>Để tiếp tục đánh giá các tác động từ hồ quặng đuôi của Công ty Núi Pháo đến nguồn nước dưới đất tại khu vực xung quanh, đề xuất các biện pháp khắc phục, ngăn ngừa kiểm soát ô nhiễm và thu hồi đất tại các khu vực bị ô nhiễm môi trường, UBND huyện Đại Từ đã tổ chức lấy mẫu tại 39 giếng nước trong khu vực xóm 6 xã Hà Thượng.</p> <p>Đến ngày 30/7/2021, UBND huyện Đại Từ sẽ thực hiện xong việc lấy mẫu, tổng hợp đánh giá kết quả quan trắc chất lượng môi trường, xin ý kiến chuyên gia, trên cơ sở đó báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường cho ý kiến chỉ đạo việc giải quyết vấn đề</p>

TT	Nội dung ý kiến, kiến nghị của cử tri	Kết quả giải quyết
		<p>môi trường ở khu vực xóm 6 xã Hà Thượng.</p> <p><i>* Về bồi thường giải phóng mặt bằng các hộ dân xóm 3,4 trong vùng bị ảnh hưởng:</i></p> <p>Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục đôn đốc Công ty Núi Pháo thực hiện đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng đối với các hộ dân xóm 3,4 xã Hà Thượng, huyện Đại Từ. Kết quả như sau:</p> <p>Tổng số hộ dân xóm 3, 4 trong vùng bị ảnh hưởng là 255 hộ, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Số hộ đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là 241/255 hộ; giá trị bồi thường đã phê duyệt là 451,3 tỷ đồng. Trong số này: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đã chi trả cho 198/241 hộ với số tiền 404,58 tỷ đồng.</li> <li>+ Có 43 hộ đã có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư với giá trị 57,44 tỷ đồng nhưng chưa thực hiện chi trả. Ngày 17/5/2021, UBND tỉnh đã có Văn bản số 2081/UBND-CNN&amp;XD đề nghị Công ty Núi Pháo khẩn trương bố trí kinh phí để chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho các hộ dân đã có quyết định phê duyệt.</li> <li>-Số hộ chưa phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là 14/255 hộ, hiện nay Công ty tiếp tục phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đại Từ, UBND xã Hà Thượng hoàn thiện hồ sơ trình UBND huyện Đại Từ phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư.</li> </ul> </li> </ul> <p>Ngày 11/6/2021, Công ty cam kết sẽ hoàn tất việc chi trả tiền bồi thường cho các hộ dân xong trước ngày 31/10/2021.</p>
22	<p><b>Cử tri xã Hà Thượng, huyện Đại Từ</b> đề nghị tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn xác định lại mốc giới thu hồi đất theo Kết luận thanh tra của Bộ Tài nguyên và Môi trường để xác định vị trí thu hồi đất các hộ dân tại xóm 2 và nhanh chóng di chuyển các hộ dân trong vùng ảnh hưởng</p>	<p>Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, đến nay UBND huyện Đại Từ đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho 20 hộ với tổng số tiền là 28,26 tỷ đồng. Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đã thực hiện chi trả kinh phí xong cho 09 hộ với số tiền là 15,9 tỷ đồng,</li> <li>+ Còn 11 hộ chưa chi trả do Công ty Núi Pháo chưa bố trí được kinh phí. Ngày 07/5/2021, UBND tỉnh ban hành Văn bản số 2081/UBND-CNN&amp;XD yêu cầu Công ty khẩn trương bố trí kinh phí để chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho những hộ gia đình đã có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tại xã Hà Thượng, huyện Đại Từ (<i>trong đó có xóm 2</i>) theo quy định.</li> </ul> <p>Ngày 11/6/2021, Công ty cam kết sẽ hoàn tất việc chi trả tiền bồi thường cho các hộ dân xong trước ngày 31/10/2021.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đối với 7 hộ còn lại, UBND huyện Đại Từ tiếp tục chỉ đạo hoàn thiện hồ sơ để phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho 07 hộ.</li> </ul>

TT	Nội dung ý kiến, kiến nghị của cử tri	Kết quả giải quyết
23	<b>Cử tri thành phố Thái Nguyên</b> đề nghị tỉnh đốc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Vinaconex 3 (Dự án đường quy hoạch và cơ sở hạ tầng khu dân cư số 5 do Công ty Cổ phần xây dựng số 3 - Vinaconex 3 làm chủ đầu tư)	Hiện nay, UBND tỉnh đã thành lập Đoàn kiểm tra đôn đốc việc quyết toán các dự án khu dân cư, khu đô thị trên địa bàn tỉnh (tại Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 18/5/2021), trong đó có kiểm tra Dự án đường quy hoạch và cơ sở hạ tầng khu dân cư số 5 tại phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên. Dự án quyết toán xong trong năm 2021.
24	<b>Cử tri phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên</b> đề nghị tỉnh sớm di dời tháp ăng ten truyền hình của Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh đến địa điểm mới đã được phê duyệt để đảm bảo an toàn của người dân sinh sống tại khu vực này	Toàn bộ thiết bị tháp Anten của Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Thái Nguyên đặt tại phường Hoàng Văn Thụ đã di chuyển sang lắp đặt tại tháp truyền hình mới phường Gia Sàng và đưa vào sử dụng từ ngày 09/4/2021. Đối với phần tài sản tại tháp anten cũ tại tổ 7, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, hiện nay Sở Tài chính đang lập phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt; dự kiến xong trong tháng 8/2021.
25	<b>Cử tri thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa</b> kiến nghị sớm khắc phục tình trạng đường lên di tích Nhà tù Chợ Chu nhiều đoạn bị sạt lở gây nguy hiểm cho nhân dân qua lại cũng như các hộ xung quanh.	Công trình kè đá chống sạt lở đường lên di tích Nhà tù Chợ Chu đã thi công xây dựng và hoàn thành một phần. UBND tỉnh giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với UBND huyện Định Hóa và các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu, tham mưu giải quyết dứt điểm.
26	<b>Cử tri xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên</b> đề nghị tỉnh kiểm tra, rà soát tất cả các dự án trên địa bàn xã Quyết Thắng, triển khai thực hiện sớm không để kéo dài ảnh hưởng lớn đến đời sống và tư tưởng của nhân dân: Dự án Khu dân cư số 01 mới được thực hiện do doanh nghiệp Từ Sơn làm chủ đầu tư sử dụng đất chưa đúng mục đích như giấy phép đã đăng ký, còn 7ha đất chưa thực hiện	Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã thực hiện kiểm tra, rà soát lại hồ sơ điều chỉnh và văn bản thẩm định của các Sở, ngành có liên quan. Ngày 08/6/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản số 1498/SKHĐT-ĐKKD về việc báo cáo bổ sung về chủ trương điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 1, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên của Công ty TNHH chế biến lâm sản thương mại Từ Sơn. Nhà đầu tư cam kết Quý II/2023 sẽ hoàn thành toàn bộ dự án.
27	<b>Cử tri xã Bảo Cường, huyện Định Hóa</b> đề nghị nâng cấp, sửa chữa hai tuyến mương Vai Cái và Thác Lầm	Ngày 28/4/2021, UBND huyện Định Hóa ban hành Văn bản số 785/UBND-VP về việc thông tin tiến độ giải quyết đối với hai tuyến mương Vai Cái và Thác Lầm. Theo đó, 2 tuyến mương trên Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Thái Nguyên và UBND huyện Định Hóa đã chủ động thực hiện tốt công tác nạo vét, phát dọn thông thoáng dòng chảy, điều tiết dẫn nước hợp lý hạn chế tình trạng tràn kênh, ách tắc dòng chảy.

TT	Nội dung ý kiến, kiến nghị của cử tri	Kết quả giải quyết
		<p>Về nội dung nâng cấp 2 tuyến mương trên:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuyến mương Vai Cái, Công ty TNHH MTV khai thác thủy lợi Thái Nguyên lập kế hoạch nâng cấp, sửa chữa đoạn kênh trên vào năm 2021, hoàn thành việc nâng cấp, sửa chữa trong năm 2021.</li> <li>- Đối với kênh đập Thác Lầm, Công ty TNHH MTV khai thác thủy lợi Thái Nguyên phối hợp UBND huyện Định Hóa bố trí sửa chữa tuyến mương trong năm 2021 (nguồn từ Công ty).</li> </ul>
28	<p><b>Cử tri xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ</b> đề nghị tỉnh bố trí kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án Hồ chứa nước Văn Hán</p>	<p>Ngày 28/12/2020, UBND tỉnh đã phê duyệt phê duyệt điều chỉnh dự án hồ chứa nước Văn Hán, xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ tại Quyết định số 4105/QĐ-UBND theo đó điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án từ 90 tỷ đồng lên 120,1 tỷ đồng (<i>trong đó Ngân sách Trung ương Chương trình mục tiêu hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội các vùng: 77.424 triệu đồng; ngân sách địa phương và nguồn vốn huy động hợp pháp khác: 45.676 triệu đồng</i>); thời gian thực hiện dự án 2016 - 2022.</p> <p>Năm 2021, tỉnh đã bố trí kế hoạch vốn cho dự án là 31.536 triệu đồng (tại Quyết định số 4199/QĐ-UBND ngày 31/12/2020) để thực hiện GPMB, số tiền còn lại sẽ bố trí trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo tiến độ triển khai dự án. Hiện nay Chủ đầu tư đang phối hợp với UBND huyện Đồng Hỷ tiến hành giải phóng mặt bằng và triển khai các hạng mục còn lại của dự án.</p>
29	<p><b>Cử tri xã Thuận Thành, thị xã Phổ Yên</b> đề nghị tỉnh hỗ trợ chênh lệch giá bồi thường, giải phóng mặt bằng theo Nghị định số 69/2009/NĐ-CP của Chính phủ; hỗ trợ đối với các hộ nghèo thu hồi đất; xem xét năng lực Nhà đầu tư và thu hồi quyền sử dụng đất dự án đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu B – KCN Nam Phổ Yên do Công ty TNHH MTV ô tô Xuân Kiên Vinaxuki Thái Nguyên làm chủ đầu tư</p>	<p>Hiện nay, UBND tỉnh đã thành lập Đoàn kiểm tra một số dự án đầu tư thực hiện bằng nguồn vốn ngoài ngân sách, các dự án khu dân cư, khu đô thị trên địa bàn tỉnh (tại Quyết định số 1549/QĐ-UBND ngày 18/5/2021). Ngày 18/6/2021, Đoàn kiểm tra đã ban hành Kế hoạch số 93/KH-ĐKT trong đó có kiểm tra dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu B - KCN Nam Phổ Yên. Tiến độ kiểm tra xong trong năm 2021. Sau khi có kết luận kiểm tra, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo xử lý giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri.</p>

TT	Nội dung ý kiến, kiến nghị của cử tri	Kết quả giải quyết
30	<p><b>Cử tri thành phố Thái Nguyên</b> đề nghị tỉnh đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đường Lưu Nhân Chú và đường Phố Hương; dự án Khu đô thị, biệt thự cao cấp và khách sạn sinh thái Hoàng Gia</p>	<p><i>* Dự án Khu đô thị, biệt thự cao cấp và khách sạn sinh thái Hoàng Gia:</i> Hiện nay, UBND tỉnh đã thành lập Đoàn kiểm tra một số dự án đầu tư thực hiện bằng nguồn vốn ngoài ngân sách, các dự án khu dân cư, khu đô thị trên địa bàn tỉnh (tại Quyết định số 1549/QĐ-UBND ngày 18/5/2021). Ngày 18/6/2021, Đoàn kiểm tra đã ban hành Kế hoạch số 93/KH-ĐKT trong đó có kiểm tra Dự án Khu đô thị, biệt thự cao cấp và khách sạn sinh thái Hoàng Gia. Tiến độ kiểm tra xong trong năm 2021.</p> <p><i>* Dự án đường Lưu Nhân Chú và đường Phố Hương:</i> Để giải quyết tồn tại của dự án, UBND tỉnh đã ban hành quyết định chấm dứt hoạt động của dự án và hủy bỏ quyết định đã cấp cho Công ty cổ phần Bia và nước giải khát Thái Nguyên (<i>Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 27/6/2018</i>), thực hiện phê duyệt quyết toán các hạng mục công việc phần Công ty cổ phần Bia và nước giải khát Thái Nguyên đã thực hiện làm cơ sở thanh toán chi phí cho Nhà đầu tư (<i>Quyết định số 3837/QĐ-UBND ngày 02/12/2020</i>) theo quy định của pháp luật. UBND thành phố Thái Nguyên đã sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường sửa chữa, cải tạo tuyến đường, đến nay đã cơ bản đáp ứng yêu cầu đi lại của người dân. Trong giai đoạn 2021-2025, UBND thành phố Thái Nguyên sẽ tiếp tục bố trí vốn đầu tư công để đầu tư xây dựng hoàn thiện tuyến đường Lưu Nhân Chú và đường Phố Hương.</p>
31	<p><b>Cử tri thị xã Phổ Yên</b> đề nghị UBND tỉnh thu hồi hoặc yêu cầu đẩy nhanh tiến độ các khu quy hoạch không triển khai, chậm triển khai hoặc có triển khai nhưng không đúng cam kết theo quy định, cụ thể: Dự án Yên Bình I, II, III; Dự án Cây Xanh Khánh Phương</p>	<p><i>* Dự án Yên Bình I, II, III:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự án KCN Yên Bình giai đoạn 1 diện tích 336ha: Dự án tiếp tục được điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án để nhà đầu tư đảm bảo đủ thời gian thi công hoàn thiện các hạng mục của dự án (dự kiến đến 26/02/2022 hoàn thành thi công xây dựng các hạng mục công trình và đưa toàn bộ dự án vào hoạt động.</li> <li>- Dự án KCN Yên Bình giai đoạn 2, diện tích 13,04ha: Dự án đã hoàn thành công tác GPMB và bàn giao cho chủ đầu tư.</li> <li>- Dự án Khu công nghiệp Yên Bình giai đoạn 2, diện tích 50,96ha: Dự án đã kê khai phê duyệt được 40,5 ha với số tiền là: 101,59 tỷ đồng, đã chi trả cho các hộ dân trên 90 tỷ đồng số tiền còn lại chưa chi trả do hộ dân chưa nhận. Phần diện tích còn lại chưa GPMB là: 10,46ha (gồm diện tích đất ở, cùng thửa đất ở khoảng 8,4ha, diện tích đất nông nghiệp khoảng 1,56ha, đất công 0,5ha).</li> </ul> <p>Ngày 06/5/2020, Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên đã ban hành Quyết định số 65/QĐ-BQL về việc giãn tiến độ thực hiện dự án KCN Yên Bình giai đoạn 2, diện tích 50,96ha</p>

TT	Nội dung ý kiến, kiến nghị của cử tri	Kết quả giải quyết
		<p>(thời gian giãn tiến độ là 18 tháng), tiến độ thực hiện dự án sau khi giãn tiến độ là đến hết tháng 3/2021 hoàn thành thi công xây dựng các hạng mục công trình và đưa dự án vào hoạt động. Đến nay, tiến độ thực hiện dự án của chủ đầu tư còn chậm. UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 2448/UBND-CNN&amp;XD ngày 01/6/2021 yêu cầu Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Yên Bình phối hợp với Ban Quản lý các khu công nghiệp Thái Nguyên và các đơn vị liên quan để tổ chức thực hiện dự án Khu công nghiệp Yên Bình giai đoạn 2, diện tích 50,96ha đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, tiến độ theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên căn cứ chức năng nhiệm vụ và thẩm quyền chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát, đôn đốc và hỗ trợ Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Yên Bình khẩn trương thực hiện các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ của dự án; đồng thời hướng dẫn Công ty tổ chức thực hiện theo quy định. Hiện nay, nhà đầu tư đã lập hồ sơ điều chỉnh dự án (điều chỉnh tiến độ dự án đến hết Quý I/2023).</p> <p>- Dự án KCN Yên Bình giai đoạn 3: Nhiệm vụ lập phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp nằm trong nhiệm vụ quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 664/QĐ-TTg ngày 20/5/2020. Việc bổ sung, điều chỉnh quy hoạch các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh (trong đó có quy hoạch mở rộng Khu công nghiệp Yên Bình giai đoạn 3) được xem xét trong quá trình xây dựng phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 theo quy định.</p> <p>* Dự án Cây Xanh Khánh Phương</p> <p>Hiện nay, UBND tỉnh đã thành lập Đoàn kiểm tra một số dự án đầu tư thực hiện bằng nguồn vốn ngoài ngân sách, các dự án khu dân cư, khu đô thị trên địa bàn tỉnh (tại Quyết định số 1549/QĐ-UBND ngày 18/5/2021). Ngày 18/6/2021, Đoàn kiểm tra đã ban hành Kế hoạch số 93/KH-ĐKT trong đó có kiểm tra Dự án Cây Xanh Khánh Phương. Việc kiểm tra nhằm phát huy ưu điểm những dự án đầu tư. Tiến độ kiểm tra xong trong năm 2021. Sau khi có kết luận kiểm tra, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo xử lý giải quyết theo quy định.</p>
32	<p><b>Cử tri xã Thuận Thành, thị xã Phổ Yên</b> tiếp tục đề nghị tỉnh sớm triển khai bồi thường, giải phóng mặt bằng cho các hộ dân bị ảnh hưởng của Dự án đầu tư xây dựng khu bến cảng bốc xếp hàng hóa Yên Bình tại khu vực Mom Kiệu</p>	<p>Hiện nay, UBND tỉnh đã thành lập Đoàn kiểm tra một số dự án đầu tư thực hiện bằng nguồn vốn ngoài ngân sách, các dự án khu dân cư, khu đô thị trên địa bàn tỉnh (tại Quyết định số 1549/QĐ-UBND ngày 18/5/2021). Ngày 18/6/2021, Đoàn kiểm tra đã ban hành Kế hoạch số 93/KH-ĐKT trong đó có kiểm tra Dự án đầu tư xây dựng khu bến cảng bốc xếp hàng hóa Yên Bình tại khu vực Mom Kiệu. Tiến độ kiểm tra xong trong năm 2021.</p>

TT	Nội dung ý kiến, kiến nghị của cử tri	Kết quả giải quyết
33	<b>Cử tri xã Hồng Tiến, thị xã Phổ Yên</b> đề nghị tỉnh giải quyết dứt điểm việc chi trả bồi thường cho các hộ dân khi thực hiện Dự án Trường trung cấp nghề CIENCO8	Hiện nay, UBND tỉnh đã thành lập Đoàn kiểm tra một số dự án đầu tư thực hiện bằng nguồn vốn ngoài ngân sách, các dự án khu dân cư, khu đô thị trên địa bàn tỉnh (tại Quyết định số 1549/QĐ-UBND ngày 18/5/2021). Ngày 18/6/2021, Đoàn kiểm tra đã ban hành Kế hoạch số 93/KH-ĐKT trong đó có kiểm tra Dự án Trường trung cấp nghề CIENCO8. Tiến độ kiểm tra xong trong năm 2021.
34	<b>Cử tri xã Lục Ba, xã Cát Nê, thị trấn Quán Chu, huyện Đại Từ</b> đề nghị tỉnh chỉ đạo cơ quan chức năng đẩy nhanh tiến độ sửa chữa tuyến đường ĐT.261 hiện nay đã xuống cấp (ý kiến cử tri trùng với ý kiến cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 12)	UBND tỉnh phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.261 đoạn từ Km1+00 đến Km20+00 tại Quyết định số 3574/QĐ-UBND ngày 30/10/2019. Chủ đầu tư là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh, với tổng mức đầu tư là 218,929 tỷ đồng (trong đó: Ngân sách Trung ương là 197,060 tỷ đồng; Ngân sách tỉnh là 21,869 tỷ đồng). Ngày 12/3/2021, UBND tỉnh trình điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh năm 2021 trong đó bổ sung vốn cho Dự án cải tạo, nâng cấp ĐT 261 là 20 tỷ đồng, được thông qua tại Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 23/3/2021. Nguồn vốn Trung ương dự kiến cấp cho dự án là 100 tỷ được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 (Dự kiến tỉnh sẽ phân bổ ngay sau khi Quốc hội thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025). Để đẩy nhanh tiến độ triển khai, thực hiện dự án UBND tỉnh giao Chủ đầu tư tổ chức việc lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch đã được phê duyệt tại Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 19/4/2021. Sau khi lựa chọn được nhà thầu sẽ tiến hành việc khởi công xây dựng theo kế hoạch.
35	<b>Cử tri xã Tân Thái, huyện Đại Từ</b> phản ánh việc Doanh nghiệp tư nhân Anh Thắng khởi công xây dựng dự án Bến tàu du lịch Hồ Núi Cốc tại xóm Tân Lập, xã Tân Thái từ năm 2012 nhưng đến nay vẫn chưa hoàn thành. Đề nghị tỉnh kiểm tra, có phương án giải quyết	Hiện nay, UBND tỉnh đã thành lập Đoàn kiểm tra một số dự án đầu tư thực hiện bằng nguồn vốn ngoài ngân sách, các dự án khu dân cư, khu đô thị trên địa bàn tỉnh (tại Quyết định số 1549/QĐ-UBND ngày 18/5/2021). Ngày 18/6/2021, Đoàn kiểm tra đã ban hành Kế hoạch số 93/KH-ĐKT trong đó có kiểm tra Dự án Khu bến tàu du lịch Hồ Núi Cốc; Khu nghỉ dưỡng khách sạn cao cấp nhà hàng ăn uống và khu neo đậu tàu, trạm sửa chữa bảo dưỡng tàu. Tiến độ kiểm tra xong trong năm 2021. Sau khi có kết luận kiểm tra, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo xử lý giải quyết theo quy định.

TT	Nội dung ý kiến, kiến nghị của cử tri	Kết quả giải quyết
36	<b>Cử tri phường Hương Sơn, phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên</b> kiến nghị tỉnh sớm giải quyết các vấn đề vướng mắc trong việc xây dựng, quản lý chợ Dốc Hanh	UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2035/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 thành lập Đoàn kiểm tra Dự án đầu tư xây dựng, quản lý và khai thác chợ Dốc Hanh, phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên. Tiến độ kiểm tra xong trong tháng 7/2021. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các nội dung liên quan đến dự án.
37	<b>Cử tri xã Thượng Nung, huyện Võ Nhai</b> đề nghị tỉnh quan tâm, sớm đầu tư xây dựng tuyến đường từ xóm Lũng Luông, Thượng Nung sang xóm Khuổi Mèo xã Sảng Mộc (tuyến đường này đã được tỉnh khảo sát nhưng chưa được đầu tư xây dựng)	Tuyến đường nêu trên thuộc dự án bố trí ổn định dân cư tại chỗ cho vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc Mông tránh di dân tự do thuộc các huyện Đồng Hỷ, Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3331/QĐ-UBND ngày 07/12/2016, và được UBND tỉnh phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán tại Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 08/6/2021 do Chi cục phát triển nông thôn tỉnh làm chủ đầu tư. Hiện nay UBND huyện Võ Nhai đang phối hợp với Chi cục phát triển nông thôn giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án.
38	<b>Cử tri phường Quang Vinh, TP Thái Nguyên:</b> Đề nghị tỉnh chỉ đạo Doanh nghiệp Anh Thắng đẩy nhanh tiến độ thi công Dự án Khu dân cư Quang Trung - Quang Vinh, để Nhân dân sớm ổn định cuộc sống	Hiện nay, UBND tỉnh đã thành lập Đoàn kiểm tra một số dự án đầu tư thực hiện bằng nguồn vốn ngoài ngân sách, các dự án khu dân cư, khu đô thị trên địa bàn tỉnh (tại Quyết định số 1549/QĐ-UBND ngày 18/5/2021). Ngày 18/6/2021, Đoàn kiểm tra đã ban hành Kế hoạch số 93/KH-ĐKT trong đó có kiểm tra Dự án Khu dân cư Quang Trung - Quang Vinh. Tiến độ kiểm tra xong trong năm 2021; sau khi có kết luận kiểm tra, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo giải quyết đầy đủ ý kiến, kiến nghị của cử tri.
39	<b>Cử tri xã Yên Lạc, huyện Phú Lương</b> đề nghị giải quyết dứt điểm vấn đề đất đai giữa các hộ dân với Trung đoàn 246, Kho K87, Ban Chỉ huy quân sự huyện Phú Lương	Theo Văn bản số 3317/BQP-TM ngày 05/9/2020 của Bộ Quốc phòng, Bộ Quốc phòng đã đồng ý chủ trương giải quyết các vấn đề liên quan đến đất quốc phòng tại xã Yên Lạc, huyện Phú Lương. Việc giải quyết thuộc thẩm quyền của Bộ Quốc phòng. UBND tỉnh Thái Nguyên sẽ phối hợp triển khai các nội dung thuộc trách nhiệm của địa phương.

TT	Nội dung ý kiến, kiến nghị của cử tri	Kết quả giải quyết
40	<p><b>Cử tri phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên</b> đề nghị tỉnh chỉ đạo cơ quan chức năng sớm giải quyết việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hơn 100 hộ gia đình đã mua nhà thanh lý tại khu C, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp từ năm 1991 đến nay vẫn chưa có bìa đỏ</p>	<p>UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 266/UBND-CNN ngày 21/01/2021 giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan thành lập đoàn kiểm tra liên ngành, tiến hành thanh tra việc quản lý, sử dụng đất đai của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên. Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, ngày 27/01/2021, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định số 95/QĐ-STNMT, thành lập đoàn kiểm tra liên ngành về việc kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai của Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp. Đến nay, Đoàn kiểm tra liên ngành đã kết thúc kiểm tra tại đơn vị.</p> <p>Ngày 30/6/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Kết luận kiểm tra số 48/KL-STNMT ngày 30/6/2021 về việc quản lý, sử dụng đất của trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp Thái Nguyên. Kết luận cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà trường được giao 50 ha đất từ năm 1971, nhưng thực tế từ trước đến nay nhà trường chỉ quản lý, sử dụng được 27,631 ha, phần còn lại 22,369 ha vẫn do người dân địa phương sử dụng từ trước tới nay chưa được giải phóng mặt bằng.</li> <li>- Đối với diện tích 20,355 ha (tại 06 khu), nhà trường đang sử dụng đúng mục đích, không có tranh chấp, phù hợp với Quy hoạch chung được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt tại Quyết định số 2904/QĐ-UBND ngày 25/12/2006, đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật Đất đai.</li> <li>- Đối với diện tích 3,799 ha nhà trường đã thanh lý nhà và cho cán bộ, giáo viên mượn đất làm nhà ở giai đoạn 1989-1995, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 3,191 ha (gồm 2,637 ha đất ở, đất nông nghiệp các hộ dân đang sử dụng và 0,554 ha đất giao thông); tại các quyết định thanh lý thể hiện việc cho phép các hộ được sử dụng diện tích nhà ở thanh lý và tạm giao một số diện tích đất vườn để canh tác trong khi chờ thủ tục trường bàn giao đất trả lại UBND tỉnh và thành phố; diện tích này nằm ngoài quy hoạch sử dụng đất của nhà trường được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt tại Quyết định số 2904/QĐ-UBND ngày 25/12/2006, thuộc đối tượng thu hồi đất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai năm 2013;</li> <li>+ 0,608 ha đất tại khu nhà D trường đã cho các hộ được phép làm nhà ở, vị trí</li> </ul> </li> </ul>

TT	Nội dung ý kiến, kiến nghị của cử tri	Kết quả giải quyết
		<p>này nằm trong quy hoạch xây dựng trường được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2904/QĐ-UBND ngày 25/12/2006. Yêu cầu, Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp rà soát nhu cầu sử dụng đất, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.</p> <p>Căn cứ kết quả thanh tra, UBND tỉnh xem xét chỉ đạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp phối hợp với các cơ quan liên quan và UBND thành phố Thái Nguyên hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 20,355 ha, nhà trường đang sử dụng tại 06 khu đất (gồm: Khu giảng đường và hiệu bộ; Khu xưởng cơ khí; Khu sân bóng; Khu xưởng điện; Khu nhà tập thể + trạm y tế cũ; Khu nhà D).</li> <li>- Thu hồi diện tích 3,191 ha đất Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp không còn nhu cầu sử dụng, đã thanh lý nhà và cho cán bộ, giáo viên làm nhà ở để giao cho UBND thành phố Thái Nguyên quản lý theo quy hoạch.</li> <li>- Yêu cầu Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp rà soát nhu cầu sử dụng diện tích 0,608 ha nhà trường đã cho phép các hộ làm nhà ở tại khu nhà D, kết quả báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.</li> </ul>
41	<p><b>Cử tri xã Phúc Hà, thành phố Thái Nguyên</b> đề nghị tỉnh đơn đốc nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công Dự án đường Cù Vân - An Khánh - Phúc Hà - Quyết Thắng (<i>ý kiến cử tri trùng với ý kiến cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 12</i>)</p>	<p>Dự án nâng cấp đường Cù Vân - An Khánh - Phúc Hà được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2992/QĐ-UBND ngày 30/10/2015, địa điểm xây dựng tại xã Cù Vân, xã An Khánh, huyện Đại Từ; xã Phúc Hà, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên. Dự án chậm tiến độ do công tác bồi thường GPMB trên đoạn tuyến thuộc địa phận thành phố Thái Nguyên gặp nhiều khó khăn, một số hộ dân chưa hợp tác, đồng tình. Đến nay, đã thẩm định phương án bồi thường giải phóng mặt bằng được 113 hộ với tổng số tiền là 13,23 tỷ (trong đó đã thực hiện chi trả cho 107 hộ với diện tích đã bàn giao mặt bằng là 1,43ha).</p> <p>Để đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện dự án, UBND tỉnh đã chỉ đạo UBND thành phố Thái Nguyên tiếp tục tuyên truyền, vận động, thuyết phục những hộ còn lại hoàn chỉnh hồ sơ, hợp tác đồng thuận việc đền bù giải phóng mặt bằng xong trước tháng 8/2021.</p>
42	<p><b>Cử tri xã Phú Lý, huyện Phú Lương</b> đề nghị kéo dài đường điện vào các cụm dân cư (Cây Hồng, xóm Khe Ván; Cọc Rào, xóm Đồng</p>	<p>Ngày 04/12/2020, Tổng công ty Điện lực miền Bắc đã phê duyệt danh mục đầu tư xây dựng năm 2021 cho Công ty Điện lực Thái Nguyên triển khai dự án Cây thêm TBA phân phối chống quá tải cho khu vực huyện Phú Lương, thực hiện đầu tư xây dựng đường dây hạ</p>

<b>TT</b>	<b>Nội dung ý kiến, kiến nghị của cử tri</b>	<b>Kết quả giải quyết</b>
	Rôm; Nà Mạ và Nà Hu, xóm Khuân Rây; Góc Kéo, xóm Na Mọn và Góc Thi, xóm Hiệp Hòa) và cải tạo nâng cấp Trạm biến áp xóm Na Rau	áp sau TBA Na Rau phục vụ sinh hoạt và sản xuất cho nhân dân xã Phủ Lý. Đến thời điểm hiện tại đã dựng cột và kéo dây được 47/49 vị trí, 02 vị trí vướng mắc mặt bằng đã vận động nhân dân nhưng không được đồng ý, phải sử dụng lại vị trí cột cũ. UBND tỉnh giao UBND huyện Phú Lương phối hợp với Công ty Điện lực Thái Nguyên vận động nhân dân để ngành điện kéo đường dây để nghiệm thu đóng điện, trong trường hợp nhân dân không hợp tác, nghiên cứu xem xét có hình thức biện pháp phù hợp theo quy định.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 139/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 8 năm 2021

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về việc kéo dài thời gian bố trí vốn  
đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN  
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Xét Tờ trình số 125/TTr-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị kéo dài thời gian bố trí vốn đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua kéo dài thời gian bố trí vốn đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương cụ thể như sau:

1. Dự án do cấp tỉnh quản lý: Tổng số 58 dự án (*chi tiết tại Phụ lục I*).
2. Dự án do cấp huyện quản lý: Tổng số 410 dự án (*chi tiết tại Phụ lục II*).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện phải bố trí đủ vốn để thực hiện và hoàn thành dự án được thông qua tại Điều 1 theo đúng quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2021./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Hoàng Sơn**

**PHỤ LỤC I**

**TỔNG HỢP DANH MỤC DỰ ÁN ĐÃ BỐ TRÍ VỐN QUÁ THỜI GIAN QUY ĐỊNH - VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CẤP TỈNH QUẢN LÝ**

*(Kèm theo Nghị quyết số 139/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

**Đơn vị tính: Triệu đồng**

TT	Danh mục dự án/chương trình	Dự án nhóm	Quyết định đầu tư			Dự kiến phân bổ giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch năm 2021			Số vốn còn lại giai đoạn 2022-2025			Dự kiến kéo dài thời gian bố trí vốn đến năm	Lý do	Ghi chú	
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn				
					NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW				NSDP
	<b>VỐN TRONG NƯỚC</b>			<b>5.969.416</b>	<b>2.299.010</b>	<b>3.228.434</b>	<b>1.245.383</b>	<b>270.225</b>	<b>975.158</b>	<b>490.473</b>	<b>270.225</b>	<b>220.248</b>	<b>754.910</b>	<b>0</b>	<b>754.910</b>			
<b>I</b>	<b>GIAO THÔNG VẬN TẢI</b>			<b>2.754.873</b>	<b>1.522.985</b>	<b>1.092.800</b>	<b>684.819</b>	<b>186.148</b>	<b>498.671</b>	<b>297.082</b>	<b>186.148</b>	<b>110.934</b>	<b>387.737</b>	<b>0</b>	<b>387.737</b>			
<b>a</b>	<b>Dự án hoàn thành</b>			<b>643.541</b>	<b>200.000</b>	<b>443.541</b>	<b>122.788</b>	<b>57.052</b>	<b>65.736</b>	<b>67.788</b>	<b>57.052</b>	<b>10.736</b>	<b>55.000</b>	<b>0</b>	<b>55.000</b>			
1	Đường gom Quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên đoạn từ Khu công nghiệp Yên Bình đến ĐT.266 Khu công nghiệp Điềm Thụy	B	1173-13/6/2014; 2233-09/10/2014; 204 - 22/01/2016	297.740	0	297.740	28.033		28.033	5.607		5.607	22.426	0	22.426	2022-2023	Do vướng mắc công tác BTGPMB; Dự án chưa quyết toán nên chưa bố trí đủ vốn NSDP	
2	Đường nối Quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên đến Khu công nghiệp Yên Bình I, tỉnh Thái Nguyên đoạn từ nút giao Yên Bình đến Km1+631,8.	B	2073-19/9/2014; 1234-27/5/2015	345.801	200.000	145.801	94.755	57.052	37.703	62.181	57.052	5.129	32.574	0	32.574	2022-2023	Dự án đã hoàn thành xây dựng tuyến đường bản giao đưa vào sử dụng; do vướng mắc công tác BTGPMB khu tái định cư Thanh Xuân nên chưa thi công xong; Chưa	

TT	Danh mục dự án/chương trình	Dự án nhóm	Quyết định đầu tư				Dự kiến phân bổ giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch năm 2021			Số vốn còn lại giai đoạn 2022-2025			Dự kiến kéo dài thời gian bố trí vốn đến năm	Lý do	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn					
					NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP				
																		phê duyệt quyết toán nên chưa bố trí đủ vốn NSDP	
<b>b</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>			2.111.332	1.322.985	649.259	562.031	129.096	432.935	229.294	129.096	100.198	332.737	0	332.737				
1	Nâng cấp đường Cù Vân - An Khánh - Phúc Hà	B	2992-30/10/2015; 394-19/2/2021	170.000	121.080	48.920	28.253	18.600	9.653	20.531	18.600	1.931	7.722	0	7.722	2022-2023	Do vướng mắc công tác BTGPMB; phát sinh khối lượng, dự kiến hoàn thành trong năm 2021; Chưa phê duyệt quyết toán nên chưa bố trí đủ vốn NSDP		
2	Nâng cấp đường Hóa Thượng - Hòa Bình (ĐT 273)	B	3295-27/10/2017; 395-19/2/2021	125.371	90.000	35.371	50.383	24.919	25.464	29.319	24.919	4.400	21.064	0	21.064	2022-2023	Do vướng mắc công tác BTGPMB; phát sinh khối lượng, dự kiến hoàn thành trong năm 2021; Chưa phê duyệt quyết toán nên chưa bố trí đủ vốn NSDP		

TT	Danh mục dự án/chương trình	Dự án nhóm	Quyết định đầu tư				Dự kiến phân bổ giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch năm 2021			Số vốn còn lại giai đoạn 2022-2025			Dự kiến kéo dài thời gian bố trí vốn đến năm	Lý do	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn				
					NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP			
3	Tiểu dự án bồi thường giải phóng mặt bằng công trình đường trục nối ĐT.261 đến khu vực đèo Gàn, Hồ Núi Cốc huyện Đại Từ tỉnh Thái Nguyên	B	2378-16/9/2016; 2373-18/9/2018	121.939	0	121.939	92.539		92.539	43.000		43.000	49.539	0	49.539	2022-2023	Vay ngân sách 73,3 tỷ đã trả dân và bàn giao mặt bằng; bố trí vốn để hoàn trả vay ngân sách; Còn nợ GPMB tuyến đường chính và khu tái định cư và bố trí vốn XD khu TĐC. Dự kiến hoàn thành trong năm 2021, chưa bố trí đủ vốn do tổng nguồn NSDP GD 2016-2020 còn thiếu	
4	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh ĐT.261 đoạn km46+200-km49+982 và cầu đèo tại lý trình km45+136	C	2016-09/7/2018	40.000	0	40.000	40.000		40.000	0		0	40.000	0	40.000	2022-2023	Hoàn ứng 20 tỷ và bố trí vốn để hoàn thành dự án; Chưa bố trí đủ vốn do tổng nguồn NSDP còn thiếu	
5	Đường giao thông liên xã Trảng Xá - Phương Giao, huyện Võ Nhai tỉnh Thái Nguyên kết nối với huyện Bắc Sơn tỉnh Lạng Sơn	B	2989-30/10/2015; 3476-08/11/2017; 201-22/01/2021	170.000	121.080	48.920	49.964	31.791	18.173	35.426	31.791	3.635	14.538	0	14.538	2022-2023	Do vướng mắc công tác BTGPMB nên dự kiến hoàn thành trong năm 2021, chưa bố trí đủ vốn do tổng nguồn NSDP còn thiếu	

TT	Danh mục dự án/chương trình	Dự án nhóm	Quyết định đầu tư				Dự kiến phân bổ giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch năm 2021			Số vốn còn lại giai đoạn 2022-2025			Dự kiến kéo dài thời gian bố trí vốn đến năm	Lý do	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn					
					NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP				
6	Đường Thăng Lợi kéo dài thành phố Sông Công	B	413-29/2/2016; 3480-08/11/2018	206.313	92.478	37.522	39.777	24.250	15.527	27.355	24.250	3.105	12.422	0	12.422	2022-2023	Do vướng mắc công tác BTGPMB; Dự kiến hoàn thành trong năm 2021, chưa bố trí đủ vốn do tổng nguồn NSDP còn thiếu		
7	Đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phán huyện Phú Lương	B	2991-30/10/2015; 3477-08/11/2017	90.719	64.867	25.852	25.206	14.946	10.260	16.881	14.946	1.935	8.325	0	8.325	2022	Dự kiến hoàn thành trong năm 2021, chưa bố trí đủ vốn do tổng nguồn NSDP còn thiếu		
8	Đường Na Giang - Khe Rác - Cao Sơn xã Vũ Chấn đi Cao Biền xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai	B	2990-30/10/2015; 3492-09/11/2017;	102.764	73.480	29.284	28.478	14.590	13.888	16.782	14.590	2.192	11.696	0	11.696	2022-2023	Dự kiến hoàn thành trong năm 2021, chưa bố trí đủ vốn do tổng nguồn NSDP còn thiếu		
9	Xây dựng Bến xe khách phía Nam thành phố Thái Nguyên; Bến xe khách thị xã Phổ Yên; Bến xe khách huyện Phú Bình; Bến xe khách huyện Đại Từ theo hình thức đối tác công tư (Hợp đồng BOO)	B	1427-06/6/2017; 3387-23/10/2020	117.826		55.051	1.531	0	1.531	0			1.531	0	1.531	2022	Dự kiến hoàn thành trong năm 2021, chưa bố trí đủ vốn do tổng nguồn NSDP còn thiếu		

TT	Danh mục dự án/chương trình	Dự án nhóm	Quyết định đầu tư				Dự kiến phân bổ giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch năm 2021			Số vốn còn lại giai đoạn 2022-2025			Dự kiến kéo dài thời gian bố trí vốn đến năm	Lý do	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn				
					NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP			
10	Xây dựng đường vành đai V vùng Thủ đô Hà Nội (đoạn tuyến đi trùng Đại lộ Đông-Tây khu tổ hợp Yên Bình và cầu vượt sông Cầu).	B	2187-20/7/2017	966.400	760.000	206.400	205.900	205.900	40.000	40.000	165.900	165.900	2022-2023	Dự kiến hoàn thành trong năm 2022, chưa bố trí đủ vốn do tổng nguồn NSDP còn thiếu				
II	<b>PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NÔNG NGHIỆP</b>			719.964	475.484	246.792	138.846	29.916	108.930	50.304	29.916	20.388	88.542	0	88.542			
a	<b>Các dự án hoàn thành đã quyết toán</b>			74.660	27.134	47.526	23.520	0	23.520	10.204	0	10.204	13.316	0	13.316			
1	Sửa chữa, nâng cấp hồ Đồng Xiển, xã Yên Lạc; đập Núi Phấn xã Động Đạt, huyện Phú Lương	C	1609-26/7/2012	30.106	27.134	2.972	366	366	0	0	366	366	0	366	2022	Dự án đã thẩm định quyết toán, chưa bố trí đủ vốn do chờ Quyết định quyết toán vốn đầu tư		
2	Kè chống lũ bảo vệ bờ sông, bảo vệ khu dân cư tại các vị trí xóm Trại, xóm Múc, xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình	C	2942-26/9/2017; 1516-06/6/2019	44.554	0	44.554	23.154	23.154	10.204	10.204	12.950	12.950	0	12.950	2022	Dự án đã hoàn thành quyết toán, chưa bố trí đủ vốn do tổng nguồn NSDP còn thiếu		
b	<b>Các dự án hoàn thành</b>			271.251	226.054	45.197	14.158	0	14.158	207	0	207	13.951	0	13.951			
1	Tuyến đê Hà Châu (đoạn từ K3+500 đến K3+700 và đoạn từ K4+950 đến K5+350)	C	4238-29/12/2017	22.887	18.430	4.457	2.116	2.116	105	105	2.011	2.011	0	2.011	2022	Dự án mới phê duyệt quyết toán trong tháng 4/2021, chưa bố trí đủ vốn do tổng nguồn NSDP còn thiếu		

TT	Danh mục dự án/chương trình	Dự án nhóm	Quyết định đầu tư				Dự kiến phân bổ giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch năm 2021			Số vốn còn lại giai đoạn 2022-2025			Dự kiến kéo dài thời gian bố trí vốn đến năm	Lý do	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn					
					NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP				
2	Công trình thủy lợi hồ Nước Hai huyện Phô Yên	B	1203-13/6/2012	143.750	142.114	1.636	866		866	0			866	0	866	2022	Dự án đã hoàn thành đang trình phê duyệt quyết toán trong năm 2021, chưa bố trí đủ vốn do chờ phê duyệt quyết toán		
3	Cải tạo, kiên cố hóa hệ thống kênh sau hồ Trại Gao	C	1231-14/6/2012	5.284		5.284	900		900	0			900	0	900	2022	Dự án đã hoàn thành đang trình phê duyệt quyết toán trong năm 2021, chưa bố trí đủ vốn do chờ phê duyệt quyết toán		
4	Xây dựng công lấy nước cung cấp nước thô cho Nhà máy nước sạch Yên Bình	C	1167-12/6/2014	15.232		15.232	1.683		1.683	0			1.683	0	1.683	2022	Dự án đã hoàn thành đang trình phê duyệt quyết toán trong năm 2021, chưa bố trí đủ vốn do chờ phê duyệt quyết toán		
5	Xây mới công số 1, số 6 đê Chã, công số 8 đê Sông Công	C	2218-25/10/2012; 3819-31/12/2015; 1433-06/6/2017; 3496-09/11/2017	29.098	20.510	8.588	3.993		3.993	102		102	3.891	0	3.891	2022	Dự án đã hoàn thành đang trình phê duyệt quyết toán trong năm 2021, chưa bố trí đủ vốn do chờ phê duyệt quyết toán		

TT	Danh mục dự án/chương trình	Dự án nhóm	Quyết định đầu tư				Dự kiến phân bổ giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch năm 2021			Số vốn còn lại giai đoạn 2022-2025			Dự kiến kéo dài thời gian bố trí vốn đến năm	Lý do	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn				
					NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP			
6	Xử lý cấp bách đoạn đê xung yếu tuyến đê Hà Châu (đoạn từ Km8+600 - Km13+700)	C	556-28/02/2019	55.000	45.000	10.000	4.600		4.600	0			4.600	0	4.600	2022	Dự án đã hoàn thành đang trình phê duyệt quyết toán trong năm 2021, chưa bố trí đủ vốn do chờ phê duyệt quyết toán	
<b>c</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp</b>			<b>374.053</b>	<b>222.296</b>	<b>154.069</b>	<b>101.168</b>	<b>29.916</b>	<b>71.252</b>	<b>39.893</b>	<b>29.916</b>	<b>9.977</b>	<b>61.275</b>	<b>0</b>	<b>61.275</b>			
1	Kè Xuân Vinh, xã Trung Thành, huyện Phố Yên	C	1368-16/6/2010; 2252-27/7/2020	6.699	2.159	4.540	160		160	0			160	0	160	2022	Dự án hoàn thành trong Quý I/2021 chưa quyết toán, chưa bố trí đủ vốn do chờ phê duyệt quyết toán	
2	Kè xóm Soi huyện Phố Yên	C	1285-05/6/2009; 2539-17/8/2020	12.641	6.907	5.734	2.606		2.606	0			2.606	0	2.606	2022	Dự án hoàn thành trong Quý I/2021 chưa quyết toán, chưa bố trí đủ vốn do chờ phê duyệt quyết toán	
3	Củng cố, nâng cấp tuyến đê Chã, huyện Phố Yên (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K3+100)	B	2217-25/10/2013; 3497-09/11/2017	147.241	89.641	57.600	15.471		15.471	2.882		2.882	12.589	0	12.589	2022-2023	Do vướng mắc về GPMB, dự kiến hoàn thành trong năm 2021	

TT	Danh mục dự án/chương trình	Dự án nhóm	Quyết định đầu tư				Dự kiến phân bổ giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch năm 2021			Số vốn còn lại giai đoạn 2022-2025			Dự kiến kéo dài thời gian bố trí vốn đến năm	Lý do	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn				
					NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP			
4	Xây dựng Khu tái định cư tập trung vùng thiên tai có nguy cơ sạt lở bờ sông và ngập úng xã Tân Phú, thị xã Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên	C	3136-12/10/2017; 3341-16/10/2019; 3761-20/11/2019	38.000	25.000	13.000	9.750		9.750	4.275		4.275	5.475	0	5.475	2022-2023	Đang thi công, dự kiến hoàn thành trong năm 2021, chưa bố trí đủ vốn do tổng nguồn NSDP còn thiếu	
5	Khu tái định cư xã Vạn Thọ, huyện Đại Từ	C	2390-27/10/2014	16.119	14.000	2.119	2.119		2.119	0			2.119	0	2.119	2022-2023	Dự án tạm dừng thi công từ tháng 7/2016, do sạt lở đất, chưa thống nhất được phương án điều chỉnh dự án	
6	Đường cứu hộ, cứu nạn đê Sông Công đoạn từ Quốc lộ 3 (K35+350) đến đê Sông Công (K4+900), thị xã Phố Yên	C	3305-30/10/2017; 182-02/01/2021	16.088	0	16.088	9.688		9.688	1.200		1.200	8.488	0	8.488	2022-2023	Do vướng mắc về giải phóng mặt bằng, dự kiến hoàn thành trong năm 2021, chưa bố trí đủ vốn do tổng nguồn ngân sách địa phương còn thiếu	

TT	Danh mục dự án/chương trình	Dự án nhóm	Quyết định đầu tư				Dự kiến phân bổ giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch năm 2021			Số vốn còn lại giai đoạn 2022-2025			Dự kiến kéo dài thời gian bố trí vốn đến năm	Lý do	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn					
					NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP				
7	Hồ chứa nước Văn Hán, xã Văn Hán, huyện Đông Hy, tỉnh Thái Nguyên	B	2981-30/10/2015; 3143-13/10/2017; 4405-31/12/2019; 4105-28/12/2020	123.100	77.424	45.676	60.224	29.916	30.308	31.536	29.916	1.620	28.688	0	28.688	2022-2023	Dự kiến hoàn thành trong năm 2022, do phát sinh và vướng mắc giải phóng mặt bằng làm tăng tổng mức đầu tư; chưa bố trí đủ vốn do tổng nguồn ngân sách địa phương còn thiếu		
8	Khu nuôi nhốt cách ly, kiểm dịch động vật	C	517-26/3/2012	14.165	7.165	9.312	1.150		1.150				1.150	0	1.150	2022	Dự án đang xin chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh đtmg thực hiện đầu tư		
<b>III</b>	<b>Y TẾ</b>			<b>69.506</b>	<b>23.078</b>	<b>46.428</b>	<b>36.177</b>	<b>5.885</b>	<b>30.292</b>	<b>7.792</b>	<b>5.885</b>	<b>1.907</b>	<b>28.385</b>	<b>0</b>	<b>28.385</b>				
<b>a</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>			<b>69.506</b>	<b>23.078</b>	<b>46.428</b>	<b>36.177</b>	<b>5.885</b>	<b>30.292</b>	<b>7.792</b>	<b>5.885</b>	<b>1.907</b>	<b>28.385</b>	<b>0</b>	<b>28.385</b>				

TT	Danh mục dự án/chương trình	Dự án nhóm	Quyết định đầu tư				Dự kiến phân bổ giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch năm 2021			Số vốn còn lại giai đoạn 2022-2025			Dự kiến kéo dài thời gian bố trí vốn đến năm	Lý do	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn				
					NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP			
1	Xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm Pháp y	B	2853-28/10/2016; 3757-27/11/2020	69.506	23.078	46.428	36.177	5.885	30.292	7.792	5.885	1.907	28.385	0	28.385	2022-2023	Dự án được phê duyệt là mua sắm trang thiết bị và xây trụ sở. Tuy nhiên, thực hiện Văn bản số 5158/UBND-TH ngày 16/11/2017 của UBND tỉnh V/v tạm dừng, không phê duyệt và khởi công một số dự án trên địa bàn tỉnh, nên tạm dừng việc xây dựng Trụ sở. Dự án bắt đầu thực hiện mua sắm thiết bị vào năm 2018. Năm 2020 sau khi ngành Y tế sắp xếp lại trụ sở của đơn vị thuộc ngành, không đảm bảo được yêu cầu làm việc của Trung tâm Pháp y nên UBND tỉnh đồng ý cho tiếp tục xây dựng Trụ sở làm việc, vì vậy dự án kéo dài thời gian bố trí vốn	
IV	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO			510.241	16.028	494.213	120.731	0	120.731	55.867	0	55.867	64.864	0	64.864			

TT	Danh mục dự án/chương trình	Dự án nhóm	Quyết định đầu tư				Dự kiến phân bổ giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch năm 2021			Số vốn còn lại giai đoạn 2022-2025			Dự kiến kéo dài thời gian bố trí vốn đến năm	Lý do	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn					
					NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP				
<b>a</b>	<b>Các dự án hoàn thành đã quyết toán</b>			<b>262.047</b>	<b>0</b>	<b>262.047</b>	<b>18.678</b>	<b>0</b>	<b>18.678</b>	<b>14.076</b>	<b>0</b>	<b>14.076</b>	<b>4.602</b>	<b>0</b>	<b>4.602</b>				
1	Mở rộng, nâng quy mô Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	C	3306-30/10/2017	20.527		20.527	7.202		7.202	2.600		2.600	4.602	0	4.602	2022	Dự án đã có Quyết toán, tuy nhiên không bố trí đủ vốn theo (Quyết toán sau khi đã giao KH năm 2021), vì vậy dự án kéo dài thời gian bố trí vốn		
2	Trường Trung học phổ thông Chuyên Thái Nguyên	B	2316-09/9/2016	241.520		241.520	11.476		11.476	11.476		11.476	0		0	2021	Dự án đã quyết toán		
<b>b</b>	<b>Dự án hoàn thành</b>			<b>134.961</b>	<b>0</b>	<b>134.961</b>	<b>57.821</b>	<b>0</b>	<b>57.821</b>	<b>31.767</b>	<b>0</b>	<b>31.767</b>	<b>26.054</b>	<b>0</b>	<b>26.054</b>				
1	Mở rộng, nâng quy mô Trường phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Phú Lương	C	3023-29/9/2017; 4141-30/12/2020	22.530		22.530	6.530		6.530	1.000		1.000	5.530	0	5.530	2022	Đang quyết toán		
2	Mở rộng, nâng quy mô Trường phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Đại Từ	C	3022-29/9/2017	20.147		20.147	3.647		3.647	500		500	3.147	0	3.147	2022	Đang quyết toán		
3	Mở rộng, nâng quy mô Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh	C	3024-29/9/2017	39.399		39.399	35.399		35.399	28.300		28.300	7.099	0	7.099	2022	Đang quyết toán		

TT	Danh mục dự án/chương trình	Dự án nhóm	Quyết định đầu tư				Dự kiến phân bổ giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch năm 2021			Số vốn còn lại giai đoạn 2022-2025			Dự kiến kéo dài thời gian bố trí vốn đến năm	Lý do	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn					
					NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP				
4	Trường Trung cấp nghề giao thông vận tải	C	2546-30/10/2010	17.300		17.300	812		812	162		162	650	0	650	2022	Đang quyết toán		
5	Mở rộng, nâng quy mô Trường phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Đồng Hỷ	C	2875-31/10/2016	35.585		35.585	11.433		11.433	1.805		1.805	9.628	0	9.628	2022	Đang quyết toán		
c	<b>Dự án chuyển tiếp</b>			<b>113.233</b>	<b>16.028</b>	<b>97.205</b>	<b>44.232</b>	<b>0</b>	<b>44.232</b>	<b>10.024</b>	<b>0</b>	<b>10.024</b>	<b>34.208</b>	<b>0</b>	<b>34.208</b>				
1	Trường phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Định Hóa tỉnh Thái Nguyên	B	2874-31/10/2016; 2343-08/7/2021	63.697	16.028	47.669	20.979		20.979	3.810		3.810	17.169	0	17.169	2022-2023	Dự án hoàn thành trong năm 2021, kéo dài thời gian thực hiện do điểm đầu đường dây 22KV dẫn vào trạm thay đổi, CĐT phải lập hồ sơ điều chỉnh thiết kế để gửi Sở Công Thương thẩm định và trình Điện lực Định Hóa phê duyệt lại điểm đầu điện cho trạm biến áp, vì vậy dự án kéo dài thời gian bố trí vốn		

TT	Danh mục dự án/chương trình	Dự án nhóm	Quyết định đầu tư				Dự kiến phân bổ giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch năm 2021			Số vốn còn lại giai đoạn 2022-2025			Dự kiến kéo dài thời gian bố trí vốn đến năm	Lý do	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn					
					NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP				
2	Xây dựng Trường Trung học Phổ thông Lý Nam Đế, thị xã Phổ Yên	B	439-23/10/2017; 3357-31/10/2017; 1592-20/5/2021	49.536		49.536	23.253		23.253	6.214		6.214	17.039	0	17.039	2022-2023	Dự án hoàn thành trong năm 2022, kéo dài thời gian thực hiện do không bố trí đủ vốn, do năm 2020 thực hiện giãn cách XH (Do dịch covid) nên tiến độ thực hiện DA bị chậm. Dự án kéo dài TGTH và TG bố trí vốn		
V	<b>VĂN HÓA THỂ THAO, DU LỊCH</b>			530.057	150.372	379.685	103.612	37.336	66.276	51.251	37.336	13.915	52.361	0	52.361				
a	<b>Dự án hoàn thành</b>			162.069	38.063	124.006	11.828	0	11.828	6.679	0	6.679	5.149	0	5.149				
1	Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên tỉnh Thái Nguyên		21-QĐ/TWĐTN-26/12/2012	72.275	38.063	34.212	2.962		2.962	400		400	2.562	0	2.562	2022	Chưa bố trí đủ vốn do tổng nguồn NSDP còn thiếu		
2	Đầu tư xây dựng phù điêu tại Quảng trường Võ Nguyên Giáp, thành phố Thái Nguyên	B	3297-27/10/2017	89.794		89.794	8.866		8.866	6.279		6.279	2.587	0	2.587	2022	Dự án đã HT trong năm 2020, năm 2021 đang thực hiện quyết toán. Kéo dài thời gian bố trí vốn		
b	<b>Dự án chuyển tiếp</b>			367.988	112.309	255.679	91.784	37.336	54.448	44.572	37.336	7.236	47.212	0	47.212				

TT	Danh mục dự án/chương trình	Dự án nhóm	Quyết định đầu tư				Dự kiến phân bổ giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch năm 2021			Số vốn còn lại giai đoạn 2022-2025			Dự kiến kéo dài thời gian bố trí vốn đến năm	Lý do	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn					
					NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP				
1	Quảng trường Võ Nguyên Giáp, thành phố Thái Nguyên	B	2386-24/10/2014	161.535		161.535	5.000		5.000	0			5.000	0	5.000	2022	Dự án chưa hoàn thành do vướng mắc trong GPMB. Năm 2021 không ghi vốn, yêu cầu quyết toán, kết thúc dự án		
2	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Lục Giáp, xã Đặc Sơn, thị xã Phổ Yên	C	604-06/3/2018	23.453		23.453	10.000		10.000	3.000			7.000	0	7.000	2022-2023	Dự án khởi công mới năm 2019, hoàn thành năm 2020. Hiện nay đang thực hiện Quyết toán, kéo dài thời gian bố trí vốn		
3	Tu bổ, tôn tạo di tích đền thờ Lý Nam Đế xã Tiên Phong- huyện Phổ Yên- tỉnh Thái Nguyên	B	2279-07/9/2016	60.000	24.788	35.212	49.967	14.755	35.212	14.755	14.755		35.212	0	35.212	2022-2023	Thiếu vốn NSDP		
4	Đường du lịch ven Hồ Núi Cốc nối tuyến bờ Bắc - Nam (3km đường + xây mới 2 cầu)	B	2973a-30/10/2015; 1234-26/4/2021	123.000	87.521	35.479	26.817	22.581	4.236	26.817	22.581	4.236	0	0	0	2021	Dự án bị chậm tiến độ do GPMB, năm 2021 đang thực hiện nốt các hạng mục còn lại,		
VI	<b>ĐỐI ỨNG ODA</b>			<b>441.848</b>	<b>0</b>	<b>267.222</b>	<b>8.875</b>	<b>0</b>	<b>8.875</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>8.875</b>	<b>0</b>	<b>8.875</b>				
a	<b>Dự án hoàn thành</b>			<b>441.848</b>	<b>0</b>	<b>267.222</b>	<b>8.875</b>	<b>0</b>	<b>8.875</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>8.875</b>	<b>0</b>	<b>8.875</b>				

TT	Danh mục dự án/chương trình	Dự án nhóm	Quyết định đầu tư				Dự kiến phân bổ giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch năm 2021			Số vốn còn lại giai đoạn 2022-2025			Dự kiến kéo dài thời gian bố trí vốn đến năm	Lý do	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn					
					NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP				
1	Cấp nước thị xã Sông Công	B	1403-16/6/2015	162.752		32.045	7.049		7.049	0		0	7.049	0	7.049	2022	Dự án đã hoàn thành năm 2015, quyết toán năm 2016, Đã bố trí (2016-2020) nhưng CĐT chậm giải ngân, nên đã chuyển cho DA khác. Nay CĐT đề nghị bố trí vốn đợt cuối để trả nợ quyết toán khối lượng hoàn thành.		
2	Chương trình phát triển giáo dục trung học giai đoạn 2	B	3864-17/12/2018; 3865-17/12/2018	253.626		228.877	1.313		1.313	0			1.313	0	1.313	2.022	Dự án đã hoàn thành năm 2020, đang quyết toán, kéo dài giải ngân bố trí vốn để kết thúc dự án		
3	Giáo dục trung học cơ sở khu vực khó khăn nhất giai đoạn II	C	3011-02/11/2015; 3382-21/10/2019; 3395-22/10/2019	25.470		6.300	513		513	0			513	0	513	2022	Dự án đã hoàn thành năm 2020, đang quyết toán, kéo dài giải ngân bố trí vốn để kết thúc dự án		
4	Dự án Hỗ trợ chính sách phát triển năng lượng và tăng cường tiếp nhận năng lượng bền vững tới khu vực nông thôn, miền núi và hải đảo		3939-21/12/2018																

TT	Danh mục dự án/chương trình	Dự án nhóm	Quyết định đầu tư				Dự kiến phân bổ giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch năm 2021			Số vốn còn lại giai đoạn 2022-2025			Dự kiến kéo dài thời gian bố trí vốn đến năm	Lý do	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn					
					NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP				
+	Tiểu dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Thái Nguyên - giai đoạn 2018 - 2020 - EU tài trợ	C	3939-21/12/2018	38.566		8.566	3.628		3.628	1.300		1.300	2.328	0	2.328	2022	Dự án đã hoàn thành năm 2020, đang quyết toán, kéo dài giải ngân bố trí vốn để kết thúc dự án		
VII	<b>LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH XÃ HỘI</b>			65.000	42.902	17.098	14.000	10.940	3.060	11.252	10.940	312	2.748	0	2.748				
a	<b>Dự án chuyển tiếp</b>			65.000	42.902	17.098	14.000	10.940	3.060	11.252	10.940	312	2.748	0	2.748				
1	Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Thái Nguyên	B	2994-30/10/2015; 2092-30/6/2021	65.000	42.902	17.098	14.000	10.940	3.060	11.252	10.940	312	2.748	0	2.748	2022	Dự án hoàn thành năm 2021 do gói thiết bị phải nhập khẩu, ảnh hưởng của dịch bệnh Covid nên không về theo đúng thời gian, cần phải điều chỉnh thời gian thực hiện để đảm bảo thanh toán vốn. DA đang thực hiện QT tổng thể		
VIII	<b>QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</b>			467.498	0	467.498	84.700	0	84.700	11.803	0	11.803	72.897	0	72.897				
a	<b>Dự án hoàn thành</b>			467.498	0	467.498	84.700	0	84.700	11.803	0	11.803	72.897	0	72.897				

TT	Danh mục dự án/chương trình	Dự án nhóm	Quyết định đầu tư			Dự kiến phân bổ giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch năm 2021			Số vốn còn lại giai đoạn 2022-2025			Dự kiến kéo dài thời gian bố trí vốn đến năm	Lý do	Ghi chú	
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn				
					NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW				NSDP
1	Nhà đa chức năng UBND tỉnh Thái Nguyên	B	3016-29/9/2017	185.000		185.000	40.280		40.280	9.087		9.087	31.193	0	31.193	2022-2023	Đã hoàn thành năm 2020, đang thực hiện phê duyệt quyết toán	
2	Sửa chữa nhà B Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên	C	3740-06/12/2018; 3551-10/11/2020	12.000		12.000	3.360		3.360	432		432	2.928	0	2.928	2022	Chưa bố trí đủ vốn do tổng nguồn NSDP còn thiếu	
3	Trụ sở Thanh tra tỉnh	C	3356-31/10/2017	9.259		9.259	4.281		4.281	671		671	3.610	0	3.610	2022	Chưa bố trí đủ vốn do tổng nguồn NSDP còn thiếu	
4	Nhà làm việc Chi cục quản lý chất lượng nông lâm sản	C	721-29/3/2017	8.541		8.541	3.261		3.261	149		149	3.112	0	3.112	2022	Dự án đã hoàn thành, chưa bố trí đủ vốn do tổng nguồn NSDP do chờ phê duyệt quyết toán	
5	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	C	1157-04/5/2019	24.998		24.998	5.818		5.818	1.464		1.464	4.354	0	4.354	2022	Chưa bố trí đủ vốn do tổng nguồn NSDP còn thiếu	
6	Xây dựng trụ sở làm việc Huyện ủy, HĐND, Ủy ban nhân dân huyện Đồng Hỷ và các công trình phụ trợ	B	3121a-11/10/2017; 3924-04/12/2019	227.700		227.700	27.700		27.700	0		0	27.700	0	27.700	2022-2023	Chưa bố trí đủ vốn do tổng nguồn NSDP còn thiếu	
<b>IX</b>	<b>AN NINH QUỐC PHÒNG</b>			<b>410.429</b>	<b>68.161</b>	<b>216.698</b>	<b>53.623</b>	<b>0</b>	<b>53.623</b>	<b>5.122</b>	<b>0</b>	<b>5.122</b>	<b>48.501</b>	<b>0</b>	<b>48.501</b>			
<b>a</b>	<b>Dự án hoàn thành</b>			<b>410.429</b>	<b>68.161</b>	<b>216.698</b>	<b>53.623</b>	<b>0</b>	<b>53.623</b>	<b>5.122</b>	<b>0</b>	<b>5.122</b>	<b>48.501</b>	<b>0</b>	<b>48.501</b>			

TT	Danh mục dự án/chương trình	Dự án nhóm	Quyết định đầu tư				Dự kiến phân bổ giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch năm 2021			Số vốn còn lại giai đoạn 2022-2025			Dự kiến kéo dài thời gian bố trí vốn đến năm	Lý do	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn		Tổng số	Trong đó: Vốn					
					NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP				
1	Trung tâm huấn luyện dự bị động viên - Ban Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên	B	285-09/2/2017	89.502	68.161	21.342	1.607		1.607	321			321	1.286	0	1.286	2022	Chưa bố trí đủ vốn do tổng nguồn NSDP còn thiếu	
2	Đồn Công an và Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Khu công nghiệp Yên Bình	B	604-28/3/2016	75.786	0	72.786	20.253		20.253	2.595			2.595	17.658	0	17.658	2022-2023	Chưa bố trí đủ vốn do tổng nguồn NSDP còn thiếu, vướng mắc trong điều chỉnh dự án (cải tạo suối Đèo)	
3	Trụ sở làm việc Công an tỉnh Thái Nguyên	B	391/QĐ-H41-H45 ngày 31/12/2014	245.141		122.570	31.763		31.763	2.206			2.206	29.557	0	29.557	2022-2023	Chưa bố trí đủ vốn do tổng nguồn ngân sách địa phương còn thiếu	

**PHỤ LỤC II**

**DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐỀ NGHỊ KÉO DÀI THỜI GIAN BỔ TRÍ VỐN (DỰ ÁN DO CẤP HUYỆN QUẢN LÝ)**

*(Kèm theo Nghị quyết số 139/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

**Đơn vị tính: Triệu đồng**

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bổ trí từ khởi công đến hết năm 2020						Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bổ trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bổ trí kế hoạch vốn)				Cam kết thời gian bổ trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				NS tỉnh	NS huyện	NS xã		Tổng số NSDP	Trong đó					
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã							NS tỉnh	NS huyện	NS xã			
	<b>TỔNG SỐ:</b>		5.018.290	1.367.778	171.198	1.195.439	655.029	531.086	22.998	155.004	80.109	38.500	112.712	3.792	215.281	260.248	90.713	152.875	16.660		0
A	HUYỆN ĐỊNH HÓA		64.926	49.543	0	49.543	23.769	24.541	1.233	4.208	4.208	0	3.708	500	6.750	6.750	0	5.337	1.413		
I	Các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020		15.705	15.164	0	15.164	15.114	50	0	541	541	0	541	0	0	0	0	0	0		
1	Đường sang khu trung tâm văn hóa - thể thao huyện Định Hóa	2790-01/6/2018	15.705	15.164		15.164	15.114	50		541	541		541	0	0					2021	
II	Các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		13.720	8.200	0	8.200	7.200	1.000	0	117	117	0	117	0	3.237	3.237	0	3.237	0		
1	Đường liên xóm Thịnh Mỹ 1, Thịnh Mỹ 2, Thịnh Mỹ 3 xã Tân Thịnh	3375-03/7/2017	8.238	5.930		5.930	4.930	1.000		0	0				2.308	2.308		2.308		2022	
2	Đường trần Đèo Tọt xã Đồng Thịnh	7126-10/11/2017	3.199	2.270		2.270	2.270			0	0				929	929		929		2022	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó			NSTW	Tổng số NSDP		Trong đó								
							NS tỉnh		NS huyện				NS xã	NS tỉnh	NS huyện	NS xã					
3	Xây dựng khu thể thao xã Trung Hội	3340-31/8/2017	2.283	0		0			117	117				0	0				2021		
<b>III</b>	<b>Các dự án thuộc ngân sách huyện</b>		<b>30.197</b>	23.016		23.016	<b>0</b>	<b>23.016</b>	<b>0</b>	<b>3.050</b>	<b>3.050</b>	<b>0</b>	<b>3.050</b>	<b>0</b>	<b>2.100</b>	<b>2.100</b>	<b>0</b>	<b>2.100</b>	<b>0</b>		
1	Kê chống sồi lở bờ sông Chu (giai đoạn 2)	1204-30/3/2016	19.768	14.016		14.016		14.016		2.000	2.000		2.000		2.100	2.100		2.100		2022	
2	Nhà đón tiếp, trưng bày ATK tại xã Trung Hội	2929-08/6/2018	7.087	6.000		6.000		6.000		750	750		750		0	0				2021	
3	Cải tạo nâng cấp chợ Cũ thị trấn Chợ Chu	5190-28/9/2018	3.343	3.000		3.000		3.000		300	300		300		0	0				2021	
<b>IV</b>	<b>Các dự án thuộc Ngân sách xã</b>		<b>5.304</b>	3.164	0	3.164	<b>1.456</b>	<b>475</b>	<b>1.233</b>	<b>500</b>	<b>500</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>500</b>	<b>1.413</b>	<b>1.413</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1.413</b>		
1	Nghĩa trang nhân dân thị trấn Chợ Chu	6966-15/11/2019	2.357	1.051		1.051		1.051		500	500		500		806	806		0	806	2022	
2	Các công trình phụ trợ Ủy ban nhân dân xã Tân Thịnh	196-17/11/2016	1.153	657		657		475	182	0	0				387	387			387	2022	
3	Đường trục thông Nà Linh - Cốc Lùng, xã Bảo Cường	6458-24/10/2019	1.795	1.456		1.456		1.456							220	220			220	2022	
<b>B</b>	<b>HUYỆN PHÚ BÌNH</b>		<b>15.455</b>	<b>8.912</b>	<b>0</b>	<b>8.912</b>	<b>6.912</b>	<b>2.000</b>	<b>0</b>	<b>5.000</b>	<b>5.000</b>	<b>5.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó								
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã				NS tỉnh		NS huyện	NS xã					
1	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Cầu Mây - Tân Kim - Tân Thành huyện Phú Bình	2939-26/9/2017	15.455	8.912		8.912	6.912	2.000		5.000	5.000	5.000			1.000	1.000	1.000			2022	
C	TP. SÔNG CÔNG		128.717	71.135	0	71.135	14.559	56.577	0	10.012	10.012	7.829	2.183	0	15.374	15.374	0	15.082	293		
I	Dự án ngân sách cấp huyện		126.664	69.409	0	69.409	14.559	54.851	0	10.012	10.012	7.829	2.183	0	15.082	15.082	0	15.082	0		
1	Đường 30/4 thàng phố Sông Công, đoạn từ đường Thăng Lợi đến đường Thống Nhất	1812-28/9/2017	10.569	5.587		5.587	5.587			2.750	2.750	2.750			0	0				2021	Đang trình phê duyệt quyết toán
2	Khu dân cư đường Lê Hồng Phong (giai đoạn 2)	2587a-31/10/2016	70.019	31.571		31.571	31.571			0	0				10.000	10.000		10.000		2023	Đang tạm dừng thi công để thực hiện BTGiới phỏng mắt bằng
3	Khu Tái định cư tổ 4 phường Mỏ Chè	1813-28/9/2017	8.000	7.273		7.273	7.273			727	727	727			0	0				2021	Đã có báo cáo quyết toán
4	Trường Tiểu học Tân Quang	2905-31/10/2016	17.669	11.971		11.971	8.971	3.000		4.352	4.352	4.352			0	0				2021	Đang trình quyết toán
5	Khu dân cư đường Lương Sơn (giai đoạn 1)	2039-31/10/2017, 708-23/4/2021	15.789	9.707		9.707	9.707			1.000	1.000	1.000			5.082	5.082		5.082		2023	Đang tạm dừng thi công để thực hiện BTGPMB

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó								
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã				NS tỉnh		NS huyện	NS xã					
6	Xây dựng nhà một cửa xã Bá Xuyên	2011-27/10/2017; 2864 - 04/5/2021	4.617	3.300		3.300		3.300		1.183	1.183		1.183		0	0			2021	Công trình quyết toán năm 2021	
<b>II</b>	<b>Dự án ngân sách cấp xã</b>		<b>2.053</b>	<b>1.726</b>	<b>0</b>	<b>1.726</b>	<b>0</b>	<b>1.726</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>293</b>	<b>293</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>293</b>			
1	Nhà làm việc - Hội trường 2 tầng trụ sở Ủy ban nhân dân xã Lương Sơn, thành phố Thái Nguyên	3203 - 29/10/2007	2.053	1.726		1.726		1.726		0	0		0	293	293			293	2023		
<b>D</b>	<b>HUYỆN ĐẠI TỪ</b>		<b>305.695</b>	<b>255.532</b>	<b>30.822</b>	<b>224.710</b>	<b>191.223</b>	<b>33.487</b>	<b>0</b>	<b>10.509</b>	<b>10.509</b>	<b>0</b>	<b>10.509</b>	<b>0</b>	<b>39.654</b>	<b>39.654</b>	<b>10.364</b>	<b>29.290</b>	<b>0</b>		
<b>I</b>	<b>Dự án phê duyệt trước giai đoạn 2016 - 2020</b>		<b>171.025</b>	<b>164.409</b>	<b>30.822</b>	<b>133.587</b>	<b>133.587</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>6.616</b>	<b>6.616</b>	<b>0</b>	<b>6.616</b>	<b>0</b>			
1	Đường vào trung tâm xã Bàn Ngoại và xã Phú Lạc huyện Đại Từ	2944 - 18/11/2011	77.413	74.648		74.648	74.648		0	0				2.765	2.765			2.765	2023		
2	Đường giao thông liên xã Cát Nê - Thâm Thịnh - Quán Chu huyện Đại Từ (giai đoạn 1)	2943 - 18/11/2011	53.408	51.939		51.939	51.939		0	0				1.469	1.469			1.469	2023		
3	Đường giao thông liên xã Đại Từ, Mỹ Yên Văn Yên, huyện Đại Từ (phần bổ sung)	2898 - 11/07/2012	40.204	37.822	30.822	7.000	7.000							2.382	2.382			2.382	2023		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú		
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:									
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó			Tổng số NSDP	Trong đó											
							NS tỉnh		NS huyện		NS xã		NS tỉnh	NS huyện	NS xã							
II	Dự án phê duyệt trong giai đoạn 2016 - 2020		134.670	91.123	0	91.123	57.636	33.487	0	10.509	10.509	0	10.509	0	33.038	33.038	10.364	22.674	0	0		
a	Dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư và cam kết bố trí vốn		71.995	37.586	0	37.586	30.877	6.709	0	10.509	10.509	0	10.509	0	23.900	23.900	10.364	13.536	0			
1	Xây dựng ngầm tràn Suối Long thuộc dự án kéo dài từ đường Nam Sông Công lên xã Tiên Hội	6499 - 30/10/2018	13.246	2.029		2.029	2.029			3.326	3.326				7.891	7.891	7.891				2022 - 2023	
2	Xây dựng ngầm tràn Suối Mang thuộc dự án kéo dài từ đường Nam Sông Công lên xã Tiên Hội	6498 - 30/10/2018	9.638	6.680		6.680	2.000	4.680		485	485				2.473	2.473	2.473				2022 - 2023	
3	Đường giao thông nông thôn xã Phú Cường huyện Đại Từ	3304 - 30/10/2017	14.997	7.499		7.499	7.499			2.999	2.999				4.499	4.499		4.499			2022 - 2023	
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Cù Vân - Phục Linh, huyện Đại Từ	3025 - 29/9/2017	14.997	6.999		6.999	6.999			3.499	3.499				4.499	4.499		4.499			2022 - 2023	
5	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Đức Lương đi Phú Cường huyện Đại Từ	3381 - 31/10/2017	19.117	14.379		14.379	14.379			200	200				4.538	4.538		4.538			2022 - 2023	
b	Dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư của huyện		62.675	53.537		53.537	26.759	26.778	0	0	0	0	0	0	9.138	9.138	0	9.138	0			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó								
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã				NS tỉnh		NS huyện	NS xã					
1	Trụ sở liên cơ quan và các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân huyện	7109 - 30/10/2017	33.189	30.124		30.124	24.674	5.450		0	0				3.065	3.065		3.065		2022	
2	Đường giao thông liên xã Cát Nê - Thâm Thịnh - Quán Chu huyện Đại Từ (Giai đoạn 2)	6495 - 30/10/2018	14.491	12.893		12.893	2.085	10.808		0	0				1.598	1.598		1.598		2022	
3	Xây dựng cơ sở hạ tầng vùng quy hoạch sản xuất rau an toàn ứng dụng công nghệ cao với xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Tiên Hội huyện Đại Từ	8838 - 29/12/2017	14.995	10.520		10.520		10.520		0	0				4.475	4.475		4.475		2022	
<b>E</b>	<b>HUYỆN ĐỒNG HỖ</b>		<b>3.365.182</b>	<b>300.486</b>	<b>109.392</b>	<b>191.094</b>	<b>147.747</b>	<b>43.347</b>	<b>13.674</b>	<b>23.974</b>	<b>23.974</b>	<b>15.671</b>	<b>8.303</b>	<b>0</b>	<b>47.860</b>	<b>47.860</b>	<b>40.417</b>	<b>7.443</b>	<b>0</b>		
<b>1</b>	<b>Công trình hoàn thành đã phê duyệt quyết toán</b>		<b>3.186.042</b>	<b>177.762</b>	<b>109.392</b>	<b>68.370</b>	<b>41.022</b>	<b>27.348</b>	<b>13.674</b>	<b>13.674</b>	<b>13.674</b>	<b>6.671</b>	<b>7.003</b>	<b>0</b>	<b>1.744</b>	<b>1.744</b>	<b>1.140</b>	<b>604</b>	<b>0</b>		
1	Nghĩa trang liệt sỹ huyện Đồng Hỷ	1743 - 02/8/2010	19.501	18.897	18.897	0				0	0				604	604		604		2022-2023	
2	Nâng cấp tuy đường xóm Tân Thịnh, xã Văn Lăng đi xóm Hạ Sơn, xã Thần Sa, huyện Võ Nhai	3762 - 31/12/2016	29.861	25.168		25.168	25.168			4.693	4.693	4.693			0	0				2021	
3	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung xóm Mỏ Ba, xã Tân Long	5174 - 20/9/2017	3.195	1.700		1.700	1.700			1.495	1.495	1.495			0	0				2021	
4	07 cầu Hóa Thượng Hòa Bình	3052 - 28/12/2007	17.185	16.045		16.045	16.045			0	0				1.140	1.140	1.140			2022	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				NSTW	Trong đó			Tổng số NSDP	Trong đó					
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã			NS tỉnh	NS huyện			NS xã	NS tỉnh	NS huyện			NS xã
5	Tuyến đường ĐT.269 Mò Sắt, Bãi vàng Hốp Tiên, huyện Đồng Hỷ	3763 - 31/12/2016	14.134	13.651		13.651	13.651			483	483	483			0	0				2021	
6	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ xóm Hải Hà đi xóm La Rầy, xã Khe Mò	3111 - 23/6/2017	5.128	4.900		4.900	4.900			228	228		228		0	0				2021	
7	Sửa chữa tuyến đường Cây Thị - Văn Hán	2863 - 06/6/2017	9.917	9.125		9.125	9.125			792	792		792		0	0				2021	
8	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ xóm Làng Cháy, xã Khe Mò đi xã Quang Sơn	7221 - 28/10/2016	10.293	9.400		9.400	9.400			893	893		893		0	0				2021	
9	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Thịnh Đức 2 - Đoàn Lâm - Hòa Khê 2	7219 - 28/10/2016	13.356	11.355		11.355	11.355			2.001	2.001		2.001		0	0				2021	
10	Cải tạo, nâng cấp tuyến Ao Sen, xã Nam Hòa đi xóm Hòa Khê 2, xã Văn Hán	7211 - 28/10/2016	8.570	8.000		8.000	8.000			570	570		570		0	0				2021	
11	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Na Quán - Con Phượng, xã Nam Hòa	7345 - 30/10/2015	6.534	6.194		6.194	6.194			340	340		340		0	0				2021	
12	Cải tạo, nâng cấp tuyến Phả Lý, xã Văn Hán đi xóm Thông Nhất, xã Khe Mò	7346 - 30/10/2015	9.705	9.500		9.500	9.500			205	205		205		0	0				2021	
13	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Tiểu đoàn 31 đến trung tâm xã Minh Lập	5996 - 25/10/2017	13.419	12.051		12.051	12.051			1.368	1.368		1.368		0	0				2021	
14	Cải tạo trường Trung học cơ sở Hòa Thượng	4587 - 16/10/2018	4.606	4.000		4.000	4.000			606	606		606		0	0				2021	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				NSTW	Trong đó			Tổng số NSDP	Trong đó					
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã			NS tỉnh	NS huyện			NS xã	NS tỉnh	NS huyện			NS xã
II	Công trình hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán		155.144	105.035	0	105.035	89.036	15.999	0	10.300	10.300	9.000	1.300	0	39.809	39.809	32.970	6.839	0		
1	Đường giao thông nông thôn từ cầu treo Văn Khánh đi xóm Bàn Tèn, xã Văn Lăng	1402 - 21/6/2016	36.941	34.815		34.815	34.815			0	0				2.126	2.126	2.126			2022-2023	
2	Trường Trung học cơ sở Trại Cau	2883 - 31/10/2016	23.393	12.054		12.054	12.054			4.000	4.000	4.000			7.339	7.339	7.339			2022	
3	Xây dựng khu tái định cư khu hành chính mới huyện Đông Hy	2607 - 25/8/2017	70.672	42.167		42.167	42.167			5.000	5.000	5.000			23.505	23.505	23.505			2022 -2023	
4	Xây dựng khu dân cư xóm Cầu Đất xã Nam Hòa (giai đoạn I)	1682 - 10/4/2018	14.971	11.101		11.101		11.101		1.000	1.000		1.000		2.870	2.870		2.870		2022	
5	Xây dựng khu dân cư số 5 Hưng Thái, xã Hòa Thượng	370a - 12/2/2020	9.167	4.898		4.898		4.898		300	300		300		3.969	3.969		3.969		2022	
III	Công trình chuyển tiếp		23.996	17.689	0	17.689	17.689	0	0	0	0	0	0	0	6.307	6.307	6.307	0	0		
1	Xây dựng tuyến đường liên xã Khe Mò - Sông Cầu	6002 - 25/10/2017	23.996	17.689		17.689	17.689			0	0				6.307	6.307	6.307			2022	
G	THÀNH PHỐ THÁI NGUYỄN		198.515	89.138	0	89.138	75.886	13.252	0	1.300	1.300	0	1.300	0	12.143	12.143	12.143	0	0		
1	Dự án Quảng Trường Võ Nguyên Giáp thành phố Thái Nguyên	2386/QĐ- Ủy ban nhân dân 23/10/2014	161.535	63.886		63.886	63.886			0	0				10.000	10.000	10.000			2022	Chờ quy hoạch của dự án Kế chống lũ Sông Cầu

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020						Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dự án (năm)	Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó									
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã				NS tỉnh		NS huyện	NS xã						
2	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên	2906 - 31/10/2016	25.208	17.092		17.092	9.000	8.092		1.000	1.000		1.000		613	613	613			2021-2022	Đang hoàn thiện thủ tục bổ sung hạng mục; vướng GPMB	
3	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Thịnh Đức, Thành phố Thái Nguyên	3394 - 31/10/2017	11.772	8.160		8.160	3.000	5.160		300	300		300		1.530	1.530	1.530			2021-2022		
<b>H</b>	<b>HUYỆN PHÚ LƯƠNG</b>		<b>145.931</b>	<b>107.846</b>	<b>8.187</b>	<b>98.518</b>	<b>78.693</b>	<b>14.541</b>	<b>5.284</b>	<b>884</b>	<b>884</b>	<b>0</b>	<b>65</b>	<b>819</b>	<b>28.011</b>	<b>28.011</b>	<b>8.517</b>	<b>4.539</b>	<b>14.954</b>	<b>0</b>		
<b>I</b>	<b>Giáo dục</b>		<b>18.270</b>	<b>11.113</b>	<b>429</b>	<b>10.684</b>	<b>7.850</b>	<b>2.527</b>	<b>307</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>6.817</b>	<b>6.817</b>	<b>1.341</b>	<b>0</b>	<b>5.476</b>			
1	Trường Mầm non Yên Lạc. Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	8006 - 31/10/2016	5.516	5.200		5.200	5.200			0	0				316	316	316			2022		
2	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Trường Mầm non Phú Đô, huyện Phú Lương	560a - 29/6/2018; 4228 - 31/12/2018	3.675	2.650		2.650	2.650			0	0				1.025	1.025	1.025			2022		
3	Trường Tiểu học xã Phú Lý. Hạng mục: Nhà lớp học 2 phòng	113 - 29/3/2016	621	484	429	55		55		0	0				37	37			37	2022		
4	Trường Mầm non xã Phú Lý. Hạng mục: San gạt mặt bằng, tường rào	191b - 31/10/2018	364	69		69			69	0	0				295	295			295	2022		
5	San nền phân hiệu trường Mầm non + Tiểu học thị trấn Du	2180 - 17/7/2018	2.784	1.390		1.390		1.390		0	0				1.394	1.394			1.394	2022		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó								
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã				NS tỉnh		NS huyện	NS xã					
6	Nâng cấp, cải tạo trường Trung học cơ sở Giang Tiên	52 - 28/6/2019	4.605	1.082		1.082				0	0				3.523	3.523			3.523	2022	
7	Trường Trung học cơ sở Phan Mễ I. Hạng mục: Cải tạo nhà lớp học 5 phòng	217a - 26/10/2014; 88a - 29/4/2016	628	207		207			207	0	0				181	181			181	2022	
8	Trường Tiểu học Yên Đỗ II: Hạng mục: Nhà bảo vệ	105 - 20/8/2014	77	31		31			31	0	0				46	46			46	2022	
<b>II</b>	<b>Văn hóa</b>		<b>6.189</b>	<b>4.416</b>	<b>1.580</b>	<b>2.836</b>	<b>1.273</b>	<b>619</b>	<b>944</b>	<b>103</b>	<b>103</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>103</b>	<b>1.592</b>	<b>1.592</b>	<b>709</b>	<b>173</b>	<b>710</b>		
1	Cải tạo Trung tâm văn hóa huyện Phú Lương	3808; 27/10/2017	792	619		619			619	0	0				173	173		173		2022	
2	Xây dựng 4 phòng chức năng văn hóa; sửa chữa Trung tâm học tập cộng đồng xã Phú Đô	109 - 18/10/2018	795	605	290	315	315			0	0				150	150			150	2022	
3	Sân vận động xã Phú Đô	118 - 18/10/2018	737	560	290	270	270			0	0				139	139			139	2022	
4	Trung tâm học tập cộng đồng xã Vô Tranh. Hạng mục: Sân bê tông và hàng rào	151 - 08/10/2018	857	500		500			500	0	0				357	357			357	2022	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú		
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				Tổng số NSDP	Trong đó										
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã			NS tỉnh	NS huyện		NS xã							
5	Sân thể thao xã Cỏ Lủng	164a - 31/10/2018	2.500	1.688	1.000	688	688			103	103			103	709	709	709			2022		
6	Cải tạo Trung tâm học tập cộng đồng xã Động Đạt	243 - 31/10/2018	508	444		444			444	0	0				64	64			64	2022		
<b>III</b>	<b>Bảo vệ môi trường</b>		<b>962</b>	<b>833</b>	<b>120</b>	<b>713</b>	<b>242</b>	<b>471</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>104</b>	<b>104</b>	<b>0</b>	<b>15</b>	<b>89</b>				
1	Cải tạo, sửa chữa bãi rác thải thị trấn Đu	182 - 09/06/2017	486	471		471			471	0	0				15	15		15	2022			
2	Xây dựng điểm thu gom rác thải xóm Phú Nam 3, xã Phú Đò	111 - 18/10/2018	279	212	60	152	152			0	0				53	53			53	2022		
3	Xây dựng điểm thu gom rác thải xóm Phú Nam 7, xã Phú Đò	110 - 18/10/2018	197	150	60	90	90			0	0				36	36			36	2022		
<b>IV</b>	<b>Các hoạt động kinh tế</b>		<b>107.582</b>	<b>85.368</b>	<b>3.681</b>	<b>80.546</b>	<b>69.328</b>	<b>10.924</b>	<b>294</b>	<b>280</b>	<b>280</b>	<b>0</b>	<b>65</b>	<b>215</b>	<b>12.442</b>	<b>12.442</b>	<b>6.467</b>	<b>3.606</b>	<b>2.369</b>			
a	Giao thông		99.217	80.998	2.772	77.085	68.773	8.018	294	215	215	0	0	215	8.572	8.572	6.467	574	1.531			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				NSTW	Trong đó			Tổng số NSDP	Trong đó					
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã			NS tỉnh	NS huyện			NS xã	NS tỉnh	NS huyện			NS xã
1	Đường giao thông liên xã Pắc Bề - Lũng Luông xã Yên Ninh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên đi huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn	3853 - 03/12/2020	22.911	18.000		18.000	18.000			0	0			4.911	4.911	4.911			2022		
2	Đường giao thông nông thôn xã Tức Tranh, huyện Phú Lương (đường giao thông nông thôn liên xã Quốc lộ 3 - Phần Mề -Tức Tranh)	1751 - 04/8/2010; 579 - 07/3/2011	55.383	46.830		46.830	46.830			0	0			153	153	153			2022		
3	Đường vào Nhà bia ghi dấu tích địa điểm an táng nhà yêu nước Lương Ngọc Quyến	3872 - 31/10/2017	3.353	1.950		1.950	1.950			0	0			1.403	1.403	1.403			2022		
4	Đường trục xã liên xã Đông Đạt	3492 - 29/9/2017	4.903	4.644		4.644	4.644			0	0			259	259	259			2022		
5	Đường giao thông nông thôn từ Khe Vàng 3 đi Núi Phất, xã Phú Đô	2919 - 28/9/2018; 3093 - 22/10/2018	3.637	3.322		3.322	3.322			0	0			315	315	315			2022		
6	Đường bê tông xóm Đồng Phú 2 đi khu nghĩa địa tập trung	197a - 31/10/2017	930	639	300	339	339			0	0			191	191		191		2022		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				NSDP	Trong đó			Tổng số NSDP	Trong đó					
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã			NS tỉnh	NS huyện			NS xã	NS tỉnh	NS huyện			NS xã
7	Đường giao thông tiểu khu Lân 2 (giai đoạn 2)	248a - 23/12/2016	667	324		324	158		166	65	65			65	45	45			45	2022	
8	Đường BT xóm Đập Trăn, xã Túc Tranh, huyện Phú Lương	186 - 16/10/2014	477	442		260	260			0	0				50	50			50	2022	
9	Đường BT xóm Đồng Tâm- Đồng Tiến, xã Túc Tranh	190b - 15/4/2015	717	675		401	401			0	0				55	55			55	2022	
10	Đường BT xóm Minh Hợp, xã Túc Tranh, huyện Phú Lương	192b - 29/10/2014	635	559		337	337			0	0				75	75			75	2022	
11	Đường bê tông xóm Khe Vàng 3 đi xóm Phảng 2 đi trường bán xã Phú Đô, huyện Phú Lương (giai đoạn 1)	138a - 31/12/2017	1.285	1.186	813	373	325		48	0	0				49	49			49	2022	
12	Đường BT nhà văn hóa xóm Phú Nam 3 đi Phú Nam 4, xã Phú Đô	113 - 18/10/2018	223	132	30	102	102			0	0				78	78			78	2022	
13	Đường bê tông xóm Phú Đô 2	3249 - 31/10/2018	1.221	356	172	184	52	52	80	150	150			150	593	593			593	2022	
14	Đường trục chính đi K4 Phú Sơn (Đoạn 3), xã Vô Tranh, huyện Phú Lương	158 - 25/7/2016	787	640	406	0				0	0				106	106			106	2022	
15	Đường BT xóm Trung Thành 3 (Giai đoạn 2)	172 - 31/8/2016	856	447	447	0				0	0				110	110			110	2022	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020						Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó			NSTW		Trong đó				Tổng số NSDP	Trong đó				
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã			NS tỉnh	NS huyện	NS xã			NS tỉnh	NS huyện	NS xã		
16	Đường trục đi nhà văn hóa xóm Liên Hồng 3, xã Vô Tranh, huyện Phú Lương (Đoạn 1)	159a - 10/8/2016	595	410	307	0				0	0				80	80			80	2022	
17	Đường trục đi nhà văn hóa xóm Liên Hồng 3, xã Vô Tranh, huyện Phú Lương (Đoạn 2)	170a - 21/8/2016	571	400	297	0				0	0				75	75			75	2022	
18	Cải tạo đường vào Trạm y tế xã Yên Đô	70b - 26/9/2016	66	42		19	19			0	0				24	24			24	2022	
<b>b</b>	<b>Nông lâm thủy lợi</b>		<b>2.541</b>	<b>2.399</b>	<b>0</b>	<b>2.399</b>	<b>0</b>	<b>2.399</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>142</b>	<b>142</b>	<b>0</b>	<b>142</b>	<b>0</b>		
1	Sửa chữa kênh xóm Đông Rôm, xã Phú Lý	1809 - 11/6/2018	490	465		465	465			0	0				24	24		24		2022	
2	Sửa chữa kênh Trạm bơm Bến Giàng, xã Vô Tranh	1810 - 11/6/2018	702	662		662	662			0	0				40	40		40		2022	
3	Sửa chữa hồ Ba Họ, xã Yên Ninh	1811 - 11/6/2018	625	589		589	589			0	0				36	36		36		2022	
4	Sửa chữa kênh tiêu nước xã Vô Tranh	1813 - 11/6/2018; 4109 - 27/12/2018	724	682		682	682			0	0				42	42		42		2022	
<b>c</b>	<b>Cấp nước</b>		<b>543</b>	<b>276</b>	<b>276</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>267</b>	<b>267</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>267</b>		
1	Nước sinh hoạt tập trung xóm Đồng Danh	2198 - 19/6/2017	543	276	276	0				0	0				267	267			267	2022	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020						Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dự án (năm)	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				Tổng số NSDP	Trong đó									
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã			NS tỉnh	NS huyện		NS xã						
<b>d</b>	<b>Quy hoạch</b>		<b>3.035</b>	<b>116</b>	<b>116</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2.919</b>	<b>2.919</b>	<b>0</b>	<b>2.890</b>	<b>29</b>			
1	Điều chỉnh cục bộ (lần 2) đồ án điều chỉnh mở rộng quy hoạch chung thị trấn Đu	4088 - 19/12/2019	397			0				0	0				397	397		397		2022	
2	Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Giang Tiên	3473 - 08/11/2017	2.140			0				0	0				2.140	2.140		2.140		2022	
3	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu trung tâm văn hoá thể thao huyện Phú Lương	555 - 15/3/2018; 1297 - 16/5/2018	353			0				0	0				353	353		353		2022	
4	Điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Yên Lạc	2767 - 19/7/2019	145	116	116	0				0	0				29	29			29	2022	
<b>e</b>	<b>Thương mại</b>		<b>2.246</b>	<b>1.579</b>	<b>517</b>	<b>1.062</b>	<b>555</b>	<b>507</b>	<b>0</b>	<b>65</b>	<b>65</b>	<b>0</b>	<b>65</b>	<b>0</b>	<b>542</b>	<b>542</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>542</b>		
1	Sửa chữa chợ Yên Ninh	90 - 31/10/2015	756	300		300		300		65	65		65		391	391			391	2022	
2	Nhà để xe, sửa chữa máng nước, nền nhà đình chợ Đu	147a - 25/12/2015	292	207		207		207		0	0				85	85			85	2022	
3	Xây dựng Chợ xã Phú Đô	108 - 18/10/2018	1.198	1.072	517	555	555			0	0				66	66			66	2022	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020						Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Tổng số NSDP	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó			NSDP		Trong đó			NSTW		Tổng số NSDP	Trong đó				
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã			NS tỉnh	NS huyện	NS xã				NS tỉnh	NS huyện			NS xã
V	Hoạt động quản lý nhà nước		12.928	6.116	2.377	3.739	0	0	3.739	501	501	0	0	501	7.055	7.055	0	745	6.310			
1	Ủy ban nhân dân xã Yên Ninh. Hạng mục: Nhà văn hóa đa năng	3911 - 01/11/2017	2.582	2.377	2.377	0				0	0				205	205		0	205	2022		
2	Ủy ban nhân dân xã Yên Ninh. Hạng mục: Nhà làm việc một cửa	175 - 18/10/2018	745	170		170			170	85	85			85	1.235	1.235		745	490	2022		
3	Xây dựng cổng trường rào, sân bê tông, nhà bảo vệ trụ sở Ủy ban nhân dân xã Yên Ninh	183 - 31/10/2018	453	200		200			200	0	0				253	253			253	2022		
4	Trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn Đu. Hạng mục: Sân nền	137 - 31/10/2018	1.072	187		187			187	0	0				885	885			885	2022		
5	Cải tạo trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn Giang Tiên. Hạng mục: Sân rãnh thoát nước, chống thấm mái nhà ủy ban, sửa chữa nhà Trung tâm học tập cộng đồng	82 - 30/12/2019	736	140		140			140	0	0				596	596			596	2022		
6	Cải tạo, sửa chữa Ủy ban nhân dân xã Phú Đò	132 - 31/10/2018	867	215		215			215	0	0				652	652			652	2022		
7	Duy tu, sửa chữa trụ sở Ủy ban nhân dân xã Hợp Thành	98c - 31/10/2017	285	254		254			254	0	0				31	31			31	2022		
8	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc Ủy ban nhân dân xã Hợp Thành. Hạng mục: Nhà làm việc bộ phận một cửa, nhà xe	66 - 30/10/2014	571	353		353			353	85	85			85	133	133			133	2022		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020						Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				NSDP	Trong đó			Tổng số NSDP	Trong đó					
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã			NS tỉnh	NS huyện			NS xã	NS tỉnh	NS huyện	NS xã		
9	Cải tạo khuôn viên trụ sở Ủy ban nhân dân xã Hợp Thành. Hạng mục: Nhà văn hóa, nhà vệ sinh, sân bê tông	53; 31/10/2018	891	387		387			387	65	65			65	439	439			439	2022	
10	Ủy ban nhân dân xã Đông Đạt huyện Phú Lương. Hạng mục: Công hàng rào, sân bê tông, sân nền kê đá, nhà công an, nhà tiếp dân	189a - 16/9/2016	2.109	906		906			906	0	0				1.203	1.203			1.203	2022	
11	Trụ sở làm việc Ủy ban nhân dân xã Đông Đạt. Hạng mục: Nhà bếp + nhà để xe+ bồn hoa+ đất tôn nền vào Ủy ban nhân dân	185a - 08/9/2016	339	100		100			100	0	0				239	239			239	2022	
12	Ủy ban nhân dân xã Đông Đạt, huyện Phú Lương. Hạng mục: Nhà đoàn thể + nhà vệ sinh	228 - 01/12/2016	932	253		253			253	0	0				679	679			679	2022	
13	Cải tạo trụ sở làm việc Ủy ban nhân dân xã Đông Đạt	230a - 31/10/2017	676	265		265			265	150	150			150	261	261			261	2022	
14	Nhà để xe Ủy ban nhân dân xã Yên Đô, huyện Phú Lương	87b - 20/4/2018	670	309		309			309	116	116			116	245	245			245	2022	
<b>VI</b>	<b>Quản sự</b>		<b>17.411</b>	<b>13.733</b>	<b>3.850</b>	<b>9.883</b>	<b>8.113</b>	<b>1.770</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3.876</b>	<b>3.876</b>	<b>649</b>	<b>3.227</b>	<b>0</b>	2022	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				NSTW	Trong đó			Tổng số NSDP	Trong đó					
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã			NS tỉnh	NS huyện			NS xã	NS tỉnh	NS huyện			NS xã
1	Dự án: Xây dựng, nâng cấp doanh trại Ban Chỉ huy quân sự huyện Phú Lương	354/QĐ-BCH 15/11/2015 403/QĐ-BCH 26/9/2017	14.462	11.963	3.850	8.113	8.113							2.499	2.499	649	1.850		2022		
2	Xây dựng khuôn viên, khu thể lực, sửa chữa các hạng mục doanh trại Ban Chỉ huy quân sự huyện Phú Lương	944 - 31/3/2017	1.090	750		750		750						238	238		238		2022		
3	Xây dựng ao cá, khu chăn nuôi doanh trại Ban Chỉ huy quân sự huyện Phú Lương	941 - 31/3/2017	999	720		720		720						279	279		279		2022		
4	Cải tạo, sửa chữa doanh trại Ban Chỉ huy quân sự huyện Phú Lương năm 2018	3196 - 29/10/2018	860	300		300		300						860	860		860		2022		
<b>1</b>	<b>HUYỆN VÕ NHAI</b>		<b>59.809</b>	<b>32.186</b>	<b>0</b>	<b>32.186</b>	<b>32.186</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>10.000</b>	<b>10.000</b>	<b>10.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>17.623</b>	<b>17.623</b>	<b>17.623</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
1	Hồ sinh thái - Công viên cây xanh thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	5167/UBND Đ tỉnh 31/12/2016	59.809	32.186		32.186	32.186			10.000	10.000	10.000			17.623	17.623	17.623		2022-2023		
<b>K</b>	<b>THỊ XÃ PHỒ YÊN</b>		<b>716.649</b>	<b>439.267</b>	<b>18.947</b>	<b>420.319</b>	<b>75.941</b>	<b>341.571</b>	<b>2.807</b>	<b>89.116</b>	<b>14.221</b>	<b>0</b>	<b>86.643</b>	<b>2.473</b>	<b>42.990</b>	<b>87.957</b>	<b>0</b>	<b>87.957</b>	<b>0</b>		
	Ngân sách Thị xã		716.649	439.267	18.947	420.319	75.941	341.571	2.807	89.116	14.221	0	86.643	2.473	42.990	87.957	0	87.957	0	0	
<b>1</b>	<b>DỰ ÁN XÂY DỰNG CƠ BẢN</b>		<b>697.563</b>	<b>431.336</b>	<b>18.947</b>	<b>412.389</b>	<b>75.941</b>	<b>333.641</b>	<b>2.807</b>	<b>83.559</b>	<b>14.221</b>	<b>0</b>	<b>81.086</b>	<b>2.473</b>	<b>39.414</b>	<b>84.381</b>	<b>0</b>	<b>84.381</b>	<b>0,0</b>		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020						Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				Tổng số NSDP	Trong đó			Tổng số NSDP	Trong đó					
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã			NS tỉnh	NS huyện			NS xã	NS tỉnh	NS huyện	NS xã		
a	Các Chương trình đã phê duyệt quyết toán		44.897	29.292	15.763	13.528	5.611	5.444	2.473	14.221	14.221	0	11.749	2.473	0	0	0	0			
1	Đường bê tông xi măng xóm Khe Đù, Khe Lảnh xã Phúc Thuận	4327- 28/10/2015.	561	374	374	0				187	187		187						2021		
2	Đường bê tông xi măng xóm 2 xã Phúc Tân, huyện Phổ Yên	1722- 14/8/2015.	649	514	514	0				135	135		135						2021		
3	Đường bê tông xi măng từ công trường Tiểu học 3 đi Cầu Lan, xóm Chùa đi xóm Tom xã Thành Công	171 - 14/8/2015	596	568	559	9		9		28	28		28						2021		
4	Đường bê tông xi măng xóm Lầy 5, Châm 7a, cầu trần Tân Lập xã Minh Đức	11352 - 29/10/2013.	772	665	665	0				108	108		108						2021		
5	Đường bê tông xi măng từ ngã ba xóm Co Phi đi xóm Đình xã Vạn Phái, huyện Phổ Yên	1720 - 14/8/2015	774	673	665	8		8		100	100		100						2021		
6	Nhà văn hóa xóm Đầm Mương 14 xã Minh Đức	7024b - 29/9/2017	486	350	350	0				136	136		136						2021		
7	Đường giao thông nông thôn Trung Quần, Định Thành xã Tiến phong	7674 - 27/10/2017	591	557	557	0				34	34		34						2021		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				Tổng số NSDP	Trong đó								
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã			NS tỉnh	NS huyện		NS xã					
8	Đường bê tông xi măng xóm Khe Lánh xã Phúc Thuận	5634b-23/8/2017	1.352	1.341	1.000	341				10	10		10						2021	
9	Nhà văn hóa xóm 10 xã Phúc Tân	7028b - 29/9/2017	554	457	457	0				96	96		96						2021	
10	Xây dựng Nhà văn hóa xóm 3 xã Phúc Tân	7027 - 29/9/2017	671	436	436	0				235	235		235						2021	
11	Đường bê tông xi măng xóm Hồng Cóc, Thượng 1, Thượng 2 xã Phúc Thuận	5715 - 31/10/2018	706	530	530	0				177	177		177						2021	
12	Đường Trần xóm Đồng Muối xã Phúc Thuận	8052b - 31/10/2017	318	240	240	0				78	78		78						2021	
13	Đường bê tông xi măng xóm 15 Đầm Mương xã Minh Đức	8049b - 31/10/2017	260	200	200	0				60	60		60						2021	
14	Đường bê tông xi măng xóm Bến Cháy đi cầu Bến Vạn xã Vạn Phái	8050b - 31/10/2017	697	650	650	0				47	47		47						2021	
15	Đường bê tông xi măng thôn Nông Vụ xã Vạn Phái	8053b - 31/10/2017	1.080	957	957	0				123	123		123						2021	
16	Đường bê tông xi măng xóm Xuân Hà 1 xã Thành Công	8047b - 31/10/2017	185	150	150	0				35	35		35						2021	
17	Đường giao thông nông thôn thôn Bình Tiến xã Tiên Phong	5714 - 31/10/2018	938	779	779	0				159	159		159						2021	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				NSDP	Trong đó			Tổng số NSDP	Trong đó					
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã			NS tỉnh	NS huyện			NS xã	NS tỉnh	NS huyện			NS xã
18	Đường giao thông nông thôn Trung Quán - Giã Thủ xã Tiên phong	7482 - 27/10/2016	708	700	700	0				8	8		8						2021		
19	Đường giao thông nông thôn Trung Quán - Định Thành xã Tiên phong giải đoạn 1	7480 - 27/10/2016	488	482	482	0				6	6		6						2021		
20	Đường giao thông nông thôn trung tâm Cổ Pháp, Thái Cao xã Tiên phong	7541b - 28/10/2016	1.022	1.010	1.010	0				12	12		12						2021		
21	Đường bê tông xi măng xóm Thuận Đức, xã Minh Đức	6429 - 15/10/2020	236	138		138				98	98		98						2021		
22	Nâng cấp, mở rộng mặt đường bê tông xi măng từ xóm Nông Vụ 4 đến Nông Vụ 5, xã Vạn Phái	6436 - 15/10/2020	832	710	710	0				122	122		122						2021		
23	Đường bê tông xi măng từ xóm Hồng Cóc, Thương I, Thương II, Đông Muôn xã Phúc Thuận	6427 - 15/10/2020	683	580	580	0				103	103		103						2021		
24	Đường bê tông xi măng từ xóm Bia, Nhội xã Thành Công	6434- 15/10/2020	344	290	290	0				54	54		54						2021		
25	Đường bê tông xi măng xóm Thuận Đức, xã Minh Đức	6429 - 15/10/2020	196	165	165	0				31	31		31						2021		
26	Đường bê tông xi măng xóm Đồng Xuân, thôn Cổ Pháp đi xóm Thái Cao giải đoạn III, xã Tiên Phong	6433 - 15/10/2020	708	600	600	0				108	108		108						2021		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				Tổng số NSDP	Trong đó								
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã			NS tỉnh	NS huyện		NS xã					
27	Đường bê tông xi măng xóm 3, 10, 11, xã Phúc Tân	6426 - 15/10/2020	440	393	393	0				5	5		5						2021	
28	Nâng cấp, mở rộng mặt đường bê tông xi măng và xây dựng rãnh thoát nước từ ngã ba ông Tập đến công Cầu Trần xóm Nông Vụ 3, xã Vạn Phú	6435 - 15/10/2020	949	860	860	0				88	88		88						2021	
29	Xây dựng kênh mương nội đồng xóm Xuân Hà 1, xã Thành Công	6432 - 15/10/2020	194	160	160	0				33	33		33						2021	
30	Xây dựng công trình phụ trợ Nhà văn hóa xóm Xuân Dương, xã Thành Công	6431 - 15/10/2020	168	145	145	0				23	23		23						2021	
31	Xây dựng công trình phụ trợ Nhà văn hóa xóm Lầy 5, xóm 14,15 Đầm Mương, xã Minh Đức	6430 - 15/10/2020	499	430	430	0				69	69		69						2021	
32	Đường bê tông xi măng Tô dân phố Trung, phường Bắc Sơn	6428 - 15/10/2020	183	156	156	0				27	27		27						2021	
33	Đường bê tông xi măng thôn Thủ Lâm xã Tiên phong	5703 - 31/10/2018	876	792		792	792			84	84		84						2021	
34	Đường bê tông xi măng thôn Nguyễn Hậu xã Tiên phong	5705 - 31/10/2018	1.101	1.029		1.029	1.029			72	72		72						2021	
35	Tôn tạo Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ phường Đồng Tiến	6881b - 20/9/2017	218	196		196	196			21	21		21						2021	
36	Cải tạo sửa chữa khuôn viên trụ sở Ủy ban nhân dân phường	6882b - 20/9/2017	823	748		748	748			76	76		76						2021	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó								
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã				NS tỉnh		NS huyện	NS xã					
37	Cải tạo, sửa chữa vỉa hè đường đoạn qua Tru sở Ủy ban nhân dân phường Bắc Sơn	8259 - 05/11/2016	935	500		500				159	159									2021	
38	Đường bê tông xi măng tổ dân phố Thuần Đức 4, phường Bắc Sơn (Đoạn từ nhà bà Năm đến nhà ông Tấn)	1445 - 30/03/2018	97	30		30				20	20									2021	
39	Đường bê tông xi măng tổ dân phố Trung, phường Bắc Sơn (Đoạn từ nhà ông Lực đến đường ĐT.261)	1411 - 26/03/2018	232	72		72				49	49									2021	
40	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường xóm Bến Cháy xã Vạn Phái	1950 - 14/4/2017	197	14		14				95	95									2021	
41	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường xóm Cơ Phi xã Vạn Phái	1951 - 14/4/2017	493	39		39				233	233									2021	
42	Đường bê tông xi măng xóm Trại Càng- Hạ Vu 2 xã Vạn Phái năm 2018 (Đợt 2)	5517 - 30/10/2018	493	0		0				96	96									2021	
43	Xây rãnh thoát nước đoạn trừ Trung Tâm đi xóm Tân Cương xã Vạn Phái	7621 - 27/10/2017	1.057	536		536				219	219									2021	
44	Cải tạo sửa chữa các hạng mục phụ trợ Trạm y tế xã Vạn Phái	7620 - 27/7/2017	337	16		16				250	250									2021	
45	Đường giao thông xóm Vàng, xã Tân Hương	5880 - 31/10/2019	149	38		38				111	111									2021	
46	Đường giao thông xóm Đông, xã Tân Hương	5873 - 31/10/2019	84	21		21				63	63									2021	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				NSDP	Trong đó			Tổng số NSDP	Trong đó					
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã			NS tỉnh	NS huyện			NS xã	NS tỉnh	NS huyện			NS xã
47	Đường giao thông xóm Bắc, xã Tân Hương	5883 - 31/10/2019	222	55		55					167	167								2021	
48	Đường giao thông xóm Cầu Tiên, xã Tân Hương	5881 - 31/10/2019	282	71		71					211	211								2021	
49	Đường giao thông xóm Thành Lập, xã Tân Hương	5884 - 31/10/2019	256	64		64					192	192								2021	
50	Đường giao thông xóm Trường Thọ, xã Tân Hương	5878 - 31/10/2019	521	132		132					389	389								2021	
51	Đường giao thông xóm Hương Sơn, xã Tân Hương	5882 - 31/10/2019	119	30		30					89	89								2021	
52	Nâng cấp, cải tạo tuyến mương xóm Hương Sơn	1958 - 14/4/2017	325	34		34					290	290								2021	
53	Kênh mương xóm Hương Thịnh	5916 - 31/10/2019	278	16		16					262	262								2021	
54	Đường bê tông xi măng xóm Đình Thành	3138b - 13/6/2019	169	42		42	42	0			127	127								2021	
55	Đường bê tông xi măng thôn Nguyễn Hậu	3135b - 12/6/2019	219	50		50	50	0			169	169								2021	
56	Đường bê tông xi măng thôn Xuân Trù	3134b - 12/6/2019	252	64		64	64	0			188	188								2021	
57	Đường bê tông xi măng thôn Giã Thủ	3133 - 12/6/2019	124	31		31	31	0			93	93								2021	
58	Đường bê tông xi măng thôn Cổ Pháp	8555 - 31/12/2020	226	54		54	54	0			172	172								2021	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				NSDP	Trong đó			Tổng số NSDP	Trong đó					
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã			NS tỉnh	NS huyện			NS xã	NS tỉnh	NS huyện			NS xã
59	Đường bê tông xi măng thôn Thù Lâm	3137 - 13/6/2019	138	31		31		0		107	107		107						2021		
60	Đường giao thông xóm Cầu Sơn, xã Trưng Thành năm 2019	3162b - 14/6/2019	635	161		161		161		474	474		474						2021		
61	Đường giao thông xóm Thanh Tân, xã Trưng Thành năm 2019	3161b - 14/6/2019	85	22		22		22		63	63		63						2021		
62	Đường giao thông nông thôn xóm Thanh Xuyên 4, xã Trưng Thành	7486 - 25/10/2016	106	28		28		28		78	78		78						2021		
63	Đường giao thông nông thôn xóm Am Lâm, xã Trưng Thành năm 2016	7197b - 19/10/2016	134	22		22		22		112	112		112						2021		
64	Đường giao thông xóm Coong Leng, xã Phúc Thuận	3103b - 11/06/2019	367	176		176		92	84	188	188		104	84					2021		
65	Đường giao thông xóm Phúc Tài, xã Phúc Thuận	3108b - 11/6/2019	367	176		176		92	84	188	188		104	84					2021		
66	Đường giao thông nông thôn xóm Quán Xóm (ông Phúc - ông Bình) xã Phúc Thuận năm 2020	3107b - 11/6/2019	233	111		111		56	55	126	126		72	55					2021		
67	Rãnh thoát nước tuyến đường trục xã từ ĐT.261 vào TT VHHT xã Phúc Thuận	5864 - 31/10/2019	1.152	975		975		975	0	68	68		68	0					2021		
68	Đường bê tông xi măng từ ĐT.261 đến đến Vua Bà, xã Phúc Thuận	5419 - 08/10/2019	1.731	1.188		1.188		1.188	0	88	88		88	0					2021		
69	Nhà làm việc bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân xã Thuận Thành	5530 - 30/10/2018	639	539		539		539		100	100		100						2021		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã				NS tỉnh				NS huyện	NS xã			NS tỉnh
70	Cải tạo, sửa chữa Trạm y tế xã Phúc Tân	5574 - 30/10/2018	717	0		0				633	633			633						2021	
71	Đường bê tông xi măng xóm Chùa, xã Thành Công	7106 - 17/10/2016	515	386		386	265		121	137	137			16						2021	
72	Đường bê tông xi măng xóm Tân Thành, xã Thành Công	7251 - 20/10/2016	279	199		199	134		65	84	84			18						2021	
73	Đường bê tông xi măng xóm Nhe, xã Thành Công	7103 - 17/10/2016	310	217		217	152		65	65	65			0						2021	
74	Đường bê tông xi măng xóm Nhe, xã Thành Công (đoạn từ ĐT.274 đi suối Na Phèo)	7250 - 20/10/2016	334	228		228	150		78	110	110			32						2021	
75	Đường bê tông xi măng xóm An Hòa, xã Thành Công	7102- 17/10/2016	640	488		488	338		150	161	161			11						2021	
76	Đường giao thông nông thôn xóm Na Lang 1, xã Thành Công	1907 - 14/4/2017	414	196		196	102		94	213	213			119						2021	
77	Đường giao thông nông thôn xóm Na Lang 2, xã Thành Công	1909 - 14/4/2017	414	196		196	102		94	213	213			119						2021	
78	Đường giao thông nông thôn xóm Tân Lập, xã Thành Công	1908 - 14/4/2017	373	177		177	92		85	192	192			107						2021	
79	Đường NTM xóm Chùa, xã Thành Công	7703 - 27/10/2017	704	357		357	174		183	434	434			252						2021	
80	Đường NTM xóm Tom 2, xã Thành Công	7700 - 27/10/2017	351	169		169	87		82	186	186			104						2021	
81	Đường giao thông xóm Thượng Vụ 2, xã Thành Công	5892 - 31/10/2019	410	196		196	103		94	209	209			116						2021	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú		
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó			Tổng số NSDP	Trong đó					
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã				NS tỉnh		NS huyện		NS xã	NS tỉnh			NS huyện	NS xã
82	Đường giao thông xóm An Bình, xã Thành Công	5893 - 31/10/2019	302	145		145	76		69	154	154		85	69					2021			
83	Đường giao thông xóm Na Lang 2, xã Thành Công	5897 - 31/10/2019	273	131		131	69		62	138	138		76	62					2021			
84	Đường giao thông xóm Tom 2, xã Thành Công	5896 - 31/10/2019	184	88		88	46		42	94	94		52	42					2021			
85	Đường giao thông xóm Chùa, xã Thành Công	5898 - 31/10/2019	184	88		88	46		42	94	94		52	42					2021			
86	Đường giao thông xóm Tân Lập, xã Thành Công	5899 - 31/10/2019	366	175		175	92		83	186	186		103	83					2021			
87	Nhà để xe, nhà bảo vệ, tường rào trụ sở Ủy ban nhân dân xã Thành Công	5545 - 30/10/2018	302	0		0				273	273		273						2021			
88	Đường giao thông xóm Xuân Hà 3, xã Thành Công	5894 - 31/10/2019	225	109		109	42		67	168	168		101	67					2021			
89	Đường giao thông xóm Xuân Dương, xã Thành Công	5891 - 31/10/2019	274	133		133	51		82	205	205		123	82					2021			
90	Đường giao thông xóm Xuân Hà 4, xã Thành Công	5895 - 31/10/2019	192	92		92	34		58	147	147		89	58					2021			
91	Đường giao thông xóm Yên Mễ, xã Hồng Tiến	8627 - 31/12/2020	232	170		170	77		93	155	155		62	93					2021			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				Tổng số NSDP	Trong đó			Tổng số NSDP	Trong đó					
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã			NS tỉnh	NS huyện			NS xã	NS tỉnh	NS huyện			NS xã
92	Đường giao thông xóm Liên Minh, xã Hồng Tiến	8625 - 31/12/2020	291	213		213	97		116	194	194		78	116					2021		
93	Đường giao thông xóm Cống Thượng, xã Hồng Tiến	8629 - 31/12/2020	129	92		92	41		52	89	89		37	52					2021		
94	Đường giao thông xóm Hiệp Đồng, xã Hồng Tiến	8628 - 31/12/2020	207	150		150	68		83	139	139		56	83					2021		
95	Đường giao thông xóm Ngoài, xã Hồng Tiến	8628 - 31/12/2020	294	214		214	96		118	198	198		80	118					2021		
96	Đường giao thông xóm Thành Lập, xã Hồng Tiến	8624 - 31/12/2020	161	118		118	53		65	108	108		43	65					2021		
97	Đường giao thông xóm Điện, xã Hồng Tiến	8630 - 31/12/2020	271	204		204	96		108	175	175		67	108					2021		
98	Cải tạo hội trường nhà đa năng Trung tâm văn hóa & trụ sở làm việc Ủy ban nhân dân xã Hồng Tiến	7692 - 26/11/2020	1.041	0		0				1.041	1.041		1.041						2021		
<b>b</b>	<b>Các công trình đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán</b>		<b>372.362</b>	<b>260.842</b>	<b>3.184</b>	<b>257.658</b>	<b>6.966</b>	<b>250.358</b>	<b>334</b>	<b>3.778</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3.778</b>	<b>0</b>	<b>44.967</b>	<b>0</b>	<b>44.967</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
1	Cải tạo tuyến đường từ ngã 3 chợ Long Thành đi Ngòi Mèn, xã Thành Công, thị xã Phố Yên	2463 - 30/10/2012	6.113	4.681		4.681	720	3.961		0			0		208	208		208	2022-2023		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn năm 2021				Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)				Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú		
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
					NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó							
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã				NS tỉnh		NS huyện	NS xã				
2	Nâng cấp tuyến đường ĐT.261 đoạn từ Quốc lộ 3 cũ đến công bệnh viện đa khoa thị xã Phố Yên	2826 - 21/10/2015	15.000	12.000		12.000	5.500	6.500		0				1.336	1.336		1.336		2022-2023	
3	Khắc phục hậu quả thiên tai trên tuyến đường WB3 đoạn qua xóm 5, xóm 8 và xóm 9, xã Phúc Tân	10605 - 01/12/2014	368	210		210		210		0				63	63		63		2022-2023	
4	Nhà lớp học 2 phòng Trường Tiểu học Vạn Phái 2	10524 - 30/10/2014	553	400		400		400		0				122	122		122		2022-2023	
5	Nhà lớp học 2 phòng Trường Mầm non Vạn Phái (phân trường Cơ Phi)	10523 - 30/10/2014	638	520		520		520		0				80	80		80		2022-2023	
6	Cải tạo, sửa chữa mái và nền nhà lớp học Trường Tiểu học Tiên Phong 1, Tiểu học Tiên Phong 2	10607 - 31/10/2014	316	260		260		260		0				57	57		57		2022-2023	
7	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng trường Tiểu học Hồng Tiến 2	4226 - 26/10/2015	5.005	4.456		4.456		4.456		0				536	536		536		2022-2023	
8	Xây dựng các hạng mục Đình Trà Thị xã Đông Cao	4876 - 05/05/2015	862	960		960		960		0				130	130		130		2022-2023	
9	Sửa chữa tuyến đường từ Ngã 3 chùa Hương Áp đi Ngã 3 Nguyễn Hậu, xã Tiên Phong	824- 28/01/2016	15.427	12.126		12.126		12.126		500				2.479	2.479		2.479		2022-2023	
10	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường Mầm non Nam Tiến	7434b - 27/10/2016	6.411	4.983		4.983		4.983		0				1.038	1.038		1.038		2022-2023	
11	Nhà lớp học 3 phòng, trường Tiểu học Ba Hàng (phân trường Quảng Ninh)	4227 - 26/10/2015	865	619		619		619		0				195	195		195		2022-2023	

CÔNG BÁO THÁI NGUYỄN/Số 52+53/Ngày 15-9-2021

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				Tổng số NSDP	Trong đó								
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã			NS tỉnh	NS huyện		NS xã					
12	Trung tâm văn hóa thể thao xã Tân Phú	4636 - 16/6/2016	6.097	5.012		5.012				0				654	654		654		2022-2023	
13	Xây dựng mới khu thể thao đạt chuẩn nông thôn mới xã Tân Phú	5957b - 29/8/2016	622	541		541				0				14	14		14		2022-2023	
14	Xây dựng ĐZ 22 kV+0,4 kV cấp điện cho Đài phun nước và trung tâm tổ chức sự kiện khu Đền thờ liệt sỹ thị xã Phố Yên	7719 - 27/10/2017	775	600		600				0				124	124		124		2022-2023	
15	TBA 560 kVA - 22/0,4 kV cấp điện cho Đài phun nước và trung tâm tổ chức sự kiện khu Đền thờ liệt sỹ thị xã Phố Yên	7718 - 27/10/2017	888	720		720				0				110	110		110		2022-2023	
16	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Mầm non Thành Công I	1741 - 07/03/2012	3.388	3.094		3.094				0				87	87		87		2022-2023	
17	Trụ sở làm việc Ủy ban nhân dân xã Đắc Sơn, huyện Phố Yên. Hạng mục: San nền, công, hàng rào	16703 - 09/11/2009	648	616		616				0				33	33		33		2022-2023	
18	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Mầm non Minh Đức	1743 - 07/03/2012	3.548	3.223		3.223				0				25	25		25		2022-2023	
19	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường Mầm non Phúc Thuận 2	5898 - 5/07/2013	4.900	4.042		4.042				0				727	727		727		2022-2023	
20	Cải tạo tuyến đường Ba Hàng - Tiên Phong đoạn từ Km3+350 đến Km4+800	3067 - 07/04/2014	2.899	2.854		2.854				0				45	45		45		2022-2023	
21	Cải tạo, sửa chữa nhà học viên và các công trình phụ trợ Trung tâm chữa bệnh giáo dục lao động xã hội	5385 - 20/06/2013	1.516	1.331		1.331				0				71	71		71		2022-2023	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
					NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó								
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã				NS tỉnh		NS huyện	NS xã					
22	Xây dựng hệ thống cấp thoát nước và cấp điện cho TĐC phục vụ Giải phóng mặt bằng cho đường từ ngã 3 chợ Phố Yên đi khu dân cư VIP	7603 - 27/10/2017	1.093	524		524				0				483	483		483			2022-2023	
23	Xây dựng mới Chợ nông thôn xã Vạn Phái	7796 - 27/10/2017	5.052	4.246		4.246			92				92	366	366		366			2022-2023	
24	Đường giao thông nông thôn từ Định Thành đi Bình Tiến xã Tiên Phong	3051 - 07/10/2015	14.046	13.033		13.033			0				0	841	841		841			2022-2023	
25	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường Mầm non Phúc Thuận III	4243 - 26/10/2015	6.324	5.341		5.341			0				0	589	589		589			2022-2023	
26	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường Tiểu học Hồng Tiến 1	1191 - 16/3/2018	4.878	4.230		4.230			0				0	505	505		505			2022-2023	
27	Xây dựng Nhà hội trường đa năng, khu thể thao xã Minh Đức	7717 - 27/10/2017	7.863	6.204	850	5.354			53				53	703	703		703			2022-2023	
28	Lát vỉa hè, rãnh thoát nước và công chào thị xã Phố Yên (Đoạn từ đèn xanh đèn đỏ Nam Tiến - nút giao Yên Bình)	7500b - 27/10/2016	8.649	5.126		5.126			0				0	676	676		676			2022-2023	
29	Cải tạo hội trường, phụ trợ khuôn viên trụ sở Ủy ban nhân dân xã Thành Công	7632 - 01/07/2011	575	493		493			0				0	39	39		39			2022-2023	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó								
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã				NS tỉnh		NS huyện	NS xã					
30	Hạ tầng điểm dân cư nông thôn Tân Trung xã Đắc Sơn	11386 - 03/10/2011; 4053 - 04/6/2012; 11200b - 28/12/2012 - 2732 - 01/4/2014	3.003	2.426		2.426				0				254	254		254			2022-2023	
31	Cải tạo nhà hiệu bộ trường mầm non xã Nam Tiến	1062 - 26/02/2014	1.259	924		924			0				133	133		133			2022-2023		
32	Sửa chữa nhà hiệu bộ & hoàn thiện công trình phụ trợ Trường Tiểu học xã Thuận Thành	13458 - 03/12/2013	219	154		154			0				47	47		47			2022-2023		
33	Xây dựng nhà hiệu bộ 5 gian trường Tiểu học Thành Công I	2115 - 20/03/2012	746	647		647			0				37	37		37			2022-2023		
34	Hệ thống chiếu sáng đô thị thị trấn Bắc Sơn, thị xã Phổ Yên	3381b - 06/10/2015; 8703 - 16/12/2016	4.538	1.778		1.778			0				2.457	2.457		2.457			2022-2023		
35	Cải tạo nhà thi đấu Trung tâm Văn hóa - Thể thao thị xã Phổ Yên	4158 - 06/05/2014	432	333		333			0				97	97		97			2022-2023		
36	Nhà lớp học 1 phòng và nhà bếp trường mầm non Tiên Phong II	7504 - 08/08/2014	802	594		594			0				28	28		28			2022-2023		
37	Mở rộng khuôn viên thị ủy và xây dựng công trình phụ trợ, bãi đỗ xe	7336 - 25/10/2016	7.696	7.322		7.322			0				418	418		418			2022-2023		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022-2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú			
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
					NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó										
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã				NS tỉnh		NS huyện	NS xã							
38	Xây dựng 4 phòng chức năng thuộc khu trung tâm văn hóa xã Phúc Thuận	2643 - 17/5/2017	1.187	1.010		1.010				0			0			78	78		78			2022-2023	
39	Xây mới khu thể thao xã Phúc Thuận	2642 - 17/5/2017	2.183	1.850		1.850				0			0			116	116		116			2022-2023	
40	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng trường Tiểu học Vạn Phú 1	7577 - 31/10/2016	6.679	6.118		6.118				0			0			365	365		365			2022-2023	
41	Đài phun nước khu vực đền thờ liệt sỹ thị xã Phố Yên	7499b - 27/10/2016	6.715	6.003		6.003				0			0			562	562		562			2022-2023	
42	Hệ thống chiếu sáng đô thị đường Trần Khánh Dư (đường QL3 - cầu Bến Ván)	7575b - 31/10/2016	1.017	926		926				0			0			47	47		47			2022-2023	
43	Phụ trợ khuôn viên Ủy ban nhân dân xã Đắc Sơn thị xã Phố Yên	4098 - 28/3/2011	521	370		370				0			0			57	57		57			2022-2023	
44	Lát vỉa hè tuyến quốc lộ 3 cũ đoạn từ Km44+150 đến Km46+150	7377b - 05/8/2014	3.615	2.682		2.682				0			0			115	115		115			2022-2023	
45	Xây dựng NLH 02 phòng, bếp ăn, các hạng mục phụ trợ trường MN Minh Đức và Tiểu học Minh Đức (PT Chăm)	3053 - 23/9/2015	1.280	1.019		1.019				0			0			93	93		93			2022-2023	
46	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng trường Tiểu học Thành Công 1	4060 - 22/10/2015	4.268	3.476		3.476				0			0			539	539		539			2022-2023	
47	Nhà hiệu bộ 7 gian trường Mầm non Thành Công 1	3939 - 20/10/2015	969	790		790				0			0			118	118		118			2022-2023	
48	Nhà truyền thống thị xã Phố Yên	7161 - 29/7/2014 và 2017 - 26/8/2015	11.240	8.905		8.905				0			0			865	865		865			2022-2023	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó							
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã				NS tỉnh		NS huyện	NS xã				
49	Xây dựng nhà bảo vệ, xử lý chất thải bãi rác Đồng Hâm, xã Minh Đức	7503 - 08/8/2014	2.636	2.640		2.640				0				139	139		139		2022-2023	
50	Nhà lớp học và phụ trợ Trường Mầm non Thành Công 2 (PT Na Lang)	7462b - 08/08/2014	3.745	2.996		2.996				0				184	184		184		2022-2023	
51	Xây mới Trường Mầm non Hồng Tiến 1 - giai đoạn 1	3999 - 21/10/2015	14.682	150		150				0				259	259		259		2022-2023	
52	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường Mầm non Thành Công 2	4123 - 23/10/2015	5.362	4.649		4.649				0				874	874		874		2022-2023	
53	Đường bê tông xi măng xóm Cầu Dài đi Đồ Lương	7598 - 27/10/2017	741	509		509				0				172	172		172		2022-2023	
54	Đường bê tông xi măng nhà ông Hà (xóm Ao Sen) đi xã Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	7600 - 27/10/2017	1.995	1.703		1.703				0				137	137		137		2022-2023	
55	Đường bê tông xi măng xóm Xuân Hà 1 xã Thành Công đi xóm Chằm xã Minh Đức	7599 - 27/10/2017	1.738	1.364		1.364				0				239	239		239		2022-2023	
56	Xây dựng nhà hội trường đa năng, sân thể thao xã Thành Công	7715 - 27/10/2017	8.366	5.946	2.334	3.612				0				925	925		925		2022-2023	
57	Trung tâm văn hóa xã Tiên Phong	7716 - 27/10/2017	3.340	2.880		2.880				0				378	378		378		2022-2023	
58	Các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Hồng Tiến 1	5706 - 31/10/2018	1.067	780		780			170					35	35		35		2022-2023	
59	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Mầm non Trung Thành	1742 - 07/03/2012	3.329	2.991		2.991				0				22	22		22		2022-2023	
60	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng tuyến đường Trần Nhật Duật	6536 - 19/10/2020	1.057	0		0			800					121	121		121		2022-2023	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó							
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã				NS tỉnh		NS huyện	NS xã				
61	Lát vỉa hè đoạn từ Nam Tiến - Thuận Thành	7576 - 31/10/2016	39.314	29.018		29.018				700			700			1.893	1.893	1.893	2022-2023	
62	Xây dựng trường Tiểu học Phúc Tân điểm trường Long Hồ	7525 - 28/10/2016	2.753	2.570		2.570			0			0			317	317	317	2022-2023		
63	Đường từ trung tâm văn hóa xã Nam Tiến đi xóm Vàng xã Tân Hương	7917 - 27/10/2017	3.759	2.757		2.757			0			0			543	543	543	2022-2023		
64	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng trường Tiểu học Minh Đức	5550 - 30/10/2018	4.806	3.901		3.901			0			0			577	577	577	2022-2023		
65	Xây mới Trường Mầm non Đắc Sơn	7537 - 28/10/2016	10.634	8.770		8.770			0			0			1.389	1.389	1.389	2022-2023		
66	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường Tiểu học Ba Hàng	5711 - 31/10/2018	4.592	3.415		3.415			0			0			789	789	789	2022-2023		
67	Đường điện chiếu sáng từ cầu ông Đoán đi xóm Hồ, xã Minh Đức	5556 - 30/10/2018	723	420		420			15			15			210	210	210	2022-2023		
68	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng trường Mầm non Tân Hương	5612 - 30/10/2018	7.844	5.250		5.250			0			0			1.766	1.766	1.766	2022-2023		
69	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ĐT.261 đi TDP Thống Nhất, phường Bãi Bông (đoạn qua trường MN Hồng Tiến 1)	5565 - 30/10/2018	1.089	730		730			84			84			156	156	156	2022-2023		
70	Xây dựng rãnh thoát nước TDP Đại Cát, phường Đồng Tiến	5554 - 31/10/2018	442	251		251			0			0			90	90	90	2022-2023		
71	Các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Vạn Phái	5859 - 31/10/2019	4.041	3.200		3.200			58			58			494	494	494	2022-2023		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú			
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó										
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã				NS tỉnh		NS huyện	NS xã							
72	Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng Trường Tiểu học Bãi Bông	5886 - 31/10/2020	6.296	5.200		5.200				190			190			352	352		352			2022-2023	
73	Đường điện chiếu sáng khu vực trung tâm xã Vạn Phái	5583 - 30/10/2018	589	130		130				300			300			124	124		124			2022-2023	
74	Đường điện chiếu sáng khu vực trung tâm xã Thành Công	5584 - 30/10/2018	736	350		350				100			100			153	153		153			2022-2023	
75	Phụ trợ Trường Mầm non Tiên Phong 1	5924 - 31/10/2019	3.298	1.850		1.850				717			717			544	544		544			2022-2023	
76	Thoát nước mưa khu vực Nam Phố Yên	2263 - 13/10/2010	17.422	7.146		7.146				0						140	140		140			2022-2023	
77	Đường giao thông xóm Lò, xã Nam Tiến	3121b - 12/6/2019	295	74		74	74									61	61		61			2022-2023	
78	Đường giao thông xóm Đồi, xã Nam Tiến	3123b - 12/6/2019	348	87		87	87									71	71		71			2022-2023	
79	Đường giao thông nông thôn xóm Hộ Sơn, xã Nam Tiến, năm 2020	2416 - 06/5/2020	598	145		145	145									140	140		140			2022-2023	
80	Đường giao thông nông thôn xóm Đình, xã Nam Tiến, năm 2020	2419 - 06/5/2020	313	76		76	76									73	73		73			2022-2023	
81	Đường giao thông nông thôn xóm Hạ, xã Nam Tiến, năm 2020	2418 - 06/5/2020	198	48		48	48									46	46		46			2022-2023	
82	Đường giao thông nông thôn xóm Giữa, xã Nam Tiến, năm 2020	2417 - 06/5/2020	149	35		35	35									36	36		36			2022-2023	
83	Đường giao thông nông thôn xóm Chúa, xã Nam Tiến, năm 2020	2415 - 06/5/2020	660	161		161	161									154	154		154			2022-2023	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn năm 2021				Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)				Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú			
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				NSTW	Trong đó			Tổng số NSDP	Trong đó					
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã			NS tỉnh	NS huyện			NS xã			NS tỉnh	NS huyện	NS xã
84	Đường bê tông xi măng xóm Hoà Bình xã Tiên Phong	7884 - 27/10/2017	497	120		120	120	0					377	377		377		2022-2023			
85	Khắc phục một số đoạn kênh cấp II Núi cốc bị hư hỏng do mưa bão gây ra tại xã Tiên Phong	5117 - 25/9/2019	100	0		0							100	100		100		2022-2023			
86	Công trình sửa chữa công thoát nước thải và cầu tràn khu tái định cư Đồng Tâm phường Bãi Bông	3906 - 09/8/2018	164	0		0							164	164		164		2022-2023			
87	Công trình sửa chữa công thoát nước thải và cầu tràn khu tái định cư Đồng Tâm phường Bãi Bông	5435 - 24/10/2018	39	0		0							39	39		39		2022-2023			
88	Đường bê tông xi măng và rãnh thoát nước thải sinh hoạt TDP Sơn Trung phường Bắc Sơn	5573 - 30/10/2018; 5868 - 22/9/2020	837	300		300		300					537	537		537		2022-2023			
89	Đường giao thông nông thôn xóm Đầm Mương 15 xã Minh Đức	7691 - 27/10/2017	765	400		400	0	187	212				365	365		365		2022-2023			
90	Đường Giao thông xóm Tân Lập năm 2019	3158b - 16/6/2019	440	234		234	0	112	122				207	207		207		2022-2023			
91	Đường giao thông xóm Trại, xã Tân Hương, năm 2020	2457 - 07/5/2020	460	0		0							227	227		227		2022-2023			
92	Đường giao thông xóm Vàng, xã Tân Hương, năm 2020	2453 - 07/5/2020	406	0		0							201	201		201		2022-2023			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
					NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó								
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã				NS tỉnh		NS huyện	NS xã					
93	Đường giao thông xóm Thành Nam, xã Tân Hương, năm 2020	2454 - 07/5/2020	73	0			0							36	36		36			2022-2023	
94	Đường giao thông xóm Hương Trung, xã Tân Hương, năm 2020	2455 - 07/5/2020	64	16			16							15	15		15			2022-2023	
95	Đường giao thông nông thôn xóm Duyên Bắc, xã Tân Hương, năm 2020	2458 - 07/5/2020	371	91			91							93	93		93			2022-2023	
96	Đường giao thông nông thôn xóm Hương Đình, xã Tân Hương, năm 2020	2460 - 07/5/2020	269	67			67							87	87		87			2022-2023	
97	Đường giao thông nông thôn xóm Cầu Tiên, xã Tân Hương, năm 2020	2459 - 07/5/2020	274	67			67							72	72		72			2022-2023	
98	Đường giao thông nông thôn xóm Tân Long, xã Tân Hương, năm 2020	2456 - 07/5/2020	390	95			95							102	102		102			2022-2023	
99	Cải tạo, mở rộng tuyến đường từ Trạm y tế đến trường Tiểu học Tân Hương	5931 - 31/10/2019	1.173	500			500							591	591		591			2022-2023	
100	Cải tạo tường rào Trường Tiểu học Tân Hương (Khắc phục hậu quả thiên tai)	1928 - 13/4/2020	605	200			200							351	351		351			2022-2023	
101	Đường giao thông nông thôn xóm Đình- Tảo Dịch, xã Tân Phú năm 2020	2465 - 07/5/2020	200	48			48							57	57		57			2022-2023	
102	Đường giao thông nông thôn xóm Tân Thịnh, xã Tân Phú năm 2020	2462 - 07/5/2020	77	18			18							23	23		23			2022-2023	
103	Đường giao thông nông thôn xóm Thanh Vân, xã Tân Phú năm 2020	2466 - 07/5/2020	123	30			30							36	36		36			2022-2023	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn năm 2021				Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022-2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)				Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
					NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó						
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã				NS tỉnh		NS huyện	NS xã			
104	Đường giao thông nông thôn xóm Tiến Bó, xã Tân Phú năm 2020	2467 - 07/5/2020	56	13		13		13					17	17		17		2022-2023	
105	Đường giao thông nông thôn xóm Đình- Phú Cốc, xã Tân Phú năm 2020	2461 - 07/5/2020	131	30		30		30					32	32		32		2022-2023	
106	Đường giao thông nông thôn xóm Đông Lâm, xã Tân Phú năm 2020	2463 - 07/5/2020	92	22		22		22					21	21		21		2022-2023	
107	Đường giao thông nông thôn xóm Hương Đình, xã Tân Phú năm 2020	2464 - 07/5/2020	180	57		57		57					59	59		59		2022-2023	
108	Đường vào mô hình trang trại kinh tế kết hợp xóm Văn Trai	8616 - 31/12/2020	152	0		0		0					74	74		74		2022-2023	
109	Cải tạo, nâng cấp kênh dẫn nước Trạm bơm Ghềnh Trai, xã Tân Phú	5900 - 31/10/2019	167	0		0		0					146	146		146		2022-2023	
110	Cải tạo, nâng cấp kênh Trạm bơm Bến Cá, xã Tân Phú	7894 - 07/12/2020	1.167	500		500		500					566	566		566		2022-2023	
111	Đường bê tông xi măng xóm Hoà Bình xã Tiên Phong	7884 - 27/10/2017	497	228		228		228					149	149		149		2022-2023	
112	Khắc phục một số đoạn kênh cấp II Núi cốc bị hư hỏng do mưa bão gây ra tại xã Tiên Phong	5117 - 25/9/2019	100	100		100		100					0	0		0		2022-2023	
113	Đường bê tông xi măng giao thông nông thôn xóm Nguyễn Hậu xã Tiên Phong năm 2020	2422 - 06/5/2020	433	303		303		303					130	130		130		2022-2023	
114	Đường bê tông xi măng giao thông nông thôn xóm Thái Cao xã Tiên Phong	2420 - 06/5/2020	241	169		169		169					72	72		72		2022-2023	

CÔNG BÁO THÁI NGUYÊN/Số 52+53/Ngày 15-9-2021

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				Tổng số NSDP	Trong đó								
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã			NS tỉnh	NS huyện		NS xã					
115	Đường bê tông xi măng giao thông nông thôn xóm Kết Hợp xã Tiên Phong	2427 - 06/5/2020	197	138		138							59	59		59		2022-2023		
116	Đường bê tông xi măng giao thông nông thôn xóm Giã Thủ xã Tiên Phong	2424 - 06/5/2020	692	484		484							208	208		208		2022-2023		
117	Đường bê tông xi măng giao thông nông thôn xóm Định Thành xã Tiên Phong	2425 - 06/5/2020	155	109		109							47	47		47		2022-2023		
118	Đường bê tông xi măng giao thông nông thôn xóm Đại Tân xã Tiên Phong	2428 - 06/5/2020	117	82		82							35	35		35		2022-2023		
119	Đường bê tông xi măng giao thông nông thôn xóm Hoà Bình xã Tiên Phong	2423 - 06/5/2020	155	109		109							47	47		47		2022-2023		
120	Đường bê tông xi măng giao thông nông thôn xóm Quyết Tiến xã Tiên Phong	2426 - 06/5/2020	101	71		71							30	30		30		2022-2023		
121	Đường bê tông xi măng giao thông nông thôn xóm Hoà Bình xã Tiên Phong	2421 - 06/5/2020	187	131		131							56	56		56		2022-2023		
122	Đường giao thông nông thôn xóm Sim Lông ( từ cầu Ba Cây - Trạm điện) xã Phúc Thuận năm 2020	2414 - 06/5/2020	451	110		110							206	206		206		2022-2023		
123	Đường giao thông nông thôn xóm Phúc Tài (Từ ông Minh - Nghĩa địa) xã Phúc Thuận năm 2020	2413 - 06/5/2020	132	31		31							61	61		61		2022-2023		
124	Đường giao thông nông thôn xóm Hạ, xã Phúc Thuận năm 2020	2389 - 06/5/2020	738	179		179							338	338		338		2022-2023		
125	Đường giao thông xóm Tân Ấp 1, xã Phúc Thuận	3132b - 12/6/2019	431	108		108							193	193		193		2022-2023		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				NSTW	Trong đó			Tổng số NSDP	Trong đó					
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã			NS tỉnh	NS huyện			NS xã	NS tỉnh	NS huyện			NS xã
126	Đường giao thông xóm Đức Phú, xã Phúc Thuận	5907 - 31/10/2019	136	35		35		35					60	60		60		2022-2023			
127	Đường giao thông nông thôn xóm Nhe, xã Thành Công năm 2020	7075 - 03/11/2020	495	124		124		124					223	223		223		2022-2023			
128	Đường giao thông nông thôn xóm Thương Vụ 1, xã Thành Công năm 2020	7074 - 3/11/2020	267	67		67		67					120	120		120		2022-2023			
129	Đường giao thông nông thôn xóm Đát, xã Thành Công năm 2020	7073 - 03/11/2020	191	47		47		47					87	87		87		2022-2023			
130	Đường giao thông nông thôn xóm Tom 1 (Từ nhà ông Cát - nhà ông Chung) xã Thành Công năm 2020	7076 - 03/11/2020	188	46		46		46					86	86		86		2022-2023			
131	Đường giao thông nông thôn xóm Bia, xã Thành Công năm 2020	7071 - 03/11/2020	300	74		74		74					136	136		136		2022-2023			
132	Đường giao thông nông thôn xóm An Thịnh, xã Thành Công năm 2020	7072 - 03/11/2020	310	77		77		77					140	140		140		2022-2023			
133	Đường giao thông nông thôn xóm Làng Đanh xã Thành Công năm 2020 (Từ đường trục xã đi nhà ông Lức)	7078 - 03/11/2020	150	37		37		37					69	69		69		2022-2023			
134	Đường giao thông xóm Xuân Hà 3, xã Thành Công	5894 - 31/10/2019	225	57		57		57					101	101		101		2022-2023			
135	Đường giao thông xóm Xuân Dương, xã Thành Công	5891 - 31/10/2019	274	69		69		69					123	123		123		2022-2023			
136	Đường giao thông xóm Xuân Hà 4, xã Thành Công	5895 - 31/10/2019	192	46		46		46					89	89		89		2022-2023			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn năm 2021				Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)				Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú			
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				NSTW	Trong đó			Tổng số NSDP	Trong đó					
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã			NS tỉnh	NS huyện			NS xã			NS tỉnh	NS huyện	NS xã
137	Đường bê tông xi măng xóm Nông Vụ 4+5 xã Vạn Phái năm 2020	2387 - 06/5/2020	478	233		233		233					162	162		162		2022-2023			
138	Đường bê tông xi măng xóm Tân Cương xã Vạn Phái năm 2020	2383 - 06/5/2020	273	133		133		133					93	93		93		2022-2023			
139	Đường bê tông xi măng xóm Hạ Vụ 3 xã Vạn Phái năm 2020	2384 - 06/5/2020	335	150		150		150					113	113		113		2022-2023			
140	Đường bê tông xi măng thôn Cơ Phi xã Vạn Phái năm 2020	2386 - 06/5/2020	686	334		334		334					227	227		227		2022-2023			
141	Đường bê tông xi măng xóm Hạ Vụ 2 xã Vạn Phái năm 2020	2385 - 06/5/2020	472	229		229		229					161	161		161		2022-2023			
142	Cải tạo, nâng cấp đường bê tông xi măng thôn Cơ Phi xã Vạn Phái năm 2020	8230 - 25/12/2020	1.010	0		0		0					578	578		578		2022-2023			
143	Cải tạo sửa chữa các hạng mục phụ trợ Trạm y tế xã Vạn Phái	7620 - 27/10/2017	337	0		0		0					320	320		320		2022-2023			
144	Đường giao thông nông thôn xóm Thống Hạ xã Đắc Sơn, năm 2020	2402 - 06/5/2020	1.073	165		165		165					479	479		479		2022-2023			
145	Đường giao thông nông thôn xóm Tân Lập xã Đắc Sơn, năm 2020	2401 - 06/5/2020	124	51		51		51					23	23		23		2022-2023			
146	Đường giao thông nông thôn xóm Đai 1 (từ QL 3 - nhà ông Thúc) xã Đắc Sơn, năm 2020	7079 - 03/11/2020	487	281		281		281					11	11		11		2022-2023			
147	Đường giao thông nông thôn xóm Đai 2 (Từ trục xã - Miếu làng) xã Đắc Sơn, năm 2020	7896 - 07/12/2020	302	73		73		73					108	108		108		2022-2023			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó							
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã				NS tỉnh		NS huyện	NS xã				
148	Đường giao thông nông thôn xóm Ba Xã xã Đắc Sơn, năm 2020	7080 - 03/11/2020	1.079	231		231		231					416	416		416		2022-2023		
149	Đường giao thông nông thôn xóm Đập 1 xã Đắc Sơn, năm 2020	7902 - 07/12/2020	201	85		85		85					36	36		36		2022-2023		
150	Đường giao thông nông thôn xóm Đập 3 xã Đắc Sơn, năm 2020	7903 - 07/12/2020	201	85		85		85					36	36		36		2022-2023		
151	Đường giao thông nông thôn xóm Dương xã Đắc Sơn, năm 2020	2400 - 06/5/2020	246	101		101		101					46	46		46		2022-2023		
152	Đường giao thông nông thôn xóm Đám 2 xã Đắc Sơn, năm 2020	7901 - 07/12/2020	1.243	358		358		358					388	388		388		2022-2023		
153	Đường giao thông nông thôn xóm An Phong xã Đông Cao	7534 - 23/11/2020	653	164		164		164					261	261		261		2022-2023		
154	Đường giao thông nông thôn xóm Soi Trại xã Đông Cao	7535- 23/11/2020	204	50		50		50					82	82		82		2022-2023		
155	Đường giao thông nông thôn xóm Độc xã Đông Cao	7536 - 23/11/2020	135	33		33		33					54	54		54		2022-2023		
156	Đường giao thông nông thôn xóm Đình xã Đông Cao	7000 - 30/10/2020	242	50		50		50					97	97		97		2022-2023		
157	Đường giao thông nông thôn xóm Rùa xã Đông Cao	7533 - 23/11/2020	598	150		150		150					239	239		239		2022-2023		
158	Đường giao thông nông thôn xóm Việt Cường xã Đông Cao	7001 - 30/10/2020	173	43		43		43					69	69		69		2022-2023		
159	Đường giao thông nông thôn xóm Sân xã Đông Cao	2475 - 07/5/2020	192	47		47		47					77	77		77		2022-2023		

CÔNG BÁO THÁI NGUYÊN/Số 52+53/Ngày 15-9-2021

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn năm 2021				Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)				Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó						
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã				NS tỉnh		NS huyện	NS xã			
160	Đường giao thông nông thôn xóm 12 xã Minh Đức năm 2020	2431 - 06/5/2020	423	0		0							189	189		189		2022-2023	
161	Đường giao thông nông thôn xóm 14 xã Minh Đức năm 2020	2432 - 06/5/2020	312	0		0							144	144		144		2022-2023	
162	Đường giao thông nông thôn xóm Châm 7B ( từ ông Thường - ông Bích) xã Minh Đức năm 2020	2443 - 07/5/2020	273	0		0							126	126		126		2022-2023	
163	Đường giao thông nông thôn xóm 13 xã Minh Đức năm 2020	2430 - 06/5/2020	94	0		0							45	45		45		2022-2023	
164	Đường giao thông nông thôn xóm Tân Lập ( từ ông Chiến - đồng 165)	2429 - 06/5/2020	234	0		0							108	108		108		2022-2023	
165	Đường giao thông nông thôn xóm Hồ 2 xã Minh Đức năm 2020	8770 - 31/12/2020	113	0		0							51	51		51		2022-2023	
166	Đường vào mô hình chăn nuôi trang trại tổng hợp xóm Hồ 2	8618 - 31/12/2020	300	0		0							135	135		135		2022-2023	
167	Đường giao thông nông thôn xóm Lầy 5 xã Minh Đức năm 2020	2445 - 07/5/2020	312	0		0							143	143		143		2022-2023	
168	Đường giao thông nông thôn xóm Đậu 8A xã Minh Đức năm 2020	8769 - 31/12/2020	113	0		0							51	51		51		2022-2023	
169	Đường giao thông nông thôn xóm Thuận Đức năm 2020	2444 - 07/5/2020	55	0		0							26	26		26		2022-2023	
170	Đường giao thông nông thôn xóm Hồ 1 xã Minh Đức năm 2020	2912 - 19/4/2020	113	0		0							52	52		52		2022-2023	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú		
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:									
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó			NSTW	Tổng số NSDP		Trong đó			Tổng số NSDP	Trong đó					
							NS tỉnh		NS huyện				NS xã	NS tỉnh	NS huyện		NS xã	NS tỉnh			NS huyện	NS xã
c	Các công trình dở dang chuyển tiếp sang năm 2021		280.305	141.202	0	141.202	63.364	77.838	0	65.559	0	0	65.559	0	39.414	39.414	0	39.414	0			
1	Đường từ ngã 3 chợ Phố Yên đi khu dân cư VIF	3006b - 31/3/2016; 4711 - 16/7/2020	91.041	56.627		56.627	39.173	17.454		21.917			21.917		4.456	4.456		4.456		2023		
2	Đường từ Đền thờ liệt sỹ Phố Yên đi đường sắt Hà Thái	2724 - 23/5/2017	14.990	6.866		6.866	6.866	0		5.000			5.000		1.640	1.640		1.640		2023		
3	Đường từ Quốc lộ 3 cũ đi xóm Âm, xã Hồng Tiến	8054b - 31/10/2017; 2819 - 20/5/2020	41.167	23.029		23.029	17.325	5.704		7.000			7.000		3.559	3.559		3.559		2023		
4	Lát vỉa hè, cây xanh, rãnh thoát nước tuyến đường từ QL3 vào Ủy ban nhân dân xã Tân Hương	7618 - 27/10/2017	14.918	8.682		8.682	8.682			320			320		710	710		710		2023		
5	Xây dựng vỉa hè và rãnh thoát nước tuyến đường tỉnh 261 đoạn từ Km38+800 đến Km40+590	7574 - 27/10/2016	13.382	2.658		2.658	2.658			6.040			6.040		3.346	3.346		3.346		2023		
6	Đường trục xã tuyến đường Trần Quang Khải	9377 - 30/12/2016	10.840	6.281		6.281	6.281			0			0		3.475	3.475		3.475		2023		
7	Cải tạo nâng cấp mở rộng nghĩa trang liệt sỹ thị xã Phố Yên	7313 - 13/10/2017	27.256	19.560		19.560	19.560			0			0		4.970	4.970		4.970		2023		
8	Nhà lớp học 10 phòng trường Tiểu học Thành Công 3	7773 - 28/12/2018	4.739	1.814		1.814	1.814			1.511			1.511		941	941		941		2023		
9	Nâng cấp, cải tạo cống Chéo xã Đông Cao, thị xã Phố Yên	7775 - 28/12/2018	3.110	1.698		1.698	1.698			0			0		1.101	1.101		1.101		2023		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó				Tổng số NSDP	Trong đó									
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã			NS tỉnh	NS huyện		NS xã						
10	Nâng cấp, cải tạo cầu Đồi Cao xã Tân Hương, thị xã Phổ Yên	7774 - 28/12/2018	4.000	1.802		1.802				0				1.798	1.798		1.798		2023		
11	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng tuyến đường Trần Quang Khải	7527 - 27/10/2018	956	0		0			738				738	123	123		123		2023		
12	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường Mầm non Tân Phú	5923 - 29/10/2020	8.226	1.600		1.600			4.433				4.433	1.370	1.370		1.370		2023		
13	Xây mới trường Mầm non Hồng Tiến 1 (giai đoạn 2)	5912 - 31/10/2019; 5310 - 26/8/2020	10.060	2.382		2.382			4.000				4.000	2.672	2.672		2.672		2023		
14	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ đường DT.261 đi Đèo Nhồn	5581 - 30/10/2018	10.964	5.430		5.430			3.600				3.600	837	837		837		2023		
15	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Long Thành đi Hồ Suối Lạnh xã Thành Công	5928 - 31/10/2019	14.531	500		500			6.000				6.000	6.578	6.578		6.578		2023		
16	Xây dựng vỉa hè và rãnh thoát nước tuyến đường tỉnh 261 đoạn từ ngã tư Phổ Yên đến Cầu Rèo	7572b - 31/10/2016	10.124	2.274		2.274			5.000				5.000	1.837	1.837		1.837		2023		
<b>II.</b>	<b>DỰ ÁN QUY HOẠCH</b>		<b>19.085</b>	<b>7.931</b>	<b>0</b>	<b>7.931</b>	<b>0</b>	<b>7.931</b>	<b>0</b>	<b>5.557</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>5.557</b>	<b>0</b>	<b>3.576</b>	<b>3.576</b>	<b>0</b>	<b>3.576</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<i>1</i>	<i>Các dự án quy hoạch hoàn thành chưa quyết toán</i>		<i>5.589</i>	<i>3.080</i>	<i>0</i>	<i>3.080</i>	<i>0</i>	<i>3.080</i>	<i>0</i>	<i>757</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>757</i>	<i>0</i>	<i>1.754</i>	<i>1.754</i>	<i>0</i>	<i>1.754</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	
1	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Việt Hán, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	6868 - 28/12/2018	593	390		390			151				151	53	53		53		2021-2022		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch vốn năm 2021					Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2022 -2025 (kéo dài so với thời gian bố trí kế hoạch vốn)					Cam kết thời gian bố trí KH vốn hoàn thành dứt điểm dự án (năm)	Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Tổng số NSDP	Trong đó			NSTW	Tổng số NSDP		Trong đó								
							NS tỉnh		NS huyện				NS xã	NS tỉnh	NS huyện	NS xã					
2	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đô thị xanh Phố Yên	3976 - 25/7/2019	1.007	660		660		660		161			161		186	186		186		2021-2022	
3	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Điểm dân cư nông thôn Âm Diên xã Hồng Tiến	3162 - 14/6/2019	321	200		200		200		65			65		56	56		56		2021-2022	
4	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đô thị Sơn Duyên	3864 - 17/7/2019	536	430		430		430		109			109		0	0				2021-2022	
5	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đô thị City Home xã Tân Hương	1929 - 13/4/2020	2.201	900		900		900		116			116		1.185	1.185		1.185		2021-2022	
6	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư An Sinh Phú I	5258 - 21/8/2020	931	500		500		500		156			156		275	275		275		2021-2022	
2	<i>Các dự án quy hoạch chuyển tiếp</i>		<i>13.496</i>	<i>4.851</i>	<i>0</i>	<i>4.851</i>	<i>0</i>	<i>4.851</i>	<i>0</i>	<i>4.800</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>4.800</i>	<i>0</i>	1.821	1.821	<i>0</i>	<i>1.821</i>	<i>0</i>		
1	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 khu chức năng đô thị phía Bắc Phố Yên, thị xã Phố Yên	5838 - 22/9/2020	8.791	3.200		3.200		3.200		3.000			3.000		1.272	1.272		1.272		2021-2022	
2	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 khu chức năng đô thị phía Nam Phố Yên, thị xã Phố Yên	5839 - 22/9/2020	4.705	1.651		1.651		1.651		1.800			1.800		549	549		549		2021-2022	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 140/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 8 năm 2021

## **NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án xây dựng hạ tầng  
Khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN  
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17  
tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của  
Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của  
Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Văn bản số 132/TTg-CN ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng  
Chính phủ về Đề án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển các khu công nghiệp  
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;*

*Xét Tờ trình số 128/TTr-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị thông qua Báo cáo nghiên cứu  
tiền khả thi Dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2;  
Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh;  
ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2, cụ thể như sau:

1. Mục tiêu đầu tư

Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2 đồng bộ, hiện đại nhằm thu hút các nhà đầu tư vào địa bàn, thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ cao của tỉnh Thái Nguyên, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Phát huy nội lực, tăng cường hợp tác đầu tư, tiếp tục đổi mới, tạo điều kiện đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành công nghiệp; góp phần giải quyết việc làm cho người lao động trong và ngoài tỉnh, tăng nguồn thu cho ngân sách, tạo động lực tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội.

2. Quy mô đầu tư

Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ Khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2 với quy mô 300 ha tại xã Bá Xuyên, xã Tân Quang, thành phố Sông Công và các dự án thành phần phục vụ công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư cho khu công nghiệp, cụ thể:

- Hoàn trả hạ tầng bị ảnh hưởng do xây dựng Dự án Khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2, bao gồm: Xây dựng hoàn trả tuyến đường Nguyễn Văn Cừ kéo dài (chiều dài 1,9 km), hoàn trả đường vào nghĩa trang (chiều dài 0,7 km) và xây dựng nghĩa trang hoàn trả (3 ha).

- Xây dựng Khu tái định cư Tân Tiến mở rộng phục vụ Khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2 (dự kiến quy mô diện tích đất cần sử dụng 20 ha) tại xã Tân Quang, thành phố Sông Công.

- Xây dựng Khu tái định cư Bá Xuyên phục vụ Khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2 (dự kiến quy mô diện tích cần sử dụng 36,9 ha) thuộc xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công.

3. Nhóm dự án: Nhóm A.

4. Dự kiến tổng mức đầu tư: 3.798.063 triệu đồng.

5. Cơ cấu nguồn vốn: Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác (*Nguồn thu tiền thuê đất nộp một lần 50 năm của các nhà đầu tư trong Khu công nghiệp Sông Công II; nguồn thu tiền sử dụng đất tái định cư*).

6. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Bá Xuyên, xã Tân Quang, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021 - 2026.

8. Tiến độ thực hiện dự án

- Năm 2021 - 2022: Chuẩn bị dự án.

- Năm 2022 - 2025: Hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt dự án và triển khai thực hiện theo đúng quy định.

- Năm 2025 - 2026: Nghiệm thu, bàn giao dự án đưa vào sử dụng.

### **Điều 2.** Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan có liên quan hoàn thành Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư dự án theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật liên quan.

### **Điều 3.** Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2021./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Hoàng Sơn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 141/NQ-HĐND

*Thái Nguyên, ngày 12 tháng 8 năm 2021*

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về việc bãi bỏ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2016  
và Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2017  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm  
2020;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của  
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo  
phương thức đối tác công tư;*

*Xét Tờ trình số 156/TTr-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc bãi bỏ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 12  
tháng 8 năm 2016 và Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2017  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế -  
ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng  
nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Bãi bỏ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2016  
và Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng nhân dân  
tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

1. Bãi bỏ Nghị quyết số 17/NĐ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2016 của  
Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chủ trương đề xuất Dự án xây dựng cấp bách

hệ thống chống lũ lụt sông Cầu kết hợp hoàn thiện hạ tầng đô thị hai bên bờ sông Cầu, tỉnh Thái Nguyên, kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2016.

2. Bãi bỏ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chủ trương đề xuất chuyển Dự án thành Đề án xây dựng cấp bách hệ thống chống lũ lụt sông Cầu kết hợp hoàn thiện hạ tầng đô thị hai bên bờ sông Cầu, tỉnh Thái Nguyên gồm 09 dự án thành phần, kể từ ngày 27 tháng 10 năm 2017.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan có liên quan hoàn thiện các thủ tục, hồ sơ và giải quyết những tồn tại, vướng mắc của các dự án theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh tỉnh Thái Nguyên khóa XIV, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2021./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Hoàng Sơn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 142/NQ - HĐND

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 8 năm 2021

## **NGHỊ QUYẾT**

**Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng  
sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Thái Nguyên;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;*

*Xét Tờ trình số 157/TTr-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị thông qua quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với 119,28 ha rừng sản xuất là rừng trồng để thực hiện 13 dự án, cụ thể như sau:

1. Chuyển mục đích sử dụng 86,91 ha rừng sản xuất để thực hiện 09 dự án đang đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư.

*(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)*

2. Chuyển mục đích sử dụng 32,37 ha rừng sản xuất để thực hiện 04 dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng chưa xác định diện tích rừng được chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

*(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)*

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2021./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Hoàng Sơn**

**Phụ lục I**  
**CÁC DỰ ÁN ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ**  
**DỤNG RỪNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 142/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

TT	Tên dự án đề xuất, địa điểm thực hiện	Diện tích, vị trí có rừng chuyên mục đích sử dụng theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng				
		Tổng diện tích (ha)	Lô	Khoảnh	Tiểu khu	Loại rừng
1	Dự án Khu đô thị sinh thái và thể thao Glory tại xã Thành Công, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	46,80	3	3	233	Rừng sản xuất (cây keo, bạch đàn)
			1	7		
2	Dự án Khu dân cư mới Hồ Thỏ Hồng, xã Tân Thái, huyện Đại Từ	7,49	1	12	152	Rừng sản xuất (cây keo)
			2, 3	15		
3	Dự án Đầu tư xây dựng nghĩa trang Vĩnh Hằng, thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	7,49	1	1	144	Rừng sản xuất (cây keo, bạch đàn)
			1	4		
4	Dự án Khu đô thị số 1 đường Lê Hồng Phong, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	0,23	3	5	222A	Rừng sản xuất (cây keo)
5	Dự án khai thác mỏ đất san lấp xóm Nhân Hòa, Làng Mon, Đức Hòa, xã Thịnh Đức và tổ 16, tổ 12, phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	5,81	3	6	215	Rừng sản xuất (cây keo)
			10	7		

TT	Tên dự án đề xuất, địa điểm thực hiện	Diện tích, vị trí có rừng chuyển mục đích sử dụng theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng				
		Tổng diện tích (ha)	Lô	Khoảnh	Tiểu khu	Loại rừng
6	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác đất làm vật liệu san lấp tại khu vực đồi Ông Đoán và đồi Quần Ngựa, xã Minh Đức, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	9,03	3	2	230	Rừng sản xuất (cây keo, Bạch đàn tái sinh)
7	Dự án đường kết nối ĐT. 265 (Xã Bình Long, huyện Võ Nhai đi Bắc Giang)	5,77	3	6	121	Rừng sản xuất (cây keo)
			1	9		
			2	16	120	
			2	18B		
8	Dự án đường vành đai I (Đoạn Bờ Đậu, Phú Lương - Hóa Thượng, Đồng Hỷ) và tuyến tránh đô thị Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ	3,54	3	6	67	Rừng sản xuất (cây keo)
			4, 5	5		
			3	3	68	
			2	8	183	
			7	5	191	
9	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường gom bên trái cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên, đoạn từ nút giao Sông Công đến nút giao Tân Lập	0,75	1	3	222D	Rừng sản xuất (cây keo)
			2	7	215	
<b>Tổng cộng</b>		<b>86,91</b>				

**Phụ lục II**  
**CÁC DỰ ÁN ĐÃ CÓ QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ**  
**CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 142/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021*  
*của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

TT	Tên dự án, địa điểm thực hiện	Diện tích, vị trí có rừng chuyển mục đích sử dụng theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng				Loại rừng
		Tổng diện tích (ha)	Lô	Khoảnh	Tiểu khu	
1	Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Sơn Cầm 2, xã Sơn Cầm, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	3,26	3	3	68	Rừng sản xuất (cây keo)
			1	4		
2	Dự án Khu tái định cư xóm Trạng, xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình	3,01	2, 3	1	255	Rừng sản xuất (cây keo, bạch đàn)
3	Dự án khai thác mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực xóm 4, xã Phúc Thuận, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	7,21	1	2	224	Rừng sản xuất (cây keo)
4	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ thiếc gốc tiểu khu phía Nam, Khu Tây Núi Pháo xã Hà Thượng, xã Tân Thái và xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	18,89	1	4	145	Rừng sản xuất (cây keo, bạch đàn, mỡ)
			1	5		
			1, 2	7	144	
			1, 3	1	152	
<b>Tổng cộng</b>		<b>32,37</b>				

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 143/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 8 năm 2021

## **NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững  
tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;  
Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008; Văn bản hợp nhất số 32/BVHN-VPQH ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Văn phòng Quốc hội về Luật Đa dạng sinh học;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025”;*

*Xét Tờ trình số 138/TTr-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị thông qua Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

*(Có tóm tắt Chương trình kèm theo)*

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật, định kỳ hằng năm báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2021./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Hoàng Sơn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **TÓM TẮT CHƯƠNG TRÌNH**

### **Phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 143/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

#### **I. Mục tiêu**

##### **1. Mục tiêu chung**

Quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng và đất quy hoạch cho lâm nghiệp; nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế - xã hội, môi trường của từng loại rừng; bảo vệ môi trường sinh thái, an ninh nguồn nước, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu; nâng cao giá trị rừng sản xuất trên đơn vị diện tích, hình thành các chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ lâm sản, tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện sinh kế cho người dân làm nghề rừng, gắn với xây dựng nông thôn mới; đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

##### **2. Mục tiêu cụ thể**

###### **2.1. Về môi trường**

Bảo vệ, phát triển bền vững diện tích các loại rừng theo quy hoạch; ổn định tỷ lệ che phủ rừng từ 46% trở lên, đáp ứng mục tiêu điều hoà khí hậu, giảm ô nhiễm môi trường, suy thoái đất đai, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai; bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học, kết hợp du lịch sinh thái; 100% diện tích rừng giao cho các tổ chức được quản lý bền vững.

###### **2.2. Về kinh tế**

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp bình quân đạt từ 5,5%/năm trở lên.

- Quản lý và nâng cao chất lượng rừng tự nhiên, năng suất và hiệu quả rừng trồng, đến năm 2025, giá trị sản phẩm gỗ lớn trên một chu kỳ sản xuất đối với cây sinh trưởng nhanh là 225 triệu đồng/ha/chu kỳ; đối với cây sinh trưởng chậm là 430 triệu đồng/ha/chu kỳ; giá trị sản phẩm gỗ nhỏ là 75 triệu đồng/ha/chu kỳ; giá trị sản phẩm thu được trên 1 chu kỳ sản xuất Quế đạt 425

triệu đồng/ha/chu kỳ (10 năm). Đến năm 2030 giá trị thu nhập trên 1 ha từ rừng sản xuất tăng 2 lần so với năm 2020.

### **2.3. Về xã hội**

Tạo việc làm, ổn định sinh kế người dân làm nghề rừng nhất là người dân tộc thiểu số; nâng cao nhận thức về quản lý rừng bền vững; hệ thống cơ sở, hạ tầng và dịch vụ trong lâm nghiệp cơ bản được hoàn thiện; góp phần bảo vệ, duy trì, phát huy các giá trị lịch sử, văn hoá truyền thống của các dân tộc ở miền núi gắn với xây dựng nông thôn mới.

## **II. Nội dung**

### **1. Công tác quản lý, bảo vệ rừng**

Rà soát, hoàn thiện quy hoạch lâm nghiệp sát với điều kiện thực tế, tiêu chí 3 loại rừng, đảm bảo hài hòa giữa quản lý bảo vệ rừng với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; thống nhất với quy hoạch sử dụng đất để đưa vào quy hoạch tỉnh, tích hợp vào quy hoạch lâm nghiệp quốc gia.

Tiếp tục thực hiện giao đất, giao rừng tập trung đối với diện tích do các Công ty nông lâm nghiệp trả ra, diện tích do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý để giao cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.

Quản lý, bảo vệ có hiệu quả diện tích rừng theo quy hoạch; triển khai cắm mốc phân định ranh giới rừng nhất là rừng đặc dụng; quản lý việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo đúng quy định của pháp luật; tăng cường công tác kiểm tra, truy quét, phòng chống cháy rừng, nhằm ngăn chặn, kịp thời xử lý các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp; thực hiện chuyên đối số trong lâm nghiệp; đầu tư trang thiết bị, hạ tầng cơ sở thiết yếu phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng.

Đẩy mạnh gắn kết giữa bảo tồn và phát triển với sự tham gia tích cực của các bên liên quan trong quản lý rừng, xây dựng các mô hình gắn kết cộng đồng địa phương tham gia vào công tác quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; triển khai thực hiện cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững cho các chủ rừng; thực hiện tốt chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Thực hiện khoanh nuôi tái sinh 3.000 ha, trong đó: Khoanh nuôi tái sinh trồng bổ sung 850 ha bằng cây bản địa, gỗ lớn trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; khoanh nuôi tái sinh tự nhiên 2.150 ha. Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng trên 203.300 lượt ha.

### **2. Công tác phát triển rừng**

Tập trung nâng cao chất lượng rừng và hiệu quả kinh tế rừng theo chức năng của từng loại rừng, cụ thể:

- Rừng đặc dụng: Bảo tồn có hiệu quả các hệ sinh thái rừng, giảm thiểu tối đa sự suy giảm đa dạng sinh học tại khu rừng đặc dụng Thần Sa - Phương Hoàng; nâng cao chất lượng rừng góp phần bảo vệ cảnh quan và giá trị lịch sử gắn với các hoạt động văn hoá du lịch tại khu rừng đặc dụng ATK Định Hóa. Thực hiện

hỗ trợ cộng đồng dân cư vùng đệm khu rừng đặc dụng. Trồng bổ sung 150 ha bằng cây bản địa gắn với trồng cây dược liệu dưới tán rừng.

- Rừng phòng hộ: Trồng 1.850 ha. Đối với diện tích do các tổ chức quản lý trồng thay thế loài cây mọc nhanh bằng loài cây bản địa, cây đa tác dụng có giá trị đảm bảo chức năng phòng hộ, chống xói mòn, hạn chế thiên tai, điều hòa khí hậu, bảo vệ môi trường. Diện tích rừng phòng hộ do cộng đồng dân cư, người dân quản lý khuyến khích trồng cây bản địa kết hợp trồng cây dược liệu và lâm sản ngoài gỗ.

- Rừng sản xuất: Trồng 18.000 ha (trồng rừng gỗ lớn 2.000 ha, trồng quế 3.800 ha; trồng rừng gỗ nhỏ 12.200 ha); trồng cây phân tán 5 triệu cây. Tập trung việc nâng cao năng suất, chất lượng, ưu tiên trồng rừng gỗ lớn gắn với cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững. Hình thành các khu vực trồng cây đặc sản, cây dược liệu thân gỗ theo hướng hữu cơ. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh, thâm canh rừng trồng, phân đầu tăng trưởng bình quân hằng năm trung bình đạt 15 - 20 m<sup>3</sup>/ha/năm, năng suất rừng trồng bình quân đến khi khai thác đạt 100 - 150 m<sup>3</sup>/ha/chu kỳ. Trong đó:

Hình thành vùng trồng Quế tập trung; xây dựng một số mô hình sản xuất, chế biến Quế đạt tiêu chuẩn hữu cơ. Phát triển cây dược liệu dưới tán rừng để tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.

Phát triển rừng gỗ lớn gắn với quản lý rừng bền vững, diện tích rừng được cấp chứng chỉ rừng bền vững đến năm 2025 đạt 10% tổng diện tích rừng trồng sản xuất, đến năm 2030 đạt 30%.

Thực hiện chuyển hóa 5.000 ha rừng trồng kinh doanh gỗ nhỏ sang rừng trồng kinh doanh gỗ lớn.

Diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững 1.400 ha.

Tổ chức triển khai thực hiện tốt Đề án “*Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025*”.

### **3. Chế biến và tiêu thụ lâm sản**

Phát triển công nghiệp chế biến lâm sản gắn với quá trình cơ cấu lại ngành lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững.

Thực hiện chính sách thu hút đầu tư, khuyến khích các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến trong chế biến lâm sản; giảm cơ sở chế biến quy mô nhỏ, thủ công; giảm tỷ lệ sản phẩm chế biến thô, sản phẩm chế biến từ nguyên liệu gỗ nhỏ.

Thực hiện liên kết sản xuất chế biến gỗ theo chuỗi giá trị, thành lập các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác tạo các vùng nguyên liệu tập trung

cung cấp cho các nhà máy chế biến trên địa bàn tỉnh. Thu hút đầu tư xây dựng nhà máy chế biến sản phẩm Quế với công suất khoảng 30.000 tấn sản phẩm/năm.

#### **4. Xây dựng cơ sở hạ tầng lâm nghiệp**

Tiếp tục hoàn thiện kết cấu hạ tầng lâm nghiệp thiết yếu, đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

#### **5. Danh mục các dự án ưu tiên**

Dự án bảo vệ và phát triển rừng sản xuất, phòng hộ, đặc dụng và nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025.

Dự án phục hồi và quản lý rừng bền vững tại miền Trung và miền Bắc Việt Nam (gọi tắt là Dự án KfW9.2) tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 - 2028.

Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý rừng và cấm mồi rừng tỉnh Thái Nguyên.

### **III. Giải pháp thực hiện**

#### **1. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về lâm nghiệp**

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền địa phương trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về cơ chế, chính sách phát triển lâm nghiệp; nâng cao nhận thức trong việc tham gia quản lý, bảo vệ phát triển rừng bền vững.

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện chuyên mục đích sử dụng rừng và đất lâm nghiệp, trồng rừng thay thế; nâng cao năng lực thực thi pháp luật, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp.

Phát triển lâm nghiệp gắn với việc thực hiện hiệu quả Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

#### **2. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật**

Tăng cường nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng tiến bộ, khoa học công nghệ, công nghệ thông tin trong tất cả các khâu của chuỗi giá trị ngành lâm nghiệp. Đảm bảo cung cấp đủ giống có chất lượng cao, từng bước nâng cao hiệu quả trồng rừng.

Tăng cường công tác khuyến lâm, hướng dẫn người dân áp dụng có hiệu quả các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất lâm nghiệp.

#### **3. Liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ lâm sản**

Đẩy mạnh thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ các Hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp liên kết sản xuất tiêu thụ theo chuỗi giá trị, phát huy vai trò của doanh nghiệp làm động lực trong sản xuất, chế biến, bao tiêu sản phẩm.

Phát triển công nghiệp chế biến lâm sản theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững và hội nhập kinh tế quốc tế.

Phát triển đồng bộ các khâu của chuỗi giá trị lâm sản gắn phát triển các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung theo nhu cầu và khả năng tiêu thụ của thị trường.

#### **4. Giải pháp về cơ chế chính sách**

Thực hiện tốt các chính sách của Trung ương và địa phương đầu tư cho công tác bảo vệ và phát triển rừng.

Huy động tối đa các nguồn lực, đa dạng nguồn vốn; đẩy mạnh các nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng, du lịch sinh thái, trồng rừng thay thế, phấn đấu tham gia vào thị trường Carbon Quốc tế... để tăng thêm nguồn lực bảo vệ rừng.

#### **V. Nguồn vốn và kinh phí thực hiện**

##### **1. Nguồn vốn**

Thực hiện đa dạng nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện chương trình đạt hiệu quả, gồm:

- Ngân sách Trung ương;
- Ngân sách địa phương đảm bảo theo khả năng ngân sách, lồng ghép sử dụng nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia;
- Nguồn kinh phí từ Quỹ bảo vệ và phát triển rừng;
- Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định.

##### **2. Dự kiến kinh phí thực hiện**

Tổng vốn dự kiến 8.587 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách nhà nước hỗ trợ khoảng 310 tỷ đồng; nguồn kinh phí từ Quỹ bảo vệ và phát triển rừng khoảng 100 tỷ đồng; các nguồn vốn huy động hợp pháp khác khoảng 8.177 tỷ đồng./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 144/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 8 năm 2021

## **NGHỊ QUYẾT**

**Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án xây dựng Trụ sở nhà làm việc và các công trình phụ trợ của Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Hỷ**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 65/QĐ-BXD ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Suất vốn đầu tư và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 57/NQ - HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án xây dựng Trụ sở nhà làm việc và các công trình phụ trợ của Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Hỷ;*

*Xét Tờ trình số 137/TTr-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án xây dựng Trụ sở nhà làm việc và các công trình phụ trợ của Hạt Kiểm lâm*

*huyện Đông Hỷ; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án xây dựng Trụ sở nhà làm việc và các công trình phụ trợ của Hạt Kiểm lâm huyện Đông Hỷ, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh tổng mức đầu tư

- Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh: 16.984 triệu đồng (*tăng 3.984 triệu đồng*).

- Cơ cấu nguồn vốn:

+ Nguồn vốn ngân sách tỉnh: 13.000 triệu đồng.

+ Nguồn vốn ngân sách địa phương từ nguồn thu tiền sử dụng đất và bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất: 3.984 triệu đồng.

2. Các nội dung khác giữ nguyên như Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2021./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Hoàng Sơn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 145/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 8 năm 2021

## **NGHỊ QUYẾT**

**Phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án  
thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHOÁ XIV, KỲ HỌP THỨ 2**

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*  
*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*  
*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*  
*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*  
*Căn cứ Luật Đề điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;*  
*Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;*  
*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;*  
*Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;*  
*Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;*  
*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*  
*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*  
*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*  
*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 65/QĐ-BXD ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2020;*

*Xét Tờ trình số 141/TTr-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về quyết định chủ trương đầu tư một số dự án thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê duyệt chủ trương đầu tư 05 dự án thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gồm:

1. Dự án khu tái định cư tập trung vùng thiên tai có nguy cơ sạt lở đất và lũ quét xã Kim Phượng, huyện Định Hóa (*chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*).

2. Dự án ổn định dân cư tại chỗ vùng thiên tai có nguy cơ sạt lở và lũ ống, lũ quét thuộc 06 xã: Na Mao, Đức Lương, Hoàng Nông, Khôi Kỳ, Tân Linh và Ký Phú, huyện Đại Từ (*chi tiết tại Phụ lục II kèm theo*).

3. Dự án xây dựng kè chống sạt lở bờ sông Con, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công (*Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo*).

4. Dự án sửa chữa, khắc phục Kè Soi Quýt, xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên (*chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo*).

5. Dự án cải tạo, nâng cấp các hồ đập trên địa bàn tỉnh (*chi tiết tại Phụ lục V kèm theo*)

## **Điều 2.** Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan có liên quan hoàn thiện hồ sơ của từng dự án trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật liên quan.

## **Điều 3.** Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2021./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Hoàng Sơn**

**Phụ lục I****Dự án khu tái định cư tập trung vùng thiên tai có nguy cơ sạt lở đất và lũ quét xã Kim Phụng, huyện Định Hóa**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 145/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

**1. Mục tiêu đầu tư**

Nhằm ổn định và nâng cao đời sống của người dân, hạn chế tới mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản do thiên tai; giúp người dân vùng dự án yên tâm phát triển sản xuất, tăng thu nhập, góp phần giảm nghèo, bảo vệ môi trường và củng cố an ninh, quốc phòng. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu, đồng bộ đảm bảo các hộ dân cư sinh sống an toàn, ổn định, phát triển sản xuất.

**2. Quy mô đầu tư**

- Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu khu tái định cư mới để bố trí cho 28 hộ dân cư sinh sống ở khu vực có nguy cơ xảy ra thiên tai cao tại xã Kim Phụng.

- Diện tích lập dự án khoảng 2,5 ha; đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật thiết yếu phục vụ đời sống cho các hộ dân (hệ thống giao thông, cấp nước, thoát nước, cấp điện,...); khu dân cư đáp ứng cho 28 hộ dân, diện tích đất ở mỗi hộ bình quân từ 300 - 400 m<sup>2</sup>/hộ để đảm bảo theo phong tục sinh sống của người dân khu vực nông thôn, đồng bào dân tộc.

- Loại công trình: Hạ tầng kỹ thuật; cấp công trình: Cấp IV.

**3. Nhóm dự án: Nhóm C.****4. Tổng mức đầu tư dự án: 23.000 triệu đồng.**

5. Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách địa phương (từ nguồn bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất một số đơn vị thuộc tỉnh được xây dựng trên cơ sở phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và nguồn vốn huy động hợp pháp khác).

6. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Kim Phụng, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

**7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2022 - 2024.**

#### 8. Tiến độ thực hiện dự án

- Quý II năm 2021 đến Quý IV năm 2021: Lập, trình thẩm định, phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng công trình; lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Quý I, Quý II năm 2022: Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán công trình.

- Quý III năm 2022 đến Quý IV năm 2024: Lựa chọn nhà thầu, tổ chức thi công các hạng mục công trình; thanh, quyết toán vốn đầu tư, đưa công trình vào khai thác sử dụng./.

**Phụ lục II****Dự án ổn định dân cư tại chỗ vùng thiên tai  
có nguy cơ sạt lở và lũ ống, lũ quét thuộc 06 xã: Na Mao, Đức Lương,  
Hoàng Nông, Khôi Kỳ, Tân Linh và Ký Phú, huyện Đại Từ**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 145/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

**1. Mục tiêu đầu tư**

Nhằm hạn chế tới mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản do thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; ổn định và nâng cao đời sống của người dân; bảo vệ môi trường và củng cố an ninh, quốc phòng. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ đảm bảo các hộ dân cư sinh sống an toàn, ổn định, phát triển sản xuất vùng bố trí dân cư; đáp ứng các tiêu chí nông thôn mới của 06 xã: Na Mao, Đức Lương, Hoàng Nông, Khôi Kỳ, Tân Linh và Ký Phú, huyện Đại Từ.

**2. Quy mô đầu tư**

- Xây dựng đường tràn liên hợp công hợp thoát lũ xóm Khuân U, xóm Trung Tâm, xã Na Mao, huyện Đại Từ; cấp công trình: Cấp IV.
- Nâng cấp cầu tràn thoát lũ Đức Long và kè chống sạt lở Suối Mang, xóm Chùa, xã Khôi Kỳ; cấp công trình: Cấp IV.
- Nâng cấp, sửa chữa đường tràn liên hợp công hợp thoát lũ xóm Đạn 3, xóm Dừa, xã Ký Phú, huyện Đại Từ; cấp công trình: Cấp IV.
- Nâng cấp, sửa chữa đường tràn liên hợp công hợp thoát lũ xóm 5 và kè chống sạt lở xã Tân Linh; cấp công trình: Cấp IV.
- Nâng cấp, sửa chữa đường tràn liên hợp công hợp thoát lũ xóm Suối Chùn, xã Hoàng Nông; cấp công trình: Cấp IV.
- Xây dựng đường tràn liên hợp công hợp thoát lũ xóm Cầu Sào, xã Đức Lương; cấp công trình: Cấp IV.

**3. Nhóm dự án: Nhóm C.**

4. Tổng mức đầu tư dự án: 20.000 triệu đồng.

5. Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách địa phương (từ nguồn bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất một số đơn vị thuộc tỉnh được xây dựng

trên cơ sở phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và nguồn vốn huy động hợp pháp khác).

6. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Na Mao, xã Đức Lương, xã Hoàng Nông, xã Khôi Kỳ, xã Tân Linh và xã Ký Phú, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2022 - 2024.

8. Tiến độ thực hiện dự án

- Quý II năm 2021 đến Quý IV năm 2021: Lập, trình thẩm định, phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng công trình; lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Quý I, Quý II năm 2022: Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán công trình.

- Quý III năm 2022 đến Quý IV năm 2024: Lựa chọn nhà thầu, tổ chức thi công các hạng mục công trình; thanh, quyết toán vốn đầu tư, đưa công trình vào khai thác sử dụng./.

**Phụ lục III****Dự án xây dựng kè chống sạt lở bờ sông Con, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 145/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

**1. Mục tiêu đầu tư**

Chống sạt lở bờ sông Con, hạn chế xảy ra rủi ro khi lũ lớn; giữ nguyên quỹ đất, bảo vệ an toàn, tính mạng, tài sản của người dân và các công trình hạ tầng hiện có trong khu vực.

**2. Quy mô đầu tư**

Xây dựng mới tuyến kè hộ bờ sông tại khu vực đề xuất với chiều dài tuyến khoảng 350 m; cải tạo khơi thông lòng dẫn sông Con đoạn qua khu vực dự án để tăng cường khả năng thoát lũ.

**3. Nhóm dự án: Nhóm C.****4. Tổng mức đầu tư dự án: 10.000 triệu đồng.****5. Cơ cấu nguồn vốn: Vốn đầu tư công ngân sách địa phương.**

**6. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Châu Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.**

**7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2022 - 2024.****8. Tiến độ thực hiện dự án**

- Quý II năm 2021 đến Quý IV năm 2021: Lập, trình thẩm định, phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng công trình; lập, thẩm định, trình phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình.

- Quý I năm 2022: Tổ chức lựa chọn nhà thầu; khởi công thi công các hạng mục công trình.

- Quý I năm 2022 đến Quý IV năm 2024: Thi công hoàn thành các hạng mục và thanh, quyết toán công trình./.

**Phụ lục IV****Dự án sửa chữa, khắc phục Kè Soi Quýt, xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 145/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

**1. Mục tiêu đầu tư**

- Sửa chữa, khắc phục Kè Soi Quýt đảm bảo theo mục tiêu đầu tư ban đầu và xử lý dứt điểm những vị trí hư hỏng, xuống cấp của công trình, bảo vệ vững chắc tuyến đê Hà Châu thuộc xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên; đồng thời giảm thiểu nguy cơ ngập lụt, sạt lở khu vực Soi Quýt, xã Tiên Phong.

- Phát triển đời sống Nhân dân trong khu vực thông qua việc cải thiện môi trường sống, hạn chế thiệt hại do lũ lụt.

- Ổn định đời sống kinh tế, dân sinh trong vùng bảo vệ, giúp người dân yên tâm đầu tư phát triển sản xuất và dần nâng cao mức sống, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

**2. Quy mô đầu tư**

Sửa chữa kè Soi Quýt bờ hữu sông Cầu bảo vệ đê Hà Châu tương ứng với lý trình đê từ K6+450 - K7+530, chiều dài L=1.080 m.

**3. Nhóm dự án: Nhóm C.****4. Tổng mức đầu tư dự án: 15.000 triệu đồng.****5. Cơ cấu nguồn vốn: Vốn đầu tư công ngân sách địa phương.**

**6. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.**

**7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2022 - 2024.****8. Tiến độ thực hiện dự án**

- Quý II năm 2021 đến Quý IV năm 2021: Lập, trình thẩm định, phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng công trình; lập, thẩm định, trình phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình.

- Quý I năm 2022: Tổ chức lựa chọn nhà thầu; khởi công thi công các hạng mục công trình.

- Quý I năm 2022 đến Quý IV năm 2024: Thi công hoàn thành các hạng mục và thanh quyết toán công trình./.

**Phụ lục V****Dự án cải tạo, nâng cấp các hồ đập trên địa bàn tỉnh**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 145/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

**1. Mục tiêu đầu tư**

Đảm bảo cung cấp nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp; an toàn đập, hồ chứa nước theo quy định của pháp luật, đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản của Nhân dân vùng hạ du công trình và phục vụ đa mục tiêu góp phần xây dựng nông thôn mới, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

**2. Quy mô đầu tư**

Đầu tư cải tạo, nâng cấp 32 công trình thủy lợi thuộc huyện Phú Bình (08 công trình), huyện Phú Lương (08 công trình); huyện Đại Từ (05 công trình), huyện Định Hóa (06 công trình), huyện Đồng Hỷ (02 công trình), thị xã Phổ Yên (01 công trình), thành phố Sông Công (01 công trình), huyện Võ Nhai (01 công trình) với quy mô dự kiến như sau:

- Đập đất: Sửa chữa, nâng cấp đập đất bằng biện pháp đắp áp trúc mái thượng lưu, hạ lưu đập đảm bảo bề rộng mặt đập theo tiêu chuẩn thiết kế; mái thượng lưu lát mái bằng tấm bê tông cốt thép mác 200; hạ lưu trồng cỏ bảo vệ mái, bố trí hệ thống thoát nước mái; đỉnh đập đổ bê tông mác 200.

- Tràn xả lũ: Làm mới (hoặc sửa chữa, nâng cấp) tràn xả lũ kết cấu bê tông cốt thép mác 200 đảm bảo xả lũ theo thiết kế.

- Công lấy nước: Nâng cấp hệ thống công dưới đập bằng bê tông; ống công bằng thép; bố trí nhà van điều tiết.

- Kênh tưới: Nâng cấp tuyến kênh tưới sau công bằng kết cấu bê tông cốt thép mác 200.

- Đường quản lý vận hành: Sửa chữa, nâng cấp đường quản lý vận hành kết hợp cứu hộ, cứu nạn bằng bê tông mác 200.

**3. Nhóm dự án: Nhóm B.**

4. Tổng mức đầu tư dự án: 150.000 triệu đồng.

**5. Cơ cấu nguồn vốn**

- Vốn đầu tư công ngân sách địa phương: 50.000 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương (từ nguồn bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất một số đơn vị thuộc tỉnh được xây dựng trên cơ sở phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và nguồn vốn huy động hợp pháp khác): 100.000 triệu đồng.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Phú Bình, huyện Phú Lương, huyện Định Hóa, huyện Đại Từ, huyện Võ Nhai, huyện Đông Hỷ; thị xã Phổ Yên, thành phố Sông Công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2022 - 2025.

8. Tiến độ thực hiện dự án

- Quý II năm 2021 đến Quý IV năm 2021: Lập, trình thẩm định, phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng công trình; lập, thẩm định, trình phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Quý I năm 2022: Lập, thẩm định, trình phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình.

- Quý II năm 2022: Tổ chức lựa chọn nhà thầu; khởi công thi công các hạng mục công trình.

- Quý II năm 2022 đến Quý IV năm 2025: Thi công hoàn thành các hạng mục và thanh, quyết toán công trình./.

**CÔNG BÁO** tỉnh Thái Nguyên là ấn phẩm chính thức của tỉnh Thái Nguyên dùng để công bố tất cả các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản có giá trị pháp lý khác do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện ban hành. Thông tư số 01/2017/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ : Hướng dẫn thực hiện quy định về Công báo tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định rõ: “Văn bản đăng trên Công báo là văn bản chính thức và có giá trị như bản gốc.

Công báo tỉnh Thái Nguyên gồm có các số thường kỳ và Mục lục Công báo cuối năm; Công báo được phát hành trên phạm vi toàn tỉnh do Trung tâm Thông tin tỉnh Thái Nguyên biên tập và thực hiện xuất bản.

Công báo điện tử được thiết kế trên khổ giấy có kích thước 29 cm chiều dài x 20,5 cm chiều rộng. Trang bìa có in hình Quốc huy, Quốc hiệu của Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và chữ **CÔNG BÁO** màu đỏ; Công báo điện tử được phát hành tại địa chỉ Website: <http://congbaothainguyen.gov.vn>.

---

## **VĂN PHÒNG UBND TỈNH THÁI NGUYÊN XUẤT BẢN**

Địa chỉ: Số 18, đường Nha Trang - TP. Thái Nguyên

Điện thoại: (0208).3 751 789

Fax: (0208).3 851 149

Email: [portal@thainguyen.gov.vn](mailto:portal@thainguyen.gov.vn)

Website: [www.congbaothainguyen.gov.vn](http://www.congbaothainguyen.gov.vn)